

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 11
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT**

Môn: ĐỊA LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, THÁNG 8/2024

- 1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên**
- 2. Tham gia biên soạn Phần chung về Chương trình GDTX cấp THPT**
 - TS. Hoàng Đức Minh - Chủ biên**
 - TS. Đồng Văn Bình - Thành viên**
 - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên**
- 3. Tham gia biên soạn phần môn học Địa lý**
 - TS. Đỗ Anh Dũng - Chủ biên**
 - PGS.TS. Nguyễn Phương Liên - Thành viên**
 - ThS. Dương Thị Oanh - Thành viên, Thư ký**

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học và Sinh học.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp GV, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai. Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn học Địa lí: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 11 môn Địa lí, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba. Hướng dẫn tổ chức dạy học môn học Địa lí lớp 11 Chương trình GDTX cấp THPT: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Các từ viết tắt</i>	<i>Viết đầy đủ</i>
1.	ĐGĐK	Đánh giá định kì
2.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
3.	GDPT	Giáo dục phổ thông
4.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
5.	GV	Giáo viên
6.	HV	Học viên
7.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
9.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
10.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
11.	PPDH	Phương pháp dạy học
12.	QTDH	Quá trình dạy học
13.	TCM	Tổ chuyên môn
14.	THCS	Trung học cơ sở
15.	THPT	Trung học phổ thông
16.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
Phần thứ nhất	8
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	8
I. MỤC TIÊU	8
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....	8
1. Yêu cầu về phẩm chất	8
2. Yêu cầu về năng lực	8
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	9
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học	13
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC.....	15
1. Nội dung giáo dục	15
2. Thời lượng giáo dục	17
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	18
1. Định hướng về phương pháp giáo dục.....	18
2. Hình thức tổ chức dạy học	18
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	19
Phần thứ hai	21
GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT	21
MÔN ĐỊA LÍ	21
I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC.....	21
1. Mục tiêu chung.....	21
2. Mục tiêu cụ thể.....	21
2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù	22
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11.....	23
ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI	23
CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11	28
IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11	29
1. Thời lượng dạy học cho từng nội dung	29
2. Định hướng đổi mới PPDH	31
3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá	31
a) <i>Định hướng chung</i>	31
b) <i>Một số hình thức kiểm tra, đánh giá</i>	32
4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học	33

Phần thứ ba	34
HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11	34
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI	34
SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	34
CỦA CÁC NHÓM NƯỚC	34
THỰC HÀNH.....	39
TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ VÀ AN NINH TOÀN CẦU.....	43
TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ.....	43
THỰC HÀNH.....	49
MỘT SỐ TỔ CHỨC KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ	51
MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU.....	56
THỰC HÀNH TÌM HIỂU NỀN KINH TẾ TRI THỨC	60
ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA	63
KHU VỰC MỸ LATINH	63
THỰC HÀNH: CỘNG HÒA LIÊN BANG BRASIL (BRA-XIN)	69
LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)	72
Thực hành: VIẾT BÁO CÁO VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	80
CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC.....	80
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á.....	87
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI, KINH TẾ.....	87
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á	87
HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)	98
THỰC HÀNH.....	103
TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI ĐÔNG NAM Á.....	103
KHU VỰC TÂY NAM Á	106
HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ (HOA KỲ).....	113
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI HOA KỲ.....	113
KINH TẾ HOA KỲ.....	122
LIÊN BANG NGA	132
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN. DÂN CƯ,	132
XÃ HỘI LIÊN BANG NGA	132
KINH TẾ LIÊN BANG NGA	140
Thực hành: TÌM HIỂU VỀ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ.....	145
CỦA LIÊN BANG NGA	145
NHẬT BẢN.....	149

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	149
VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI NHẬT BẢN.....	149
KINH TẾ NHẬT BẢN.....	158
THỰC HÀNH.....	167
HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN.....	167
CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC).....	172
(Thời gian thực hiện: 6 tiết).....	172
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG QUỐC.....	172
KINH TẾ TRUNG QUỐC.....	181
THỰC HÀNH.....	189
SỰ THAY ĐỔI CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC.....	189
THỰC HÀNH.....	192
TÌM HIỂU VỀ KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A.....	192
CỘNG HÒA NAM PHI.....	198
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI.....	198
CỘNG HÒA NAM PHI.....	198
KINH TẾ CỘNG HÒA NAM PHI.....	206
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	212

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp trung học phổ thông (THPT) nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV (HV) tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none">- Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none">- Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none">- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none">- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.- Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none">- Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.- Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.- Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

Trung thực	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	
Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. - Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. - Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. - Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân. - Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết. - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. - Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong nhóm	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. - Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp; - Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. - Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. - Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được

hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mỹ

Năng lực thẩm mỹ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mỹ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mỹ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mỹ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ.

HV chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về

năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do GV chủ nhiệm hoặc GV bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do GV chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX) .

- Chuyên đề học tập của môn học do GV dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	105
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35

Nội dung giáo dục	Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Tổng số tiết học/năm học (<i>Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i>)	752	752	752
Số tiết học trung bình/tuần (<i>Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i>)	21,5	21,5	21,5
Tổng số tiết học/năm học (<i>Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i>)	997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (<i>Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn</i>)	28,5	28,5	28,5

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của HV về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các

địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để ĐGTX, GV có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGDK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

Phần thứ hai

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

MÔN ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Mục tiêu chung

Chương trình GDTX môn Địa lí giúp HV hình thành, phát triển năng lực địa lí - một biểu hiện của năng lực khoa học; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp; để hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giúp HV có hiểu biết về những vấn đề cơ bản của địa lí đại cương, địa lí thế giới, địa lí Việt Nam (địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội) và các chuyên đề học tập.

- Giúp HV tiếp cận những tri thức cơ bản về khoa học địa lí, các ngành nghề liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí vào đời sống; đồng thời mở rộng nền tảng tri thức, kĩ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp HV tiếp tục theo học các ngành nghề liên quan.

- Phát triển các năng lực đặc thù của bộ môn như: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, sử dụng các công cụ địa lí, tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ các môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, thực hiện các chủ đề khám phá từ thực tiễn, vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

- Có tình yêu thiên nhiên, đất nước, có thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau; có ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Môn Địa lí góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Môn Địa lí góp phần hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Thành phần năng lực	Biểu hiện
NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÍ	
Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được bản đồ địa hình kết hợp với địa bàn để xác định vị trí của một điểm trên thực địa; xác định được vị trí của một sự vật, hiện tượng địa lí trên bản đồ. - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng. - Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí. - Sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng bản đồ hoặc lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lí; phát hiện, chọn lọc, tổng hợp và trình bày được đặc trưng địa lí của một địa phương; từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt các địa phương với nhau.
Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế diễn ra một số hiện tượng, quá trình tự nhiên trên Trái Đất; sự hình thành, phát triển và phân bố của một số yếu tố hoặc thành phần tự nhiên; một số đặc điểm của sự vật, hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất và ở lãnh thổ Việt Nam; phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương. - Giải thích được các sự vật, hiện tượng; sự phân bố, đặc điểm, quá trình phát triển về kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, khu vực và ở Việt Nam. - Giải thích được các sự vật, hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội trên cơ sở vận dụng mối liên hệ và tác động của tự nhiên. - Giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
TÌM HIỂU ĐỊA LÍ	
Sử dụng các công cụ địa lí học	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí; lập được bộ sưu tập hình ảnh (bản giấy và bản kĩ thuật số). - Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, atlas

	<p>địa lí; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản đồ thông dụng trong thực tế.</p> <p>- Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...); nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; xây dựng được bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu; vẽ được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lí từ số liệu đã cho.</p> <p>- Nhận xét được biểu đồ và giải thích; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình địa lí.</p>
Tổ chức học tập ở thực địa	- Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa; sử dụng được những kỹ năng cần thiết để thu thập tài liệu sơ cấp ngoài thực địa: quan sát, quan trắc, chụp ảnh thực địa, phỏng vấn, vẽ lược đồ, sơ đồ,... trình bày được những thông tin thu thập được từ thực địa.
Khai thác Internet phục vụ môn học	- Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC	
Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế	- Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; liên hệ được thực tế địa phương, đất nước,... để làm sáng rõ hơn kiến thức địa lí.
Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn	<p>- Trình bày ý tưởng và xác định được cụ thể chủ đề nghiên cứu ở địa phương; vận dụng được kiến thức, kỹ năng địa lí vào việc nghiên cứu chủ đề, viết được báo cáo hoàn chỉnh và trình bày kết quả nghiên cứu theo các hình thức khác nhau.</p> <p>- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ HV và ứng xử phù hợp với môi trường sống.</p>

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11

ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI	
Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	

<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm nước - Sự khác biệt về kinh tế - xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. - Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.
Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	
<ul style="list-style-type: none"> - Toàn cầu hoá kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực hoá kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế và ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
<ul style="list-style-type: none"> - Một số tổ chức khu vực và quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.
<ul style="list-style-type: none"> - An ninh toàn cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.
Nền kinh tế tri thức	
<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm - Các biểu hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA	
Khu vực Mỹ Latinh	
<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
<ul style="list-style-type: none"> - Dân cư, xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.
- Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết	- Viết được báo cáo về những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.
Liên minh châu Âu (EU)	
- Một liên kết kinh tế khu vực lớn	- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.
- Vị thế của khu vực trong nền kinh tế thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. - Thu thập được thông tin về địa lí của EU.
- Cộng hoà Liên bang Đức: Công nghiệp	- Viết được báo cáo về những nét khái quát về sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.
Khu vực Đông Nam Á	
- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Dân cư, xã hội	- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Kinh tế	- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung và sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN. - Lấy được một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Hoạt động kinh tế đối ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.
Khu vực Tây Nam Á	
<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên - Dân cư, xã hội 	- Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Vấn đề dầu mỏ	-Nêu được một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	
- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	-Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Dân cư, xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới; trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích. - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kỳ.
Liên bang Nga	
<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên - Dân cư, xã hội 	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế, đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi; vẽ được biểu đồ. - Suu tầm, hệ thống hoá được các thông tin, hình ảnh về địa lí Liên bang Nga từ các nguồn khác nhau.
Nhật Bản	
- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Dân cư, xã hội	- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế - Hoạt động kinh tế đối ngoại 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế; so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật. - Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét. - Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại.
Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	
<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên - Dân cư, xã hội - Kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội. - Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét.

- Sự thay đổi của nền kinh tế	- Thu thập được tư liệu (hình ảnh, số liệu, bài viết,...) về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.
Australia (Ô-xtrây-li-a)	
- Kinh tế	- Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ. - Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Australia. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
Cộng hoà Nam Phi	
- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên	- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế.
- Dân cư, xã hội - Kinh tế	- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế. - Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu. - Thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11

Chuyên đề 11.1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Ủy hội sông Mê Công (MRC)	- Nêu được khái quát về lưu vực sông Mê Công. - Trình bày được lí do ra đời, mục tiêu của Ủy hội sông Mê Công. - Giới thiệu được một số hoạt động của Ủy hội sông Mê Công. - Xác định được vai trò của Việt Nam trong Ủy hội sông Mê Công.
- Hợp tác hoà bình trong khai thác Biển Đông	- Nêu và đánh giá được các biểu hiện của sự hợp tác trong khai thác tài nguyên thiên nhiên, phát triển giao thông vận tải, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc phòng ở Biển Đông.

Chuyên đề 11.2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Tài nguyên du lịch thế giới	- Chứng minh được sự đa dạng, phong phú của các loại tài nguyên du lịch trên thế giới, liên hệ được với tài nguyên du lịch Việt Nam.
- Một số loại hình du lịch phổ biến và xu hướng phát triển du lịch trên thế giới hiện nay - Định hướng nghề nghiệp	- Trình bày được một số loại hình du lịch phổ biến trên thế giới hiện nay, liên hệ được với hoạt động du lịch ở Việt Nam. - Trình bày được một số xu hướng phát triển du lịch trên thế giới. - Liên hệ để hiểu được các định hướng phát triển du lịch Việt Nam. - Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến du lịch.

Chuyên đề 11.3: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ (4.0)

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Nội dung chủ yếu - Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội thế giới	- Trình bày được quan niệm về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; so sánh được đặc điểm và nội dung của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với các cuộc cách mạng công nghiệp trước. - Nêu được các tác động chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến phát triển kinh tế - xã hội trên toàn thế giới. - Nêu được một số xu hướng chính của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. - Vận dụng được hiểu biết về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào việc định hướng nghề nghiệp và liên hệ với việc học tập.

IV. HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LỚP 11

1. Thời lượng dạy học cho từng nội dung

a) Thời lượng (70 tiết) dành cho mạch nội dung các kiến thức cốt lõi dự kiến được phân phối theo số tiết như sau:

Mạch nội dung	Dự kiến phân phối số tiết
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI	13
Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	3
- Các nhóm nước - Sự khác biệt về kinh tế - xã hội	
Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	7

- Toàn cầu hoá kinh tế - Khu vực hoá kinh tế - Một số tổ chức khu vực và quốc tế - An ninh toàn cầu	
Nền kinh tế tri thức - Đặc điểm - Các biểu hiện	3
ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA	49
Địa lí khu vực	19
Khu vực Mỹ Latinh	5
Liên minh châu Âu (EU)	5
Khu vực Đông Nam Á	5
Khu vực Tây Nam Á	4
Địa lí các quốc gia	30
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	6
Liên bang Nga	6
Nhật Bản	6
Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc)	6
Australia (Ô-xtrây-li-a)	2
Cộng hoà Nam Phi	4
Đánh giá định kì và ôn tập	8
Tổng số tiết	70

Việc phân phối số tiết cho các nội dung nêu trên là một phương án tham khảo. Dựa vào đặc điểm của cơ sở Giáo dục thường xuyên và trình độ HV, các cơ sở GDTX xây dựng kế hoạch giáo dục với số tiết phân bổ cho các nội dung cụ thể.

b) Phân bổ số tiết cho các chuyên đề học tập ở mỗi lớp (bao gồm cả kiểm tra, đánh giá) như sau:

Mạch nội dung	Số tiết
Chuyên đề: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á	10
Chuyên đề: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DU LỊCH THẾ GIỚI	15
Chuyên đề: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ (4.0)	10

2. Định hướng đổi mới PPDH

a) Để phát triển thành phần năng lực nhận thức khoa học địa lí, GV tạo cho HV cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức. Chú ý tổ chức các hoạt động tiếp cận sự vật và hiện tượng địa lí diễn ra trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian - thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: cái gì, ở đâu, như thế nào...; rèn luyện cho HV kĩ năng phân tích các mối liên hệ (tương hỗ, nhân quả) giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế - xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế - xã hội.

b) Để phát triển thành phần năng lực tìm hiểu địa lí, GV tạo điều kiện cho HV sử dụng các công cụ của địa lí học như: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, khối đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,... tìm tòi, khám phá các tri thức địa lí; tăng cường khai thác Internet trong học tập, tổ chức cho HV học tập ngoài thực địa, trong môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội địa phương.

c) Để phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về địa lí, HV cần được tạo cơ hội để cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tiếp cận với các tình huống thực tiễn, thực hiện các chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp. GV cần quan tâm rèn luyện cho HV các kĩ năng phát hiện vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu, giải quyết vấn đề, đánh giá kết quả giải quyết vấn đề, nêu giải pháp khắc phục hoặc cải tiến, tăng cường sử dụng các bài tập đòi hỏi vận dụng kiến thức thực tế và tư duy phản biện, sáng tạo.

3. Định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá

a) Định hướng chung

- Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Địa lí nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của HV để hướng dẫn hoạt động học tập.

- Căn cứ để đánh giá kết quả giáo dục của HV là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn Địa lí.

- Về nội dung đánh giá, bên cạnh đánh giá kiến thức, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HV như: làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Chú trọng đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HV bằng các hình thức khác nhau. Kết hợp việc đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HV.

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp kết quả đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HV.

b) Một số hình thức kiểm tra, đánh giá

- *Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HV*: là hoạt động thu thập, xử lí thông tin thông qua quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình rèn luyện và học tập của HV trong các môn học bắt buộc, môn học tự chọn, hoạt động giáo dục (sau đây gọi tắt là môn học) trong Chương trình giáo dục thường xuyên; tư vấn, hướng dẫn, động viên HV; xác nhận kết quả đạt được của HV; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HV để điều chỉnh quá trình dạy học và giáo dục (sau đây gọi chung là dạy học).

- *Đánh giá thường xuyên*: là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HV diễn ra trong quá trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên; cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HV để kịp thời điều chỉnh trong quá trình dạy học; hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của HV; xác nhận kết quả đạt được của HV trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ rèn luyện và học tập.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập. Đối với mỗi môn học, mỗi HV được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá HV (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Môn Địa lí (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐDG_{tx}) trong mỗi học kì là 03 ĐDG_{tx}.

Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học, mỗi HV được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá HV (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

- *Đánh giá định kì* là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HV theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lý giáo dục, GV, HV để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HV.

Đánh giá định kỳ gồm đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy, trên máy tính hoặc bằng hình thức trực tuyến; thông qua bài thực hành, dự án học tập. Đề kiểm tra của mỗi môn học được xây dựng dựa trên Bản đặc

tả đề kiểm tra, đáp ứng yêu cầu cần đạt của mỗi môn học được quy định trong Chương trình giáo dục thường xuyên. Không thực hiện đánh giá định kỳ đối với cụm chuyên đề học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra đánh giá định kỳ là 45 phút. Môn Địa lí có 01 (một) điểm đánh giá giữa kỳ và 01 (một) điểm đánh giá cuối kỳ trong mỗi học kỳ.

4. Hướng dẫn về thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Trong dạy học địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, các thiết bị dạy học có vai trò rất quan trọng. Các thiết bị dạy học của môn Địa lí bao gồm:

- Bản đồ, tập bản đồ địa lí.
- Các biểu đồ, sơ đồ, lược đồ, lát cắt.
- Tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế - xã hội,...).
- Tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội.
- Quả địa cầu
- Mô hình, mẫu vật,...
- Các phần mềm dạy học, video clip; các thư viện số (digital) chứa các kho tư liệu dạy học địa lí.

Các phương tiện dạy học địa lí như bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa... đều có chức năng kép : vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa là phương tiện minh họa nội dung dạy học. Trong quá trình dạy học, GV cần tổ chức, hướng dẫn để HV biết khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí, qua đó HV vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả của các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, để hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Tạo điều kiện cho HV tiếp cận các nguồn học liệu đa dạng, khai thác các thông tin phong phú qua mạng Internet,... để xây dựng các chủ đề học tập theo sở thích và phát triển năng lực tự học tùy theo nhịp độ, khả năng, cách học của cá nhân HV.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI
SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
CỦA CÁC NHÓM NƯỚC
(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người.

- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực sau:

- Giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

- Định hướng nghề nghiệp:

+ Nhận thức được giá trị sống của bản thân.

+ Biết được những đặc điểm về tình hình kinh tế - xã hội của thế giới để vận dụng vào việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ về các nước phát triển và đang phát triển.

- Video có nội dung về đặc điểm kinh tế - xã hội của 02 nước, đại diện cho nước phát triển và đang phát triển (nếu có).

2. Chuẩn bị của HV

Đọc và tìm hiểu trước nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - hội của các nhóm nước" được tổ chức thành chuỗi hoạt động, nhằm giải quyết các vấn đề: sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước; một số chỉ tiêu về kinh tế - xã hội để phân biệt các quốc gia phát triển và đang phát triển,...; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê, đọc bản đồ, biểu đồ,...

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Bài học dự kiến thực hiện trong 3 tiết.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV khái quát hóa được những nội dung học tập lớp 11; đồng thời huy động những hiểu biết của mình về các nước phát triển và đang phát triển để kết nối với nội dung bài học; đồng thời cần tạo ra hứng thú cho HV khi bước vào bài học đầu tiên của lớp 11.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV sử dụng sơ đồ tóm tắt sơ lược chương trình Địa lí 10 và giới thiệu đôi nét về chương trình Địa lí 11.

- Yêu cầu HV cho biết quan điểm của mình về: Để phân biệt các nước phát triển và đang phát triển người ta thường dùng các tiêu chí nào? Tại sao chọn chỉ tiêu đó.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

- HV nghe và hỏi thêm về các nội dung học tập ở lớp 11.

- Đồng thời ghi hiểu biết của bản thân ra giấy nháp sau đó báo cáo kết quả; các HV khác góp ý, bổ sung.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu các nhóm nước phát triển và đang phát triển

1. Mục tiêu: Tìm hiểu về chỉ tiêu đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV: Đọc nội dung trong SGK, hãy:

- Cho biết có các chỉ tiêu quan trọng nào để phân biệt các nước phát triển và đang phát triển. Ý nghĩa của các chỉ tiêu đó.

- Lấy ví dụ 01 nước phát triển và 01 nước đang phát triển trên thế giới.

b) *HV thực hiện nhiệm vụ*

- HV làm việc cá nhân.

- HV dựa vào tư liệu SGK, bản đồ các nhóm nước và hiểu biết của bản thân; GV có thể chiếu video về 01 nước phát triển và đang phát triển để cung cấp thêm tư liệu cho HV (nếu có video) để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Sản phẩm là kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trên.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV có thể mời đại diện 01 HV báo cáo kết quả; dựa trên kết quả báo cáo, GV cho các HV khác bổ sung và trao đổi thảo luận toàn lớp.

d) *GV đánh giá và chốt kiến thức*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần thiết).

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Sự khác biệt về kinh tế - xã hội của các nhóm nước

1. Mục tiêu

Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế, nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu:

- Về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người);

- Cơ cấu kinh tế;

- Chỉ số phát triển con người.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV: Đọc nội dung trong SGK, hãy cho biết:

- Các chỉ tiêu để phân biệt các nước phát triển và đang phát triển về kinh tế.

- Các chỉ tiêu để phân biệt các nước phát triển và đang phát triển về khía cạnh xã hội.

- Lấy ví dụ ở 01 quốc gia phát triển và 01 quốc gia đang phát triển để minh họa.

(GV có thể chia thành 02 hoạt động: 01 hoạt động tìm hiểu về khác biệt về kinh tế và 01 hoạt động tìm hiểu khác biệt về xã hội)

GV có thể yêu cầu HV tìm hiểu trả lời các câu hỏi hoặc yêu cầu HV lập bảng thống kê về sự khác biệt giữa các quốc gia về kinh tế và xã hội (có thể sử dụng gợi ý sau).

Tiêu chí	Nhóm nước phát triển	Nhóm nước đang phát triển
Đóng góp vào GDP toàn cầu		
Tốc độ tăng trưởng kinh tế		
Trình độ phát triển kinh tế		
Cơ cấu GDP theo ngành kinh tế		
Thu nhập đầu người tính theo GNI		
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên; cơ cấu dân số		
Tỉ lệ dân thành thị		
Chỉ số HDI		

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cặp đôi.

- HV dựa vào tư liệu SGK và bản đồ các nhóm nước trong SGK; GV có thể chiếu video về 01 nước phát triển và đang phát triển để cung cấp thêm tư liệu cho HV (nếu có video) để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Sản phẩm là kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập trên. Cách trình bày sản phẩm do HV sáng tạo.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 01 cặp đôi lên bảng báo cáo kết quả (minh họa trên bản đồ). Hoặc tùy theo sản phẩm ở mục b GV tổ chức hình thức báo cáo của HV cho phù hợp.

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV.

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- HV được củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.

- HV được rèn luyện, làm quen với một số dạng câu hỏi, bài tập địa lí.

2. Tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

a) GV giao nhiệm vụ

Lựa chọn 01 quốc gia có nền kinh tế phát triển và 01 quốc gia có nền kinh tế đang phát triển, dựa vào cơ cấu GDP phân theo nhóm ngành kinh tế của các quốc gia đó, vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP theo nhóm ngành kinh tế và so sánh và giải thích.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV hoàn thành nhiệm vụ tại lớp.

c) GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HV tìm tòi mở rộng thêm kiến thức, liên hệ với Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu các chỉ số của Việt Nam: cơ cấu GDP theo ngành kinh tế, chỉ số HDI, cơ cấu dân số và thu nhập bình quân đầu người theo GNI.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Tại nhà.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Khi phân chia các nước trên thế giới thành các nước phát triển và đang phát triển người ta **không dựa** vào chỉ tiêu nào sau đây?

- A. Thu nhập bình quân đầu người.
- B. Cơ cấu nền kinh tế.
- C. Chỉ số phát triển con người.
- D. Tỷ lệ dân thành thị trong tổng số dân.

1.2. Các nước có HDI là bao nhiêu được Liên hợp quốc xếp vào loại HDI cao.

- A. 0,800 trở lên.
- B. từ 0,700 đến 0,800.
- C. từ 0,550 đến 0,700.
- C. dưới 0,550.

1.3. Cơ cấu ngành kinh tế là chỉ tiêu **không** phản ánh nội dung nào sau đây?

- A. Mức độ đóng góp của các ngành kinh tế vào GDP.
- B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
- C. Mức sống của người dân ở một quốc gia
- D. Trình độ phát triển khoa học công nghệ.

1.4. Các quốc gia nào sau đây được xếp vào nhóm các nước phát triển?

- A. Bra-xin, Cộng hòa Nam Phi.
- B. Thái Lan, In-đô-nê-xia.

C. Trung Quốc, Ấn Độ.

D. Nhật Bản, Hoa Kỳ.

1.5. Các quốc gia nào sau đây được xếp vào loại các nước đang phát triển?

A. Anh, Ca na đa.

B. Thái Lan, In-đô-nê-xia.

C. Đức, Pháp.

D. Nhật Bản, Hoa Kỳ.

Câu 2. Dựa vào bảng số liệu sau

Cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2020

(Đơn vị: %)

Quốc gia	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
Nhật Bản	1,0	29,0	69,5	0,5
Bra-xin	5,9	17,7	62,8	13,6

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của Nhật Bản và Bra-xin phân theo nhóm ngành kinh tế năm 2020.

- So sánh cơ cấu GDP phân theo nhóm ngành kinh tế của hai quốc gia nêu trên và rút ra kết luận.

THỰC HÀNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Sử dụng được bản đồ để xác định các nước phát triển hoặc đang phát triển, sự phân bố các nhóm nước.

- Phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian

- Sử dụng các công cụ địa lí học

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

- Có ý thức chăm chỉ trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ có nội dung về cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế, chỉ số HDI và GNI của các quốc gia trên thế giới năm gần đây nhất.

- Sưu tầm được các tư liệu về các quốc gia phát triển và đang phát triển.

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tư liệu về các quốc gia phát triển và đang phát triển (theo nhóm).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt của chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kĩ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV cần chuẩn bị bản đồ có các nội dung về cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế, chỉ số HDI và GNI của các quốc gia trên thế giới năm gần đây nhất; chuẩn bị bảng số liệu thống kê về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp. Dự kiến chủ đề được thực hiện trong 01 tiết học.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Giúp HV kiểm tra lại những hiểu biết của HV về chỉ tiêu phân biệt các nước phát triển và đang phát triển.

- Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV nhắc lại các tiêu chủ đề phân biệt các nước phát triển và đang phát triển về kinh tế và xã hội.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân; GV có thể chỉ yêu cầu HV thực hiện nhanh trong 3 phút và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để đặt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Sử dụng bản đồ để xác định các nước phát triển và đang phát triển, sự phân bố các nhóm nước.

1. Mục tiêu: Sử dụng bản đồ để xác định được các nước phát triển và đang phát triển, sự phân bố các nhóm nước.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Sử dụng bản đồ GV đã chuẩn bị hoặc bản đồ trong SGK, hãy hoàn thành bảng nhiệm vụ học tập sau:

Dựa vào bản đồ về HDI, GNI/người, cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới, hãy:

- Xác định và nêu tên ít nhất 2 nước phát triển và 2 nước đang phát triển trên thế giới tính đến năm 2020.

- Sơ sánh HDI, GNI, cơ cấu GDP của các quốc gia phát triển và đang phát triển nêu trên bằng cách hoàn thành bảng thống kê sau đây.

Quốc gia, phân bố (châu lục hoặc khu vực)	HDI	Cơ cấu ngành kinh tế	GNI/người

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc nhóm, mỗi nhóm nêu được ít nhất 3 quốc gia thuộc mỗi nhóm nước khác nhau.

- Thời gian làm việc 15 phút. Tùy theo điều kiện học tập HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ của nhóm hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV của 02 nhóm lên bảng báo cáo kết quả.

d) Kết luận, chốt kiến thức

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai
- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2: Phân tích bảng số liệu thống kê về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

1. Mục tiêu: Phân tích được bảng số liệu thống kê về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HV từ tiết học trước, HV đã chuẩn bị ở nhà, với nội dung các tư liệu về các nước phát triển và đang phát triển.

- GV kiểm tra sản phẩm của các nhóm HV.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HV chuẩn bị để báo cáo sản phẩm tìm hiểu của nhóm.

- GV có thể mời lần lượt đại diện 02 nhóm lên báo cáo sản phẩm. Tùy theo cách trình bày sản phẩm của nhóm HV, GV lựa chọn cách báo cáo của HV phù hợp.

- Các HV khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của nhóm bạn.

c) Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá, nhận xét hoạt động học và khâu chuẩn bị của các nhóm HV.

TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ VÀ AN NINH TOÀN CẦU

(Thời gian thực hiện: 7 tiết)

TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế và ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ địa lí học.

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Videoclip về một số biểu hiện của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế (nếu có).

2. Chuẩn bị của HV

Đọc trước bài học ở nhà.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế" được tổ chức thành chuỗi hoạt động, nhằm giải quyết các vấn đề: biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới; các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế và ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới; rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu,... Nội dung bài học có liên quan tới kiến thức của nhiều môn học khác nhau (Lịch sử, Giáo dục kinh tế và Pháp luật, Công nghệ). Vì vậy, GV cần hướng dẫn HV vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các nội dung bài học cũng như liên hệ để giải quyết các tình huống thực tiễn.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lý số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Các hoạt động vận dụng, mở rộng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng và mở rộng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- HV huy động, tổng hợp được những kiến thức đã có để nêu lên những vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay.

- HV được rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề thời sự đang được quan tâm, trình bày vấn đề đó trên quan điểm của mình.

- Tạo ra tình huống có vấn đề để nâng cao hứng thú học tập của HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV ghi ra giấy:

- Ba vấn đề toàn cầu hoặc vấn đề của khu vực hiện nay mà HV biết.

- Nêu lí do để những vấn đề đó trở thành vấn đề toàn cầu.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV suy nghĩ trả lời yêu cầu của GV ra giấy trong khoảng thời gian 2 phút

c) GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả

GV thu lại sản phẩm của 1 số HV, đọc kết quả làm việc trước lớp, nhận xét, đánh giá hoạt động của HV.

d) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Tìm hiểu về các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.

1. Mục tiêu: Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế..

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và hoàn thành bảng thống kê sau đây.

Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế	Minh chứng

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV về các minh chứng sao cho gọn gàng và hiệu quả.

c) GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả

GV mời 01 hoặc 02 HV lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung và hỏi về những nội dung chưa rõ ràng.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Các biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế có thể có sự khác nhau giữa các SGK, GV cần nghiên cứu tất cả các bộ sách giáo khoa và bổ sung cho HV các biểu hiện cần thiết.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế và ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

1. Mục tiêu

- Trình bày được các hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.

- Ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và bằng hiểu biết của bản thân, hãy:

1. Lấy dẫn chứng để chứng minh các hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế: Thúc đẩy hợp tác quốc tế; tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phân hóa giàu nghèo; nguy cơ tụt hậu kinh tế.

2. Ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cặp đôi, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV, đặc biệt HV khó phân biệt hệ quả và ảnh hưởng, GV cần làm rõ các nội dung này.

+ Hệ quả: thúc đẩy hợp tác quốc tế; tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phân hóa giàu nghèo; nguy cơ tụt hậu kinh tế.

+ Ảnh hưởng: các quốc gia tăng cường các nguồn lực phát triển; các quốc gia phải xây dựng thương hiệu sản phẩm và sản xuất theo các tiêu chuẩn toàn cầu; hoàn thiện thể chế để thích ứng với toàn cầu hóa; các vấn đề môi trường; văn hóa, dân tộc trong hội nhập.

c) GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả

GV mời 01 cặp HV lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Các hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế;

Các ảnh hưởng toàn cầu hóa kinh tế đến các quốc gia (tích cực, hạn chế).

Hoạt động 3. Tìm hiểu các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế

1. Mục tiêu: Trình bày được các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và bằng hiểu biết của bản thân, hãy: Nêu các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế. lấy ví dụ để chứng minh.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV giải thích cho HV các kiểu liên kết phổ biến trên thế giới hiện nay: liên kết tạo thành các liên minh; liên kết tạo thành các khu vực; liên kết các tổ chức kinh tế; liên kết tam giác,...

c) GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả

GV mời 01 cặp HV lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức

Hoạt động 4. Tìm hiểu các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế

1. Mục tiêu: Trình bày được hệ quả và ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và bằng hiểu biết của bản thân, hãy hoàn thành bảng thống kê sau đây:

Khu vực hóa kinh tế	Biểu hiện/ví dụ
Hệ quả - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	

- Tự do hóa thương mại, đầu tư giữa các quốc gia trong khu vực	
- Bảo hộ sản xuất trong khu vực, cạnh tranh các khu vực khác	
Ý nghĩa	

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm, đọc nội dung SGK và hiểu biết của bản thân hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp và giải thích cho HV.

c) GV tổ chức cho HV báo cáo kết quả

GV mời 01 nhóm đại diện các nhóm HV lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- HV được củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.
- HV được rèn luyện, làm quen với một số dạng câu hỏi, bài tập địa lí.

2. Tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào kiến thức đã học, hãy vẽ sơ đồ thể hiện hệ quả của toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế.

b) HV thực hiện nhiệm vụ tại lớp: Thời gian do GV sắp xếp, nếu không đủ thời gian có thể giao cho HV hoàn thành ở nhà..

c) GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HV tìm tòi mở rộng thêm kiến thức, liên hệ với bản thân trong việc định hướng nghề nghiệp trong tương lai trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu tác động của toàn cầu hóa và khu vực hóa đối với vấn đề việc làm trong tương lai và các kỹ năng chung mà người lao động cần có trong tương lai.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* Tại nhà.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. *Toàn cầu hoá kinh tế **không** bao gồm biểu hiện nào sau đây?*

- A. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.
- B. Thương mại thế giới phát triển mạnh.
- C. Gia tăng số lượng các tiêu chuẩn áp dụng toàn cầu..
- D. Sự ra đời của nhiều tổ chức liên kết khu vực.

1.2. *Khu vực hoá kinh tế **không** bao gồm biểu hiện nào sau đây?*

- A. Số lượng của các công ty đa quốc gia và chi nhánh không ngừng tăng.
- B. Thương mại nội vùng giữa các quốc gia trong cùng khu vực tăng.
- C. Nhiều hiệp định kinh tế, chính trị khu vực được kí kết.
- D. Nhiều tổ chức liên kết kinh tế khu vực được hình thành.

1.3. *Một trong những hệ quả toàn cầu hóa đối với các nước trong khu vực là*

- A. thị trường sản xuất và tiêu dùng nội khối phát triển.
- B. hình thành rào cản thương mại đối với các nước bên ngoài khu vực.
- C. hình thành và phát triển mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu.
- D. nâng cao trình độ khoa học công nghệ cho các nước trong nội khối.

1.4. *Một trong những hệ quả khu vực hóa đối với các nước trên thế giới là*

- A. tăng cường chuyên môn hóa, hợp tác hóa giữa các nước trên thế giới.
- B. hình thành rào cản thương mại đối với các nước bên ngoài khu vực.
- C. hình thành và phát triển mạng lưới, chuỗi liên kết toàn cầu.
- D. Gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới.

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho phát biểu sau đây.

Khu vực hóa kinh tế là xu thế của quá trình phát triển kinh tế-xã hội hiện nay của các quốc gia, khu vực hóa kinh tế mang lại nhiều ý nghĩa đối với các quốc gia trên thế giới.

A. Thông qua khu vực hóa kinh tế các quốc gia tăng cường liên kết với nhau và rút ngắn khoảng cách để đạt được mục tiêu.

B. Giúp các nước trong khu vực giải quyết được nhiều vấn đề chung về kinh tế, môi trường và an ninh khu vực.

C. Góp phần khai thác lợi thế phát triển và gia tăng sự cạnh tranh giữa các quốc gia trong khu vực.

D. Khu vực hóa kinh tế làm gia tăng về sự phân hóa giàu nghèo, trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong khu vực.

THỰC HÀNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Giải quyết vấn đề sáng tạo.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Các tư liệu và tranh ảnh về ảnh hưởng của toàn cầu hóa và khu vực hóa đối với các nước đang phát triển (nếu có).

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tư liệu về các quốc gia phát triển và đang phát triển.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Yêu cầu cần đạt của chương trình "Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển", do đó hình thức tổ chức thực hiện bằng bài thực hành là tốt nhất để HV đạt được yêu cầu cần đạt.

Để thực hiện được bài học HV cần tìm hiểu các cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển thông qua sách, báo và các trang mạng có chọn lọc. GV giao nhiệm vụ cho HV chuẩn bị trước nội dung học tập.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Giúp HV kiểm tra lại những hiểu biết của HV về toàn cầu hóa và khu vực hóa.

- Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV nhắc lại các hệ quả và ảnh hưởng của toàn cầu hóa và khu vực hóa đối với phát triển kinh tế của các quốc gia.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân;

GV dành thời gian cho HV chuẩn bị liệt kê các ảnh hưởng và hệ quả của toàn cầu hóa và khu vực hóa ra giấy và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Chuẩn bị

1. Mục tiêu : Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức tìm hiểu về tác động của toàn cầu hóa và khu vực hóa đến các nước đang phát triển.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV tổ chức sắp xếp thành các nhóm học tập (chia nhóm với số lượng nhóm chẵn 2, 4, 6,... nhóm).

- Có hai nhiệm vụ học tập:

+ Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển.

+ Trao đổi, thảo luận được về cơ hội và thách thức của khu vực hoá đối với các nước đang phát triển.

- Các nhóm lựa chọn 01 trong 02 nhiệm vụ học tập. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và thảo luận các nội dung cần tìm hiểu, phân chia nội dung cho các thành viên trong nhóm; sản phẩm dự kiến.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV thực hiện nhiệm vụ do GV giao và yêu cầu. HV thực hiện trong tiết 1.

c) Báo cáo, thảo luận:

HV báo cáo với GV kết quả lựa chọn nội dung, kế hoạch tổ chức thực hiện, phân công các thành viên và sản phẩm dự kiến.

d) Kết luận

GV góp ý về kế hoạch, sản phẩm,... cho các nhóm để bảo đảm tính khả thi.

Hoạt động 2.2: Trao đổi thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

1. Mục tiêu: Trao đổi thảo luận về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- HV nhận nhiệm vụ học tập ở tiết trước và đã thực hiện, hoàn thành sản phẩm học tập ở nhà. GV yêu cầu HV nộp sản phẩm (file mềm hoặc bản cứng hoặc các hình thức khác).

- GV kiểm tra sản phẩm của các nhóm HV.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức trao đổi thảo luận

- GV có thể mời lần lượt đại diện các nhóm lên báo cáo sản phẩm. Tùy theo cách trình bày sản phẩm của nhóm HV, GV lựa chọn cách báo cáo của HV phù hợp. Mỗi nội dung có thể mời 01 nhóm lên báo cáo.

- HV các nhóm khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của nhóm bạn.

c) Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá, nhận xét hoạt động học và khâu chuẩn bị của các nhóm HV.

GV chốt kiến thức cho HV.

MỘT SỐ TỔ CHỨC KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà trong phát triển kinh tế-xã hội giữa các quốc gia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Hình ảnh hoặc video clip về một số tổ chức Liên hợp quốc, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổ chức Thương mại Thế giới, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (nếu có).

2. Chuẩn bị của HV

Tìm hiểu trước ở nhà một số tổ chức Liên hợp quốc, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Tổ chức Thương mại Thế giới, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Một số tổ chức khu vực và quốc tế" được tổ chức thành chuỗi hoạt động, nhằm giải quyết các vấn đề: Quá trình hình thành, mục đích, một số hoạt động chính của các tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu,... Nội dung bài học có liên quan tới kiến thức của nhiều môn học khác nhau (Lịch sử, Giáo dục kinh tế và Pháp luật). Vì vậy, GV cần hướng dẫn HV vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các nội dung bài học cũng như liên hệ để giải quyết các tình huống thực tiễn.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lý số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Kiểm tra lại HV đã có hiểu biết gì liên quan đến các tổ chức quốc tế và khu vực nêu trên.

- Tạo ra tình huống có vấn đề để nâng cao hứng thú học tập của HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV lựa chọn và phát biểu những hiểu biết của bản thân về một trong những tổ chức liên kết khu vực hoặc quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV suy nghĩ trả lời yêu cầu của GV ra giấy trong khoảng thời gian 3 phút và chuẩn bị báo cáo trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận

GV kiểm kê kết quả của các HV và mời từ 01 đến 02 HV đại diện báo cáo về hiểu biết của mình về tổ chức quốc tế hoặc khu vực lựa chọn.

HV khác nghe và trao đổi thêm.

d) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về Liên hợp quốc

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình hình thành, mục đích, một số hoạt động chính của các tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN).

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và có thể tra cứu thêm trên internet để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Liên hợp quốc (UN)	Nội dung
- Năm thành lập: - Số lượng thành viên: - Mục đích: - Hoạt động chính:	

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV về các nội dung.

c) Báo cáo, thảo luận

01 hoặc 02 HV lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung và hỏi về những nội dung chưa rõ ràng.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình hình thành, mục đích, một số hoạt động chính của các tổ chức khu vực và quốc tế: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV chia lớp thành các nhóm 3 hoặc 6 nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu 01 tổ chức quốc tế hoặc khu vực.

- GV giao nhiệm vụ cho HV: Đọc nội dung SGK và có thể tra cứu thêm trên internet để hoàn thành nhiệm vụ học tập

Tổ chức khu vực hoặc quốc tế	Nội dung
- Năm thành lập: - Số lượng thành viên: - Mục đích: - Hoạt động chính:	

- Trên cơ sở GV và HV đã làm mẫu 01 tổ chức Liên hợp quốc, HV dựa vào mẫu đó để hoàn thành các tổ chức quốc tế và khu vực còn lại.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*

- HV làm việc theo nhóm, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV.

c) *Báo cáo, thảo luận*

HV đại diện các nhóm lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung, ghi chép.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: HV được củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.

2. Tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

Dựa vào kiến thức đã học, hãy vẽ sơ đồ thể hiện các nội dung năm thành lập, số lượng các quốc gia thành viên và một số hoạt động chính của các tổ chức quốc tế và khu vực.

b) *Thực hiện nhiệm vụ tại lớp*: HV hoàn thành nhiệm vụ. Thời gian do GV sắp xếp, nếu không đủ thời gian có thể giao cho HV hoàn thành ở nhà..

c) *GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV*: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HV tìm tòi mở rộng thêm kiến thức, liên hệ với Việt Nam về năm gia nhập các tổ chức nêu trên

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu Việt Nam gia nhập các tổ chức nêu trên vào năm nào.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*: Tại nhà.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. *Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập vào năm nào sau đây?*

A. 1995. B. 1994. C. 1989. D. 1945.

1.2. *Trụ sở của Liên hợp quốc đặc đặt ở thành phố nào sau đây?*

A. Thành phố Niu Oóc, Hoa Kỳ. B. Xin-ga-po.
C. Oa-sinh-ton, Hoa Kỳ. C. Giơ-ne-vơ, Thụy Sĩ.

1.3. *Liên hợp quốc mục đích thành lập là*

A. đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ quốc tế.
B. duy trì nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.
C. hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững và thịnh vượng ở khu vực.
D. hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do, minh bạch, thuận lợi.

1.4. *Quyển tiền tệ quốc tế được viết tắt là*

A. APEC. B. IMF. WTO. D. ASEAN.

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho các phát biểu sau đây

2.1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập năm 1995 đến năm 2021 có 164 thành viên, với tôn chỉ hoạt động là thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch.

A. Thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ trên thế giới phục vụ cho sự phát triển ổn định, bền vững.

B. Giải quyết các bất đồng tranh chấp thương mại giữa các quốc gia trên thế giới.

C. Đưa ra các tiêu chuẩn về sản xuất và kinh doanh, dịch vụ có tính chất toàn cầu.

D. Thúc đẩy hợp tác tiền tệ quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ tài chính cho các quốc gia.

2.2. Liên hợp quốc (UN) là tổ chức quốc tế được thành lập vào năm 1945 với tôn chỉ hoạt động là bảo đảm một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.

A. Đến năm 2021 tổ chức này có 193 thành viên.

B. Mục tiêu của tổ chức là hoạt động duy trì một nền hòa bình và an ninh quốc tế.

C. Giữ vững sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trên thế giới và các khu vực.

D. Nâng cao mức sống, tạo việc làm cho người dân các quốc gia và bảo đảm các quyền và tiêu chuẩn lao động tối thiểu.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ AN NINH TOÀN CẦU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay.

- khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Khai thác internet phục vụ môn học.

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

3. Phẩm chất

- Có ý thức bảo vệ môi trường.

- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Hình ảnh về Việt Nam tham gia gìn giữ hòa bình thế giới.

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm một số vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Một số vấn đề an ninh toàn cầu" được tổ chức thành chuỗi hoạt động, nhằm giải quyết các vấn đề về: an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, an ninh năng lượng và vì sao cần phải gìn giữ hòa bình; rèn luyện kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu,... Nội dung bài học là những vấn đề mới và cấp thiết của nhân loại, GV cần hướng dẫn HV khai thác các thông tin trên các báo chí, trên mạng internet để phục vụ bài học.

Nội dung của bài học mang tính mở, trên thế giới có nhiều vấn đề an ninh được đề cập, hơn nữa trong bối cảnh một chương trình, nhiều SGK, các SGK có thể lựa chọn những vấn đề an ninh khác nhau, do đó GV cần lựa chọn các vấn đề an ninh toàn cầu phổ biến nhất để dạy cho HV.

GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lý số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo ra tình huống có vấn đề để kết nối vào nội dung bài học
- Góp phần tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV, bằng hiểu biết của mình hãy nêu các vấn đề an ninh toàn cầu.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV viết ra những vấn đề an ninh toàn cầu và chuẩn bị báo cáo trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận

GV kiểm kê kết quả của các HV và mời từ 02 đến 03 HV đại diện báo cáo về hiểu biết của mình về an ninh toàn cầu.

HV khác nghe và trao đổi thêm.

d) Kết nối vào bài học mới: HV sẽ nêu ra nhiều vấn đề an ninh toàn cầu khác nhau, GV lựa chọn những vấn đề toàn cầu và chốt với HV về những vấn đề an ninh toàn cầu mà bài hôm nay sẽ học.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vấn đề an ninh lương thực

1. Mục tiêu: Trình bày được quan niệm về an ninh lương thực, thực trạng vấn đề an ninh lương thực, giải pháp bảo đảm an ninh lương thực.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK và bảng hiểu biết của bản thân, khái quát hóa vấn đề an ninh lương thực theo bảng thống kê sau đây:

Vấn đề	Nội dung
An ninh lương thực	1. Quan niệm: 2. Thực trạng an ninh lương thực trên thế giới hiện nay: 3. Giải pháp bảo đảm an ninh lương thực:

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV để hành thành nhiệm vụ học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện 01 nhóm lên báo cáo, HV các nhóm khác bổ sung và thảo luận thêm.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng và an ninh mạng

1. Mục tiêu: Trình bày được quan niệm, thực trạng, giải pháp của an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng và an ninh mạng

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm 3 hoặc 6 nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu 01 vấn đề về an ninh
GV giao nhiệm vụ cho HV: Đọc nội dung SGK và có thể tra cứu thêm trên internet để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Vấn đề	Nội dung
An ninh	1. Quan niệm: 2. Thực trạng: 3. Giải pháp:

- Trên cơ sở GV và HV đã tổ chức tìm hiểu 01 vấn đề an ninh toàn cầu, HV tìm hiểu các vấn đề an ninh khác với cấu trúc nội dung và cách làm tương tự như an ninh lương thực.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cặp đôi, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện các cặp đôi lên báo cáo, các HV khác theo dõi, bổ sung và ghi chép.

d) Đánh giá, chốt kiến thức: GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình

1. Mục tiêu: Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV đọc nội dung SGK và trả lời các câu hỏi sau đây:
 - + Ý nghĩa của việc bảo vệ hòa bình.
 - + Hiện nay có những nguyên nhân nào gây ra mất hòa bình trên thế giới.
 - + Để bảo vệ hòa bình trên thế giới cần có giải pháp cụ thể nào?

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân, đọc nội dung SGK và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp HV.

c) Báo cáo, thảo luận

- 03 HV lên báo cáo kết quả, mỗi HV báo cáo nội dung trả lời 01 câu nêu trên, các HV khác trao đổi thảo luận và bổ sung.

- GV liên hệ thêm các hoạt động nước ta đã tham gia bảo vệ hòa bình thế giới.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức.

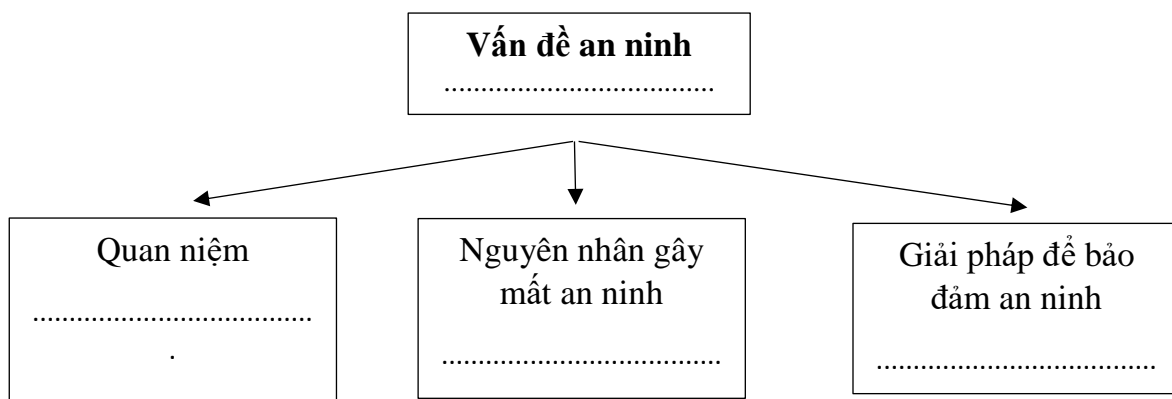
Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: HV được củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.

2. Tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Dựa vào kiến thức đã học, hãy lựa chọn 01 vấn đề an ninh toàn cầu và vẽ sơ đồ thể hiện quan niệm, biểu hiện, giải pháp, có thể theo gợi ý sau:



b) *HV thực hiện nhiệm vụ tại lớp*: Thời gian do GV sắp xếp, nếu không đủ thời gian có thể giao cho HV hoàn thành ở nhà..

c) *GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV*: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HV nêu lên quan điểm của mình về bảo vệ hòa bình hoặc gìn giữ an ninh toàn cầu về lương thực hoặc năng lượng hoặc an ninh mạng hoặc an ninh nguồn nước, tìm hiểu thêm và nêu quan điểm, hành động có thể thực hiện được để bảo vệ hòa bình hoặc giải pháp để bảo đảm các vấn đề an ninh nêu trên.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà lựa chọn các vấn đề về: bảo vệ hòa bình hoặc gìn giữ an ninh toàn cầu về lương thực hoặc năng lượng hoặc an ninh mạng hoặc an ninh nguồn nước, tìm hiểu thêm và nêu quan điểm, hành động có thể thực hiện được để bảo vệ hòa bình hoặc giải pháp để bảo đảm các vấn đề an ninh nêu trên.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*: Tại nhà.

THỰC HÀNH TÌM HIỂU NỀN KINH TẾ TRI THỨC

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Khai thác internet phục vụ môn học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Chuẩn bị và giới thiệu cho HV một số trang web, đường link có nội dung về kinh tế tri thức để HV tìm hiểu trước.

2. Chuẩn bị của HV

Thu thập các thông tin về nền kinh tế tri thức: quan niệm, đặc điểm, các biểu hiện.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Nền kinh tế tri thức" có yêu cầu cần đạt là: Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức. Do đó, cách tổ chức học tập tốt nhất là hình thức thực hành, HV được giao nhiệm vụ trong 01 tiết, sau đó HV có thời gian về nhà tra cứu, nghiên cứu, tìm hiểu và hoàn thành nội dung, chuẩn bị báo cáo ở các tiết học sau.

Để HV tra cứu thuận lợi, GV cần hướng dẫn và cung cấp cho HV một số đường link có nội dung về nền kinh tế tri thức, trên cơ sở đó HV có ngữ liệu để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Nội dung của bài học mang tính mở, hơn nữa trong bối cảnh một chương trình, nhiều SGK, các SGK có thể có quan niệm về nền kinh tế tri thức khác nhau, lựa chọn những đặc điểm và biểu hiện khác nhau, do đó GV cần hướng HV đến quan niệm, đặc điểm, biểu hiện gần gũi với cuộc sống và phù hợp với HV nhất để tìm hiểu.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Kiểm kê HV có những hiểu biết nào liên quan đến nền kinh tế tri thức.
- Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV hãy nêu lên những hiểu biết của mình về nền kinh tế tri thức.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân và trao đổi hiểu biết của mình với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Chuẩn bị

1. Mục tiêu: Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức tìm hiểu nền kinh tế tri thức.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV tổ chức sắp xếp thành các nhóm học tập.

- Mỗi nhóm đều hoàn thành hai nhiệm vụ học tập sau đây:

+ Trình bày quan niệm và đặc điểm nền kinh tế tri thức.

+ Các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

- Các nhóm học tập. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và thảo luận các nội dung cần tìm hiểu, phân chia nội dung cho các thành viên trong nhóm; dự kiến sản phẩm.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ do GV giao và yêu cầu. HV thực hiện trong tiết 1.

- Tra cứu các nội dung về nền kinh tế tri thức trên các trang website.

c) Báo cáo, thảo luận

HV báo cáo với GV kết quả xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, phân công các thành viên và sản phẩm dự kiến.

d) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV

GV góp ý về kế hoạch, sản phẩm,... cho các nhóm để bảo đảm tính khả thi.

Hoạt động 2.2. Báo cáo, trao đổi thảo luận

1. Mục tiêu: HV báo cáo, trao đổi thảo luận về sản phẩm đã hoàn thành.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- HV nhận nhiệm vụ học tập ở tiết trước và đã thực hiện, hoàn thành sản phẩm học tập ở nhà. GV yêu cầu HV nộp sản phẩm (file mềm hoặc bản cứng hoặc các hình thức khác).

- GV kiểm tra sản phẩm của các nhóm HV.

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo, thảo luận

- GV có thể mời lần lượt đại diện các nhóm lên báo cáo sản phẩm. Tùy theo cách trình bày sản phẩm của nhóm HV, GV lựa chọn cách báo cáo của HV phù hợp. GV có thể mời 02 nhóm lên báo cáo để so sánh.

- HV các nhóm khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của nhóm bạn.

c) GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HV và chốt kiến thức

GV đánh giá, nhận xét hoạt động học và khâu chuẩn bị của các nhóm HV.

GV chốt kiến thức cho HV.

ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

KHU VỰC MỸ LATINH

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI, KINH TẾ KHU VỰC MỸ LATINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Trình bày được đặc điểm của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu; Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ địa lí học.

3. Phẩm chất

Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế Mỹ La tinh.

- Hình ảnh và video clip về vùng đất, con người và kinh tế các quốc gia Mỹ La tinh.

- Số liệu về GDP và nợ nước ngoài của khu vực Mỹ La tinh; số liệu về tốc độ tăng trưởng kinh tế so với tốc độ chung của thế giới và Bắc Mỹ.

2. Chuẩn bị của HV

Thu thập các thông tin về vùng đất, con người và kinh tế các quốc gia Mỹ La tinh.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài “Một số vấn đề của Mĩ La tinh” được tổ chức thành chuỗi hoạt động, giúp HV tìm hiểu về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của Mỹ La tinh; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu,... Nội dung bài học không khó, HV có thể tìm hiểu trong SGK; vì vậy, một số nội dung, GV nên hướng dẫn để HV tự học.

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lý số liệu thống kê... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Kiểm kê HV có những hiểu biết nào liên quan đến tự nhiên, dân cư, kinh tế khu vực Mỹ La tinh.

- Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- HV trong thời gian 2 phút ghi lại những hiểu biết của bản thân về khu vực Mĩ La tinh vào giấy nháp.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- Tất cả các HV trong lớp ghi lại những hiểu biết của bản thân về khu vực Mĩ La tinh vào giấy nháp. Yêu cầu HV không được mở SGK.

c) Báo cáo, thảo luận

GV thu giấy nháp của một số HV dán lên bảng và đánh giá.

d) *Kết nối vào bài học mới*: GV kết luận, nêu tình huống có vấn đề và kết nối vào bài học: Tại sao khu vực Mĩ La tinh có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng tỉ lệ nghèo của khu vực này vẫn cao? Kinh tế của khu vực này phát triển như thế nào?

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm của vị trí địa lí, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức hoạt động:

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HV quan sát bản đồ tự nhiên khu vực Mỹ La tinh và đọc nội dung SGK hoàn thành nhiệm vụ học tập sau đây:

+ Trình bày đặc điểm vị trí địa lí khu vực Mỹ La tinh.

+ Nêu ảnh hưởng vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học cá nhân. Ở nhiệm vụ trình bày đặc điểm vị trí địa lí khu vực Mỹ La tinh có thể HV khó khăn về cấu trúc nội dung, GV có thể gợi ý: Nêu diện tích, các bộ phận lãnh thổ, vị trí nằm trong khoảng vĩ tuyến từ bao nhiêu đến bao nhiêu độ, tiếp giáp với châu lục, khu vực và biển nào? đặc điểm nổi bật có kênh đào Pa-na-ma.

- HV thực hiện nhiệm vụ, GV có thể gợi ý bổ sung trong quá trình HV thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

HV báo cáo và thảo luận toàn lớp về sản phẩm của mình.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho HV đọc bản đồ tự nhiên khu vực Mỹ La tinh và nội dung SGK hoàn thành bảng thống kê sau đây:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm nổi bật	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Sông hồ		
Biển		
Sinh vật		
Khoáng sản		

b) Thực hiện nhiệm vụ

- GV dành thời gian cho HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học theo nhóm.

- GV có thể hướng dẫn HV làm minh họa ở 01 điều kiện tự nhiên hoặc tài nguyên nào đó, trên cơ sở đó HV thực hiện các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên còn lại.

- GV cũng có thể chia thành các nhóm làm các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khác nhau, trên cơ sở làm mẫu 01 loại điều kiện tự nhiên hoặc tài nguyên thiên nhiên.

- HV thực hiện nhiệm vụ, GV có thể gợi ý bổ sung trong quá trình HV thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn HV báo cáo và thảo luận toàn lớp về sản phẩm của mình.

- HV báo cáo từng loại điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về vấn đề đô thị hoá

1. Mục tiêu: Trình bày được vấn đề đô thị hoá ở khu vực Mỹ La tinh

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV đọc nội dung SGK và phân tích bảng số liệu về tỉ lệ dân thành thị của Mỹ la tinh, của thế giới qua các năm từ đó nêu:

- Đặc điểm nổi bật về đô thị hóa ở Mỹ La tinh;

- Đánh giá ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học cá nhân.

- GV hướng dẫn thêm để HV nhận xét được bảng thống kê về tỉ lệ dân thành thị Mỹ Latinh, so sánh quá trình tăng dân thành thị chung của thế giới (Mỹ la tinh có tỉ lệ dân thành thị đứng đầu thế giới; quá trình đô thị hóa diễn ra rất nhanh). HV nêu nguyên nhân (do di dân tự do, không hoàn toàn do tác động của công nghiệp hóa) và tác động đến phát triển kinh tế - xã hội.

c) Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn HV báo cáo và thảo luận toàn lớp về sản phẩm của mình.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về đặc điểm dân cư và xã hội

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm dân cư và xã hội ở khu vực Mỹ La tinh

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV đọc nội dung SGK và phân tích bảng số liệu về số dân, tỉ lệ tăng dân số, bản đồ về phân bố dân cư để nêu lên đặc điểm nổi bật về dân cư và xã hội khu vực Mỹ La tinh bằng cách hoàn thành bảng thống kê sau đây:

Nội dung	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Số dân, tình hình tăng dân số		Tích cực:
Cơ cấu dân số; đặc điểm về dân tộc		
Sự phân bố dân cư		
Đặc điểm xã hội (văn hóa, chất lượng cuộc sống)		Hạn chế:

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học cặp đôi. GV trợ giúp HV trong quá trình HV học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện 01 cặp lên báo cáo sản phẩm (phân tích trên bảng số liệu và bản đồ). Các HV khác nghe và thảo luận, bổ sung nếu có.

d) Đánh giá và chốt kiến thức.

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế

1. Mục tiêu: Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1. GV giao nhiệm vụ cho HV đọc nội dung SGK, kết hợp phân tích số liệu về quy mô GDP với nợ nước ngoài, tốc độ tăng trưởng kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập sau:

- So sánh quy mô GDP và nợ nước ngoài, rút ra nhận xét.
- Nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự thay đổi cơ cấu ngành kinh tế.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học theo nhóm. GV trợ giúp HV trong quá trình HV học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện 01 nhóm lên báo cáo sản phẩm (phân tích trên bảng số liệu). Các HV khác nghe và thảo luận, bổ sung nếu có.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức.*

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 2. GV giao nhiệm vụ cho HV đọc nội dung SGK, kết hợp phân tích bản đồ về kinh tế khu vực Mỹ La tinh hoàn thành nhiệm vụ học tập sau đây:

- Trình bày đặc điểm một số ngành kinh tế nổi bật ở Mỹ La tinh: công nghiệp; nông nghiệp, dịch vụ (cơ cấu ngành, tình hình phát triển).

- Nêu sự phân các ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi, phân bố một vài ngành dịch vụ của Mỹ La tinh.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện nhiệm vụ với hình thức học cá nhân. GV trợ giúp HV trong quá trình HV học tập.

c) *Báo cáo, thảo luận*

HV lên báo cáo sản phẩm (phân tích trên bản đồ). Các HV khác nghe và thảo luận, bổ sung nếu có.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức.*

GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ học của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: HV được củng cố, hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học.

2. Tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

Dựa vào bảng số liệu sau đây:

*Tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới, khu vực Bắc Mỹ
và Mỹ La tinh giai đoạn 2005-2020*

Đơn vị: %

Năm	2005	2010	2015	2020
Thế giới	4,0	4,5	3,0	-3,3
Bắc Mỹ	3,6	2,7	2,5	-3,5
Mỹ La tinh	4,0	6,4	0,5	-6,7

a) Vẽ biểu đồ đường biểu diễn tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới, khu vực Bắc Mỹ và Mỹ La tinh giai đoạn 2005-2020.

b) Nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới, khu vực Bắc Mỹ và Mỹ La tinh giai đoạn 2005-2020.

b) *HV thực hiện nhiệm vụ tại lớp:* Thời gian do GV sắp xếp, nếu không đủ thời gian có thể giao cho HV hoàn thành ở nhà..

c) *GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV*: Điều chỉnh kịp thời những sai sót của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Giúp HV khai thác thông tin, tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của khu vực Mỹ La tinh.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà lựa chọn một trong các nội dung sau và tìm hiểu: Sự đa dạng sinh học trong rừng A-ma-dôn; hoặc Kênh đào Pa-na-ma; hoặc một lễ hội nào đó ở Mỹ La tinh.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*: Tại nhà.

THỰC HÀNH: CỘNG HÒA LIÊN BANG BRASIL (BRA-XIN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Viết được báo cáo về những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Sử dụng các công cụ địa lí học;
- Khai thác internet phục vụ môn học;
- Vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Tư liệu, tranh ảnh, video về kinh tế và xã hội Brasil (nếu có).

2. Chuẩn bị của HV

Tư liệu sưu tầm về kinh tế và xã hội Brasil theo gợi ý của GV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Thời gian tổ chức bài thực hành này khoảng 01 tiết. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt trong chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kĩ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV và HV cùng xác định các nội dung trình bày một cách cụ thể, hướng dẫn HV các nguồn tư liệu có thể tìm kiếm và yêu cầu HV chuẩn bị ở nhà theo

phương pháp dự án học tập, sau đó GV tổ chức các hoạt động trên lớp cho HV. Việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV tìm kiếm tư liệu có thể thực hiện trong hoạt động vận dụng của bài học trước. GV gợi ý cho HV một số nguồn tư liệu để HV chủ động thu thập và có thể sử dụng bảng tiêu chí để đánh giá sản phẩm học tập của HV.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

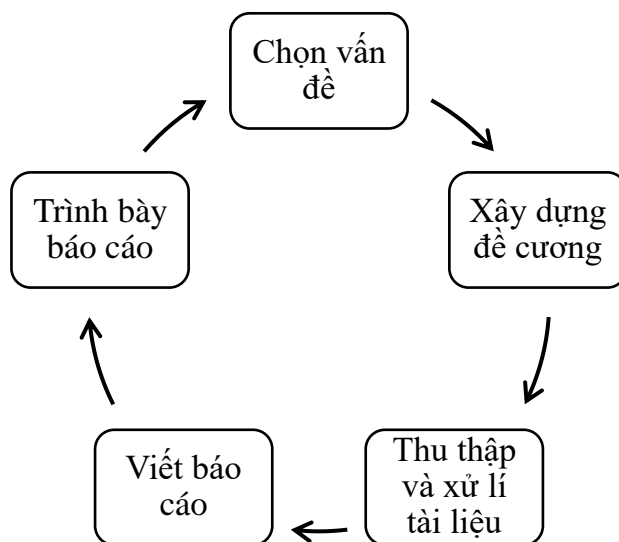
2. Tổ chức hoạt động:

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:*

GV chia HV làm 4 đội, tổ chức trò chơi “Nhanh như tia chớp?”. GV phổ biến luật chơi: GV phát cho mỗi đội chơi một bộ gồm các ô thông tin, mỗi ô là một bước của Quy trình viết báo cáo. Trong thời gian là 2 phút, các đội sắp xếp các ô thông tin vào sơ đồ phù hợp với Quy trình viết báo cáo. Đội nào sắp xếp chính xác trong thời gian nhanh nhất sẽ là đội chiến thắng.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tham gia trò chơi, chia sẻ kết quả.

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.



Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Chuẩn bị viết báo cáo

1. Mục tiêu: Xác định được các công việc chuẩn bị cho viết báo cáo về những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:*

GV yêu cầu HV dựa vào các kiến thức và kỹ năng đã học và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Xác định các công việc cần thực hiện để viết báo cáo.

+ Xây dựng đề cương cho báo cáo về những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và xác định.

c) *Báo cáo, thảo luận:* một số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV chốt các công việc cần thực hiện và nội dung cần trình bày.

Đề cương bài báo cáo:

CỘNG HÒA LIÊN BANG BRA-XIN
Diện tích:
Số dân
1. Tình hình phát triển kinh tế:
- Đặc điểm chung phát triển kinh tế: quy mô GDP, tốc độ tăng trưởng GDP, cơ cấu kinh tế,....
- Tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế.
2. Những vấn đề xã hội cần giải quyết
- Vấn đề đô thị hóa tự phát và hậu quả
- Vấn đề phân hóa giàu nghèo
-

+ Nguồn tư liệu: thông tin sưu tầm từ internet, sách giáo khoa, sách, báo, tạp chí,....

+ Hình thức bài báo cáo: bài viết, bài trình chiếu powerpoint, tập san hình ảnh, video,...

HV lựa chọn theo sở thích và năng lực.

Lưu ý: hoạt động này GV thực hiện ở tiết học trước để HV có thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động 2.2. Viết báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

1. Mục tiêu

Viết được báo cáo về tình hình phát triển kinh tế Brasil và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:*

GV giao nhiệm vụ cho HV viết báo cáo.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Báo cáo, thảo luận:* HV trình bày báo cáo theo cách thức tùy chọn của GV. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV nhận xét hoạt động của HV, kết luận.

LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

EU – MỘT LIÊN KẾT KINH TẾ KHU VỰC LỚN. VỊ THẾ CỦA EU TRONG NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.
- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét, phân tích được số liệu, tư liệu
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
- Thu thập được thông tin về địa lí của EU

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập, tìm hiểu kiến thức. Có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập của nhóm, của cá nhân.
- Ủng hộ các hoạt động hợp tác của Việt Nam và EU.
- Tôn trọng văn hóa và các thành tựu đạt được của EU.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu học tập, bảng nhóm, bút dạ, bút màu...
- Máy chiếu kết nối âm thanh
- Bản đồ, video clip, biểu đồ...
- Trò chơi, tình huống.
- Phiếu đánh giá sản phẩm nhóm.
- Đường link các trang web để HV tìm dữ liệu:
 - + https://europeanunion.europa.eu/index_en
 - + <https://data.worldbank.org....>

2. Chuẩn bị của HV

- Giấy note để làm việc cá nhân.
- Giấy khổ lớn (A1), bút màu để làm việc nhóm.
- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR code.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dự kiến dạy trong 4 tiết. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tùy theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; kết nối với nội dung tiết trước để vào bài.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyên giao nhiệm vụ:*

Bước 1: GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm chuẩn bị bút và một tờ giấy A4, phổ biến luật chơi.

Bước 2: Thực hiện trò chơi:

- Trong thời gian 8 phút, các nhóm sẽ thực hiện 2 lượt chơi:

- Lượt 1: 5 phút: các nhóm thảo luận ghi thông tin vào giấy A4 được phát, mỗi thông tin không dài quá 6 từ.

- Lượt 2: 3 phút, các nhóm cử đại diện ghi lên bảng các thông tin mình đã thảo luận và ghi trên giấy (để tăng tốc, các nhóm có thể cho 2 bạn ghi hoặc 1 bạn đọc 1 bạn ghi,... miễn sao đội mình nhanh nhất có thể).

- Để gây tò mò và tăng tính hấp dẫn, GV sẽ nêu chủ đề sau cùng và phát hiệu lệnh “Bắt đầu”. **Chủ đề: “Hãy cho tôi biết, bạn biết gì về LIÊN MINH CHÂU ÂU”**

- Nhóm có nhiều thông tin nhất ở mỗi lượt sẽ đạt điểm 10 và giảm dần điểm số theo thứ tự.

- Điểm số của trò chơi là tổng điểm của 2 lượt. Ở mỗi lượt, không kể thông tin ngắn dài, điểm được tính trên tổng số thông tin nhóm đã ghi ra được trong thời gian quy định. Với các

thông tin lạ, gây thắc mắc, nhóm phải giải trình, nếu thỏa mãn yêu cầu sẽ được cộng thêm 1 điểm trên điểm tổng, không thỏa mãn sẽ bị gạch bỏ thông tin đó.

Bước 3: Tổng kết điểm trò chơi, phong danh hiệu “NHÀ THÔNG THÁI”, GV dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về quy mô, mục tiêu và thể chế hoạt động của EU

1. Mục tiêu

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, số liệu, hình ảnh.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* HV nghiên cứu SGK, lần lượt trả lời các câu hỏi

- Dựa vào hình ảnh, hình và bảng 9.1, em hãy trình bày quá trình hình thành và mở rộng quy mô của khối EU.

- Khi thành lập theo hiệp ước Ma-xtrich năm 1993, EU thiết lập nên các mục tiêu phát triển như thế nào?

- Dựa vào hình 9.2 và nội dung kiến thức SGK, liệt kê tên, vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan đầu não trong EU.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tìm hiểu, chia sẻ với bạn bên cạnh, sau đó trình bày trước lớp.

c) *Báo cáo, thảo luận:* HV trình bày, HV khác nhận xét và bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức*

+ GV tổng kết các câu trả lời (có thể liên hệ kiến thức liên môn lịch sử để HV hiểu rõ hơn về tính thiết yếu của việc thành lập EU), tổng hợp kiến thức, ghi điểm, hướng dẫn ghi bài.

+ GV có thể yêu cầu HV tìm hiểu, giải thích vì sao trên lá cờ chung của EU có 12 ngôi sao mà không phải là số lượng khác theo số lượng thành viên (nếu chưa được giải thích ở phần khởi động).

+ *Lưu ý các mục tiêu theo hiệp ước Ma-xtrich là mục tiêu được đưa ra từ khi thành lập, còn mục tiêu hoạt động hiện nay được mở rộng và hoàn thiện thêm từ hiệp ước Lit-xbon – 2009), hướng dẫn ghi bài.*

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới

1. Mục tiêu

- Xác định và phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.

+ Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

+ Đọc được bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu... để xác định vị thế của EU.

- Vẽ được các biểu đồ liên quan, nhận xét số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

NHIỆM VỤ 1: Tìm hiểu các đặc điểm chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* HV thảo luận theo cặp đôi. Đọc thông tin trong SGK Tìm hiểu về các nước có nền kinh tế phát triển hàng đầu EU.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thảo luận, hoàn thành yêu cầu.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi 3 HV lên ghi bảng kết quả đã ghi nhận. Các HV khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

d) *Kết luận, nhận định:* GV chốt kiến thức.

NHIỆM VỤ 2: Tìm hiểu các đặc điểm chứng minh EU là trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* Lớp chia thành 6 nhóm để thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu: các nhóm thảo luận, tìm đáp án cho Phiếu học tập số 1.

+ Nhóm 1 và 2: Thực hiện các yêu cầu của Phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP 1: CON SỐ BIẾT NÓI

Cho biết các con số sau nói lên đặc điểm gì của Liên minh châu Âu?

- 31%: tỉ trọng xuất khẩu của EU trong tổng giá trị xuất khẩu thế giới.
- 29,6%: tỉ trọng nhập khẩu của EU trong tổng giá trị nhập khẩu thế giới
- 8670,6 tỉ USD: giá trị xuất khẩu của EU năm 2021.
- 654 tỉ USD: giá trị xuất siêu của EU năm 2021
- 50,7%: tỉ trọng xuất khẩu của EU trong GDP nội khối
- 15%: tỉ trọng giá trị thương mại hàng hóa của EU trong thương mại toàn cầu.

⇒

.....

+ Nhóm 3 và 4: thực hiện các yêu cầu của phiếu học tập số 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Dựa vào kiến thức SGK, xác định chính sách thương mại của EU đối với:

- Các quốc gia nội khối:
-
-
- Các nước ngoại khối:
-
-

+ Nhóm 5 và 6: thực hiện các yêu cầu của PHT số 3.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc các thông tin trong mục II.2, trình bày đặc điểm hoạt động ngoại thương của EU:

- Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực:
-
- Các mặt hàng nhập khẩu:
-
- Các bạn hàng và đối tác lớn:
-

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HV thảo luận, hoàn thành yêu cầu.

c) Báo cáo, thảo luận:

+ Các nhóm nộp sản phẩm học tập, lần lượt các cặp nhóm hoạt động theo nội dung sẽ lên bảng báo cáo kết quả làm việc của nhóm – một nhóm báo cáo, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

+ Các nhóm còn lại theo dõi để tiếp nhận kiến thức, đặt câu hỏi nếu không rõ vấn đề.

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức ở mỗi nhóm nội dung, hướng dẫn nội dung ghi bài.

NHIỆM VỤ 3: Tìm hiểu các đặc điểm chứng minh EU là trung tâm khoa học – công nghệ hàng đầu thế giới

a) Chuyển giao nhiệm vụ: HV thực hiện nhiệm vụ theo nhóm của hoạt động.

+ Yêu cầu: truy cập internet, tìm các thông tin, hình ảnh chứng minh EU là trung tâm khoa học – công nghệ hàng đầu thế giới.

+ Thời gian tìm thông tin: 5 phút.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HV sử dụng thiết bị có kết nối mạng, tìm kiếm thông tin, thảo luận, chọn lọc thông tin chính thống, hoàn thành yêu cầu.

c) Báo cáo, thảo luận

+ Các nhóm HV chuyển link báo, hình ảnh, thông tin vào group học tập của lớp, GV chọn ngẫu nhiên 2 nhóm trình bày kết quả của nhóm.

+ Các nhóm còn lại theo dõi để tiếp nhận kiến thức, đặt câu hỏi nếu không rõ vấn đề.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức, hướng dẫn nội dung ghi bài.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về hợp tác và liên kết trong EU

1. Mục tiêu

- Xác định được các lĩnh vực chính được liên kết, hợp tác phát triển trong EU và nhận thấy, phân tích được lợi ích từ các lĩnh vực hợp tác này.

- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, số liệu, hình ảnh, video.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm để tham gia hoạt động. Các nhóm dựa vào nội dung SGK thiết kế sơ đồ thể hiện sự hợp tác, liên kết của các thành viên EU trong một số lĩnh vực tiêu biểu trong thời gian 15 phút.

+ Nhóm 1: Sơ đồ về xây dựng thị trường chung EU

+ Nhóm 2: Sơ đồ về đồng tiền chung châu Âu

+ Nhóm 3: Sơ đồ về hợp tác trong ngành hàng không vũ trụ

+ Nhóm 4: Sơ đồ về Liên kết vùng châu Âu

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm tiếp nhận yêu cầu, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.

c) Báo cáo, thảo luận: HV nộp sản phẩm của nhóm, đại diện nhóm báo cáo, mỗi nhóm báo cáo trong khoảng thời gian 3 phút, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung cho nhóm báo cáo...

d) Kết luận, nhận định: GV nhận xét hoạt động, chốt kiến thức, đưa thông tin phản hồi và hướng dẫn ghi bài.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- Củng cố kiến thức bài học.

- Thay đổi không khí, kết thúc bài học vui vẻ, sôi động.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ Bước 1: GV chia không gian lớp thành 3 nhóm gồm:

- Nhóm không gian 1: **ĐÈN ĐỎ - LƯƠNG LỰ**

- Nhóm không gian 2: **ĐÈN VÀNG - NGUYÊN NHÂN**

- Nhóm không gian 3: **ĐÈN XANH - KẾT QUẢ**

+ Bước 2: Mỗi cặp HV sẽ được nhận 1 thẻ trong đó có thông tin kiến thức về EU được thiết kế theo 2 nội dung là NGUYÊN NHÂN và KẾT QUẢ. Hai bạn sẽ có 1 phút hội ý xem thẻ kiến thức của mình thuộc nhóm không gian nào: NGUYÊN NHÂN hay KẾT QUẢ, nếu không tìm ra được thì sẽ chọn nhóm không gian thứ 1 là LƯỠNG LỰ.

+ Bước 3: GV hoặc 1 HV hô to khẩu hiệu BẬT ĐÈN, cả lớp di chuyển nhanh về nhóm không gian 1, 2 hoặc 3 đã được chỉ định.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm nhận thẻ kiến thức, hội ý và di chuyển về không gian của mình khi có hiệu lệnh BẬT ĐÈN.

c) *Báo cáo, kết luận:* GV trình chiếu kết quả. Các nhóm chọn đúng không gian được điểm cộng; chọn sai không gian và đang ở nhóm ĐÈN ĐỎ - LƯỠNG LỰ sẽ bị nhóm đúng phạt tùy thích.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (GV hướng dẫn, HV thực hiện ở nhà)

1. Mục tiêu: Phát triển năng lực của HV thông qua vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* HV ghi nhận các câu hỏi 1 và 2.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

c) *Báo cáo, thảo luận:* Trả lời câu hỏi trong tiết học tiếp theo.

d) *Kết luận, nhận định:* GV tổng kết tiết học.

IV. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Cho biết các con số sau nói lên đặc điểm gì của Liên minh châu Âu?

- 31%: tỉ trọng xuất khẩu của EU trong tổng giá trị xuất khẩu thế giới.
- 29,6%: tỉ trọng nhập khẩu của EU trong tổng giá trị nhập khẩu thế giới
- 8670,6 tỉ USD: giá trị xuất khẩu của EU năm 2021.
- 654 tỉ USD: giá trị xuất siêu của EU năm 2021
- 50,7%: tỉ trọng xuất khẩu của EU trong GDP nội khối
- 15%: tỉ trọng giá trị thương mại hàng hóa của EU trong thương mại toàn cầu.

Trả lời: EU là một trong những trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

Câu 2. Dựa vào kiến thức SGK, xác định chính sách thương mại của EU đối với các quốc gia nội khối và các nước ngoại khối.

Trả lời:

- Đối với các quốc gia nội khối:
 - + Loại bỏ hàng rào thuế quan.
 - + Thực hiện thị trường chung thống nhất giữa các quốc gia thành viên.

- Đối với các nước ngoài khối:

- + Thực hiện tự do thương mại trên toàn cầu, áp dụng một mức thuế chung từ bên ngoài.
- + Đặt ra mức phạt thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU có giá thấp hơn so với mức giá ở nước xuất khẩu.

Câu 3. Đọc các thông tin trong SGK, trình bày đặc điểm hoạt động ngoại thương của EU.

Trả lời:

- Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực: máy móc, thiết bị; dược phẩm; xe có động cơ; hóa chất; máy tính, điện tử và sản phẩm quang học; một số sản phẩm khác.

- Các mặt hàng nhập khẩu: Máy tính, điện tử và sản phẩm quang học; dầu thô và khí tự nhiên; hóa chất, máy móc thiết bị và kim loại cơ bản; một số sản phẩm khác.

- Các bạn hàng và đối tác lớn: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh, ASEAN; các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Nam Mỹ.

Câu 4. Hãy vẽ sơ đồ một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong EU

Gợi ý: (HV có thể vẽ dạng khác)



Thực hành: VIẾT BÁO CÁO VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Tìm kiếm, xác định các thông tin chính thống về các đặc điểm của CHLB Đức như khái quát chung ngắn gọn về vị trí, tự nhiên, dân cư, xã hội ; tình hình phát triển kinh tế, công nghiệp của nước Đức.

- Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức.

2. Về năng lực

- Sử dụng các công cụ Địa lí học để tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các nguồn tin cậy để viết được báo cáo về sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm, tự giác trong học tập.

- Nhận thức vai trò của thế hệ trẻ trong việc xây dựng và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa từ những thành tựu kinh tế nổi bật và tính cách, tinh thần chủ động, làm việc có kế hoạch, đúng giờ giấc và thẳng thắn, rõ ràng của người Đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ, Video/hình ảnh, Bảng số liệu
- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà.
- Thông tin khởi động.

2. Chuẩn bị của HV

- Thiết bị có thể truy cập Internet, quét mã QR.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài thực hành dự kiến thực hiện trong 01 tiết học. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt của chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kỹ năng và góp phần hình thành năng lực môn học. Để thực hiện được bài học ngoài các thiết bị, học liệu được quy định tại thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 thì GV cần chuẩn bị thêm 1 số các thiết bị học liệu khác nhằm hướng dẫn, cung cấp cho HV nguồn tư liệu có độ tin cậy để viết báo cáo.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy

d) *Kết luận, nhận định*: GV đưa thông tin phản hồi, có thể yêu cầu 1 vài HV trình bày ngắn gọn hiểu biết về các từ khóa. Tổng hợp điểm, dẫn dắt vào bài.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm kiếm các thông tin và thiết kế Infographic khái quát về đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế nổi bật của CHLB Đức; về sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức.

1. Mục tiêu

- Tìm kiếm, xác định các thông tin chính thống về các đặc điểm của CHLB Đức như khái quát chung ngắn gọn về vị trí, tự nhiên, dân cư, xã hội ; tình hình phát triển kinh tế, công nghiệp của nước Đức.

- Xác định các nội dung cần thiết.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: GV cung cấp đường link và thông tin về CHLB Đức. Yêu cầu HV làm việc cá nhân tại nhà. Nhiệm vụ: thiết kế 1 infographic về Khái quát nước Đức và sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức. Infor cho bài báo cáo theo yêu cầu cần có các nội dung sau:

+ Khái quát sơ lược về CHLB Đức.

+ Tình hình phát triển nền công nghiệp của CHLB Đức: về điều kiện phát triển, giá trị sản xuất, tỉ trọng trong cơ cấu GDP, các ngành công nghiệp nổi bật và phân bố các trung tâm công nghiệp.

+ Hướng phát triển công nghiệp và tầm ảnh hưởng.

- Link tìm thông tin:

+ <https://chlbduc.com/dia-ly/>

+ <https://wtocenter.vn/file/17419/Germany%20Market%20Profile.pdf>

+ <https://vneconomy.vn/nhung-nen-kinh-te-lon-nhat-the-gioi-nam-2022.htm>

+ <https://tinyurl.com/yeyzm4k2>

+ <https://tinyurl.com/3u5srvyc>

- Bản đồ phân bố các trung tâm và các ngành công nghiệp:

b) *Thực hiện nhiệm vụ*

+ HV nghiên cứu dữ liệu đã cho

+ Sau đó thiết kế infographic.

c) *Báo cáo và thảo luận*

- Infographic thiết kế trên 1 mặt, tải tên google drive sau:

<https://drive.google.com/drive/folders/1TZ7RBO60w5btNtEQZHV2ArKJG-WG12lm>



Hoạt động 2.2: Báo cáo về công nghiệp của CHLB Đức

1. Mục tiêu

- Tổng hợp lại các công việc đã hoàn thiện ở hoạt động 2.1.
- Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, báo cáo, trình bày trước tập thể.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* HV được gọi ngẫu nhiên lên trình bày bài của mình, không ưu tiên xung phong (yêu cầu từ đầu tất cả HV đều phải làm việc và chủ động, tự tin khi thuyết trình, không ỉ lại vào 1 thành viên nào của nhóm).

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV báo cáo khi được gọi tên.

c) *Báo cáo, thảo luận:* Thời gian báo cáo tối đa cho mỗi HV là 3 phút. HV khác lắng nghe, phản biện.

d) *Kết luận, nhận định:* GV cùng HV nhận xét phần làm việc của các nhóm, HV đánh giá điểm cho bạn => tổng kết điểm số.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- Củng cố lại các kiến thức đã tìm hiểu trong bài học.
- HV được rèn luyện, làm quen với một số dạng câu hỏi, bài tập địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cung cấp hệ thống câu hỏi, bài tập

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV trả lời câu hỏi

c) *Kiểm tra kết quả thực hiện:* GV cung cấp đáp án, điều chỉnh kịp thời các sai sót của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Hoàn thiện kỹ năng tổng hợp kiến thức.
- Kiểm tra mức độ ghi nhận kiến thức trong quá trình làm việc nhóm của HV.

Nội dung

- Cá nhân HV về nhà viết lại bài báo cáo của riêng mình về “**Sự phát triển công nghiệp của CHLB Đức**” vào vở học.

1.4. Yếu tố tạo nên sức mạnh của nền công nghiệp Đức **không** phải vì

- A. luôn đổi mới và áp dụng công nghệ hiện đại.
- B. khả năng tìm tòi, sáng tạo của người lao động.
- C. năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao.
- D. nguồn nguyên liệu dồi dào, thị trường lớn.

1.5. Trung tâm công nghiệp nào sau đây không phải là của CHLB Đức?

- A. Phrăng-phuốc. B. Mui-nich. C. Bec-lin. D. Đa-lát.

1.6. Trong nhiều năm, ngành công nghiệp nào của CHLB Đức đứng hàng thứ 3 thế giới sau Hoa Kỳ và Nhật Bản?

- A. Luyện kim đen. B. Chế tạo máy bay. C. Sản xuất ô tô. D. Hóa chất.

1.7. Các trung tâm công nghiệp đóng tàu của CHLB Đức tập trung ở vùng nào của đất nước?

- A. Phía Đông. B. Phía Tây. C. Phía Bắc. D. Phía Nam.

1.8. CHLB Đức là quốc gia có diện tích rộng lớn nhất châu Âu.

- A. Đúng. B. Sai

1.9. Ngành công nghiệp của CHLB Đức đóng góp một tỉ lệ rất lớn vào ngành công nghiệp của EU, năm 2021, tỉ lệ đóng góp của công nghiệp Đức là:

- A. 21,0%. B. 26,9%. C. 29,5%. D. 28,6%.

1.10. Tỉ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP của Cộng hòa liên bang Đức từ năm 2000 đến năm 2020 thường chiếm khoảng

- A. trên 15 %. B. trên 20 %. C. trên 25%. D. trên 30%.

KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI, KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của Đông Nam Á.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng được các công cụ Địa lí.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
- Giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, thái độ tôn trọng những giá trị văn hoá khác nhau của khu vực Đông Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Phiếu học tập, bảng nhóm, bút dạ, bút màu...
- Máy chiếu kết nối âm thanh
- Bản đồ, video clip, biểu đồ...
- Trò chơi, tình huống.

2. Chuẩn bị của HV

- Giấy note
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dạy dự kiến thực hiện trong 3 tiết. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tuân theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HV về tự nhiên, dân cư khu vực Đông Nam Á ở cấp học dưới với bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HV.

2. Tổ chức hoạt động

- GV tổ chức cho HV làm việc toàn lớp, yêu cầu HV chia sẻ 3 điều hiểu biết của bản thân về khu vực Đông Nam Á.
- GV có thể gợi ý HV các điều có thể là: các quốc gia Đông Nam Á lục địa hoặc Đông Nam Á hải đảo, những cảnh đẹp, những nét đẹp về văn hoá – xã hội, các thành phố lớn, tập tục xã hội độc đáo...
- GV sử dụng kỹ thuật “*Chúng em biết 3*” khi tiến hành hoạt động này và khuyến khích HV đưa ra ý kiến cá nhân, mọi ý kiến đều được chấp nhận, không đánh giá bất kỳ ý kiến nào, có thể có ý kiến đúng, chưa đúng, HV sẽ tìm được câu trả lời đúng sau khi học bài mới. Sau khi HV trả lời, GV dẫn dắt vào bài mới.
- HV note trên giấy nháp các ý chính cho phần trả lời (1 phút)
- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...để gọi HV bất kỳ trình bày quan điểm của mình về vấn đề nêu trên (khoảng 3-5 em).
- Các em còn lại có thể bổ sung những điều thú vị khác (GV lưu ý thời gian để điều phối hợp lý)
- GV kết luận và dẫn dắt vào bài mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí

1. Mục tiêu

- Phân tích được ảnh hưởng của phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định được vị trí của khu vực và kể tên các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu dựa vào nội dung kênh chữ và lược đồ trong SGK trình bày khái quát về đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*

- HV làm việc theo cặp, dựa vào SGK để thực hiện yêu cầu

c) *Báo cáo, thảo luận*

- GV cho bắt thăm/chi định một số cặp HV chia sẻ ý kiến và mời một số HV nhận xét ý kiến của nhóm bạn trước lớp.

d) *GV đánh giá và chốt kiến thức*

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu

- HV trình bày được đặc điểm nổi bật của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

- Đọc được bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á và rút ra nhận xét về điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV chia lớp thành 8 nhóm và phát Phiếu học tập:

- Yêu cầu: Đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á hoàn thành Phiếu học tập sau:

Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế-xã hội
1. Địa hình, đất		

2. Khí hậu		
3. Sông, hồ		
4. Sinh vật		
5. Khoáng sản		
6. Biển		

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- HV ổn định vị trí nhóm theo sơ đồ và thảo luận nhóm bằng kỹ thuật “khăn trải bàn”
- Thảo luận nhóm và thống nhất điền thông tin vào PHT.

c) Báo cáo, thảo luận

- Sử dụng kỹ thuật phòng tranh để trình bày sản phẩm.
- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.
- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).
- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

Tiêu chí	Điểm								
	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6	N7	N8
Hoàn thành các tiêu đề PHT	4								
Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu	2								
Hình thức đẹp, rõ ràng	2								
Hoàn thành đúng thời gian	2								
Tổng	10								

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về dân cư Đông Nam Á

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV đọc các thông tin trong SGK để tìm hiểu về đặc điểm dân cư khu vực Đông Nam Á.

- GV giao nhiệm vụ và phát phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP 1:

Dựa vào thông tin trong SGK hãy nêu đặc điểm dân cư của khu vực Đông Nam Á theo các gợi ý dưới đây.

- Số dân:.....
-
- Tỷ lệ gia tăng dân số:.....
-
- Cơ cấu dân số:.....
-
- Phân bố dân cư:.....
-
- Đô thị hoá:.....
-
- Thành phần dân tộc:.....
-

- Sau khi hoàn thành phiếu học tập, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi “*Đặc điểm dân cư có tác động gì đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực Đông Nam Á?*”.

b) HV thực hiện nhiệm vụ: Hoạt động cặp đôi, hoạt động cá nhân

- HV kết hợp với bạn cùng bàn để hoàn thành PHT trong thời gian 5 phút.
- Trao đổi, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi

c) Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số cặp trình bày kết quả hoàn thành PHT. Các cặp khác lắng nghe bổ sung.
- GV gọi một số cá nhân đánh giá tác động của dân cư đến phát triển kinh tế - xã hội của khu vực ĐNA. Cả lớp lắng nghe, bổ sung (nếu cần).

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các cặp và chuẩn kiến thức.
- GV nhận xét câu trả lời của HV; sửa lỗi, chốt KT và hướng dẫn HV ghi bài.
- Học sinh trả lời. GV kết luận.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về xã hội Đông Nam Á

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích được tác động của đặc điểm xã hội đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm lựa chọn 1 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á; yêu cầu HV đọc nội dung trong SGK kết hợp với hiểu biết của bản thân: Trình bày nét chính về đặc điểm xã hội của một quốc gia bất kì thuộc Đông Nam Á. Gợi ý những nét chính như: tôn giáo chủ yếu, giáo dục, y tế, HDI, nét văn hoá đặc sắc (Lễ hội truyền thống, ngôn ngữ chính thức, trang phục truyền thống...).

- Yêu cầu: trình bày trên giấy A0, dưới dạng bảng/sơ đồ/poster...

- Bước 2: Sau khi hoàn thành phiếu chung của cả nhóm, HV sẽ tiếp tục hoàn thành PHT cá nhân.

PHIẾU HỌC TẬP 2				
1. Dựa vào phần trình bày của các nhóm, ghi lại thông tin vào bảng sau:				
Tên quốc gia	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
<i>Tôn giáo phổ biến</i>				
<i>Giáo dục, y tế, HDI</i>				
<i>Nét văn hoá đặc sắc (Lễ hội truyền thống, ngôn ngữ chính thức, trang phục truyền thống...)</i>				
2. Từ các thông tin trên kết hợp nội dung SGK, em có kết luận gì về đặc điểm xã hội của Đông Nam Á?				
.....				
.....				
.....				
.....				

- Bước 3: Trả lời câu hỏi: “Đặc điểm xã hội của khu vực Đông Nam Á có tác động gì tới phát triển kinh tế - xã hội?”.

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- Bước 1: Đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập chung

- Bước 2: Từng cá nhân hoàn thành phiếu học tập theo mẫu

- Bước 3: HV đọc SGK, thảo luận theo cặp, kết hợp với sản phẩm làm việc nhóm và sản phẩm cá nhân để trả lời câu hỏi.

c) Báo cáo, thảo luận

- Bước 1: Các nhóm trình chiếu sản phẩm nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm nhận xét, đánh giá theo rubric.

- Bước 2: GV gọi GV gọi 1-2 họcviên trình bày phiếu học tập cá nhân. Các HV khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.

- Bước 3: GV gọi đại diện 1-2 cặp HV trả lời câu hỏi, các cặp khác nhận xét, bổ sung

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần thiết).

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về tình hình phát triển kinh tế khu vực Đông Nam Á

1. Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.

- Phân tích được các bảng số liệu, biểu đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV đọc SGK, trả lời các câu hỏi sau:

+ Hãy trình bày và giải thích tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Đông Nam Á.

+ Nhận xét về quy mô GDP theo giá hiện hành và tốc độ tăng GDP của khu vực Đông Nam Á và thế giới giai đoạn 2000 – 2020.

+ Nhận xét cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam giai đoạn 2005-2020.

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- Bước 1: HV làm việc cá nhân.

- Bước 2: Thảo luận cặp đôi, thống nhất nội dung trả lời chung.

c) Báo cáo, thảo luận

- GV cho bắt thăm/chỉ định một số cặp HV trả lời câu hỏi

- Đại diện các cặp đôi trình bày kết quả làm việc, các cặp HV khác bổ sung (nếu có).

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV đánh giá và chuẩn kiến thức ghi bài.

Lưu ý: GV có thể mở rộng thêm kiến thức trong quá trình dạy học như: Cung cấp hình ảnh, số liệu thể hiện tốc độ và thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 2000 – 2020 để thể hiện sự chênh lệch giữa các quốc gia; Thách thức

đối với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á bao gồm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao trình độ lao động và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, các hạn chế trong cơ cấu kinh tế của các quốc gia thể hiện ở việc phụ thuộc quá nhiều vào thương mại và dòng vốn đầu tư quốc tế, chế độ bảo trợ xã hội còn chưa toàn diện, có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng trước những biến động toàn cầu như khủng hoảng tài chính, dịch bệnh,... Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đang tích cực chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức, với trọng tâm là nâng cao nguồn lực con người và đẩy mạnh phát triển nghiên cứu nhằm bắt kịp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn cầu.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về các ngành kinh tế của khu vực ĐNA

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; bản đồ phân bố công nghiệp khu vực Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 6 nhóm và chia 2 cụm.
- *Vòng 1: Nhóm chuyên gia:* Các “chuyên gia” nghiên cứu và thảo luận với nhau về những tư liệu có liên quan đến nội dung được phân công và ghi thông tin vào giấy A3 (Ghi tên nhóm ở góc trái, trên cùng).

- Nhóm 1,2: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp.
- Nhóm 3,4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.
- Nhóm 5,6: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

- Vòng 2: Nhóm mảnh ghép:

- Các nhóm đánh số thứ tự cho các thành viên. Sau đó ghép với 2 nhóm trong cụm thành 3 nhóm mới (1 phút).
- Các chuyên gia lần lượt trình bày lại nội dung mình được tìm hiểu ở nhóm trước. Các chuyên gia còn lại lắng nghe, chất vấn và bổ sung (nếu có).

b) HV thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc nhóm bằng kỹ thuật các mảnh ghép; sử dụng SGK kết hợp với kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ. Lưu ý cách chia nhóm vòng 2 để tránh sự lộn xộn.

c) Báo cáo, thảo luận

- GV dùng thẻ bài/vòng quay số...gọi 2 nhóm trình bày.
- Các nhóm khác so sánh, nhận xét, bổ sung (nếu có).

d) GV đánh giá và chốt kiến thức

- GV cho các nhóm chấm điểm chéo

Tiêu chí	Chuẩn	N1	N2	N3	N4	N5	N6
Hoàn thành các tiêu đề PHT	2						
Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu	2						
Hoàn thành đúng thời gian	2						
Sự phối hợp giữa các thành viên	2						
Mức độ tiếp thu kiến thức từng ngành	2						
Tổng	10						

- GV tổng kết, khen ngợi, chuẩn kiến thức ghi bài và chuyển hoạt động tiếp theo PHT của các nhóm.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- củng cố kiến thức lí thuyết của bài.
- Rèn luyện kĩ năng nhận xét bảng số liệu

2. Tổ chức hoạt động

- GV triển khai luật chơi: Có ... câu hỏi thử thách cho các ứng viên làm “**Đại sứ Đông Nam Á**”. Ai trả lời đúng nhiều nhất và nhanh nhất người đó sẽ được trao tặng danh hiệu “**Đại sứ Đông Nam Á**”.

- Thời gian suy nghĩ trả lời cho mỗi câu hỏi không quá 30 giây.
- GV trình chiếu/đọc lần lượt các câu hỏi trước lớp. Sau hiệu lệnh “Hết” HV được quyền giơ tay trả lời. Trả lời đúng ghi điểm, trả lời sai mất lượt câu kế tiếp.
- HV tiến hành chơi
- GV chiếu/công bố kết quả
- GV yêu cầu thêm: Hãy nhận xét/ kết nối các thông tin từ các câu trả lời thành một đoạn văn ngắn, trình bày về tự nhiên, dân cư và xã hội của Đông Nam Á.
- GV tổng kết và chuyển qua hoạt động tiếp theo.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của khu vực Đông Nam Á, hệ thống hoá và trình bày theo chủ đề.

2. Tổ chức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HV thực hiện nhiệm vụ ở nhà, gợi ý những nguồn thông tin để HV tham khảo.

1.8. Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu

- A. nhiệt đới gió mùa.
- B. cận xích đạo gió mùa.
- C. á nhiệt đới gió mùa.
- D. xích đạo gió mùa.

1.9. Đông Nam Á biển đảo chủ yếu có khí hậu

- A. nhiệt đới gió mùa, xích đạo và cận xích đạo.
- B. nhiệt đới lục địa, cận xích đạo và hải dương.
- C. cận xích đạo gió mùa, cận nhiệt và ôn đới.
- D. ôn đới hải dương, cận nhiệt gió mùa và nhiệt đới.

1.10. Nông nghiệp ở Đông Nam Á phát triển **không** phải do điều kiện

- A. khí hậu nóng ẩm.
- B. đất trồng đa dạng.
- C. sông ngòi dày đặc.
- D. địa hình nhiều núi.

1.11. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho diện tích rừng ở các nước Đông Nam Á có nguy cơ bị thu hẹp là

- A. khai thác không hợp lí và cháy rừng.
- B. cháy rừng và phát triển nhiều thủy điện.
- C. mở rộng đất trồng đồi núi và cháy rừng.
- D. kết quả của việc trồng rừng còn hạn chế.

1.12. Đông Nam Á lục địa có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ là do

- A. các sông lớn bồi đắp nhiều phù sa.
- B. trầm tích biển tạo bồi lấp các đứt gãy.
- C. dung nham núi lửa từ nơi cao xuống.
- D. xâm thực vùng núi, bồi đắp vùng trũng.

1.13. Biểu hiện rõ rệt của biến đổi khí hậu ở một số đồng bằng châu thổ thấp tại Đông Nam Á là

- A. xâm nhập mặn ngày càng sâu vào đồng bằng.
- B. nguồn nước ngọt từ sông ngòi ngày càng ít đi.
- C. mực nước ngầm hạ thấp, bề mặt đất bị sụt lún.
- D. nguồn nước ngọt bị ô nhiễm ở nhiều khu dân cư.

1.14. Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

- A. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm.
- B. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng
- C. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng.
- D. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

1.15. Một trong những yếu tố gây khó khăn chủ yếu về quản lí, ổn định chính trị, xã hội ở một số nước Đông Nam Á là

- A. một số dân tộc ít người phân bố rộng, không theo biên giới quốc gia.
- B. có nhiều tôn giáo khác nhau trong nước cùng tồn tại lâu đời với nhau.
- C. có nhiều giá trị văn hoá khác nhau cùng tồn tại và phát triển cùng nhau.
- D. phong tục, tập quán, sinh hoạt của người dân có nhiều nét tương đồng.

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

– So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.

– Lấy được một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

– Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN.

2. Năng lực: Bài học góp phần hình thành các năng lực sau:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.
- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước, tự hào về vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

- Chăm chỉ: Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập, rèn luyện các đức tính chăm chỉ, thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

Video, tranh ảnh, thông tin,...về ASEAN (nếu có)

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tài liệu liên quan đến ASEAN để phục vụ cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài “Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)” được thực hiện với thời lượng 1 tiết. Dưới đây là các phương pháp, kỹ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kỹ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV; đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học cho HV, GV khuyến khích HV phát huy vốn hiểu biết thực tiễn của bản thân để hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV có thể sử dụng tranh ảnh, video về ASEAN (nếu có) phù hợp trong một số hoạt động để cung cấp, bổ sung thông tin hoặc mở rộng, khắc sâu kiến thức cho HV, tạo hứng thú học tập, khám phá cho HV.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV huy động được những hiểu biết của bản thân về ASEAN để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

Lần lượt từng HV chia sẻ hiểu biết của mình (ý kiến người sau không lặp lại ý kiến của người trả lời trước).

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng phương án khác để tổ chức hoạt động mở đầu. Phương án gợi ý khác. Phương án 2: GV cho HV xem một số hình ảnh hoặc video về ASEAN, về vai trò của Việt Nam trong ASEAN (nếu có) kết hợp với hiểu biết của bản thân, yêu cầu HV: Hãy liệt kê những thông tin đã thu thập được về ASEAN. HV viết ra giấy nháp và chia sẻ trước lớp.

Phương án 3: Tổ chức trò chơi “Giải đố ô chữ” với từ khóa ở hàng dọc là “ASEAN”. GV đưa ra ô chữ. Mỗi HV được lựa chọn ô chữ hàng ngang. Nếu HV trả lời sai, HV khác có quyền trả lời. HV nào có câu trả lời cho từ khóa hàng dọc khi chưa mở hết các ô hàng ngang thì được 10 điểm.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu mục tiêu và cơ chế hoạt động của ASEAN

1. Mục tiêu

- So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN.
- Trình bày được cơ chế hoạt động của ASEAN.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV làm việc theo cặp và giao nhiệm vụ:

Đọc thông tin và dựa vào kiến thức của bài EU trong SGK, hãy hoàn thành phiếu học tập sau đây:

PHIẾU HỌC TẬP 1	
Đọc thông tin và dựa vào kiến thức của bài EU trong SGK, hãy:	
1. Nêu mục tiêu của ASEAN.	
2. So sánh mục tiêu giữa ASEAN với EU theo bảng:	
a. Giống nhau:	
b. Khác nhau:	
ASEAN	EU
3. Trình bày cơ chế hoạt động của ASEAN:	

b) Thực hiện nhiệm vụ:

HV làm việc theo cặp, hoàn thành phiếu học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số cặp HV lên trình bày (có số liệu minh họa); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) **Đánh giá và chốt kiến thức:** GV nhận xét hoạt động học của HV, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu một số hợp tác cụ thể, thành tựu và thách thức của ASEAN

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hóa của ASEAN.
- Phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV:

Đọc thông tin trong SGK, hãy hoàn thành nhiệm vụ học tập theo nhóm như sau:

- + Nhóm 1, 4: Trình bày một số hợp tác cụ thể trong kinh tế của ASEAN.
- + Nhóm 2, 5: Trình bày một số hợp tác cụ thể trong văn hóa của ASEAN.

+ Nhóm 3, 6: Phân tích các thành tựu và thách thức của ASEAN.

GV gợi ý HV: Hình thức trình bày sản phẩm do HV lựa chọn và sáng tạo (bảng thông tin, hoặc sơ đồ tư duy, bài trình bày,...). Tùy theo điều kiện học tập, HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ; hoặc giấy A0 của nhóm.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm trong thời gian 10 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời HV đại diện nhóm lần lượt báo cáo kết quả. Dựa trên kết quả báo cáo, GV cho các HV khác bổ sung và trao đổi thảo luận toàn lớp.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV. Đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 2.3. Lấy ví dụ về sự hợp tác và vai trò của Việt Nam trong ASEAN

1. Mục tiêu

- Lấy được một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK và dựa vào hiểu biết của bản thân, hãy: lấy một số ví dụ về sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân, trong vòng 5 phút viết ra giấy nháp những ví dụ cụ thể.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HV lần lượt chia sẻ. HV khác tiếp tục bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV. Đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV trò chơi “nhanh như tia chớp” về chủ đề: ASEAN.

GV phổ biến luật chơi: GV lần lượt đưa ra các câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, sau khi đọc xong từng câu, trong vòng 10s, HV ghi phương án trả lời lên giấy nháp và giơ lên. Những HV trả lời sai sẽ bị loại, những HV trả lời đến câu cuối cùng sẽ chiến thắng.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

c) Báo cáo, thảo luận

HV lần lượt giơ đáp án lên cho mỗi câu hỏi trắc nghiệm.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây:

1. Điểm giống nhau về mục tiêu của ASEAN và EU là:

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội nhằm tạo đà cho sự phát triển.
- B. đảm bảo phúc lợi cho công dân các nước thành viên.
- C. thúc đẩy hợp tác trên mọi mặt, vì một khu vực hòa bình, an ninh, ổn định, cùng phát triển.
- D. thúc đẩy tự do lưu thông để xây dựng một thị trường thống nhất.

2. Cơ quan hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN là:

- A. Cấp cao ASEAN.
- B. Hội đồng Điều phối ASEAN.
- C. Các Hội đồng Cộng đồng ASEAN.
- D. Cơ quan chuyên ngành cấp Bộ trưởng ASEAN.

3. Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm:

- A. 1967.
- B. 1995.
- C. 1997.
- D. 1999.

4. Ý nào dưới đây **không phải** là Cơ chế hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN?

- A. thông qua các diễn đàn, hội nghị kinh tế.
- B. thông qua việc ký cam kết sử dụng đồng tiền chung.
- C. thông qua các hiệp ước, hiệp định về thương mại.
- D. thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao.

5. Ý nào dưới đây không phải là vai trò của Việt Nam trong ASEAN:

- A. thúc đẩy việc kết nạp Lào, Cam-pu-chia gia nhập vào ASEAN.
- B. Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020 và đạt được nhiều kết quả cao.
- C. thúc đẩy các nước kí kết thành công Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.
- D. có giá trị đầu tư vào các nước trong ASEAN cao nhất.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Khai thác, chọn lọc, hệ thống hoá được các tư liệu từ các nguồn khác về địa lí khu vực ASEAN.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu, thu thập tư liệu về địa lí khu vực ASEAN.

GV gợi ý HV lựa chọn và thực hiện một trong các nhiệm vụ như sau:

- (1) Cơ hội, thách thức của Việt Nam khi gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC).
- (2) Sự hợp tác của Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục với ASEAN hoặc với một quốc gia thành viên của ASEAN.
- (3) Ví dụ minh chứng Việt Nam là một trong những quốc gia tích cực nhất trong ASEAN.

Và yêu cầu HV tìm hiểu thông tin về hoạt động du lịch, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của Đông Nam Á (để chuẩn bị cho bài thực hành)

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

THỰC HÀNH

TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Vẽ và nhận xét được biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Khai thác Internet phục vụ môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ: tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Suu tầm các tư liệu về hoạt động kinh tế đối ngoại của Đông Nam Á.

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tư liệu liên quan đến hoạt động kinh tế đối ngoại của Đông Nam Á.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt trong chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kỹ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV và HV cùng xác định các nội dung trình bày một cách cụ thể, hướng dẫn HV các nguồn tư liệu có thể tìm kiếm và yêu cầu HV chuẩn bị ở nhà, sau đó GV tổ chức các hoạt động trên lớp cho HV. Việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV tìm kiếm tư liệu có thể thực hiện trong hoạt động vận dụng của bài học trước.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HV: Hãy kể tên một số điểm du lịch nổi tiếng ở các quốc gia khu vực Đông Nam Á.

b) *Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo:* HV làm việc theo cặp đôi, liệt kê vào giấy nháp. Sau đó công bố kết quả. GV và HV tổng hợp cặp đôi có kết quả chính xác nhất và nhiều nhất.

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Vẽ biểu đồ về du lịch

1. Mục tiêu: Vẽ, nhận xét được biểu đồ và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HV:

+ Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thể hiện số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2005 – 2019.

+ Từ biểu đồ đã vẽ và thông tin thu thập được, hãy truyền đạt thông tin địa lí về hoạt động du lịch của khu vực Đông Nam Á.

Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch khu vực Đông Nam Á

giai đoạn 2005 – 2019

Năm	2005	2010	2015	2019

Số lượt khách (triệu người)	49,3	70,4	104,2	138,5
Doanh thu (tỉ USD)	33,8	68,5	108,5	147,6

(Nguồn: UNWTO, 2007, 2016, 2020)

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc cá nhân, 1 số HV lên bảng vẽ và nhận xét biểu đồ, HV còn lại hoàn thành vào vở.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một số HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV nhận xét hoạt động của HV và đánh giá sản phẩm học tập của HV.

Hoạt động 2.2. Phân tích bảng số liệu về hoạt động xuất, nhập khẩu

1. Mục tiêu: Phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HV:

- Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy tính cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á, giai đoạn 2015 – 2020.

- Từ hai bảng số liệu (bảng số liệu về trị giá xuất, nhập khẩu và bảng số liệu cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu) và thông tin thu thập được, hãy truyền đạt thông tin địa lí về hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.

*Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á
giai đoạn 2015 – 2020*

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2017	2018	2020
Xuất khẩu	1 506,0	1 682,5	1 632,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 381,5	1 540,0	1 696,4	1 526,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc theo cặp đôi, xử lí bảng số liệu, trao đổi, thảo luận và chuẩn bị trình bày.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một số HV trình bày, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *GV đánh giá và chốt kiến thức:* : GV nhận xét hoạt động của HV, đánh giá sản phẩm của HV và kết luận.

KHU VỰC TÂY NAM Á

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.

- Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Nêu được một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian

- Giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng được các công cụ Địa lí

- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn

- Giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực trong học tập.

- Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, xã hội của khu vực Tây Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ địa lí tự nhiên khu vực Tây Nam Á.

- Video, tranh ảnh, thông tin về khu vực Tây Nam Á (nếu có)

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tài liệu liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của khu vực Tây Nam Á để phục vụ cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dạy dự kiến thực hiện trong 4 tiết. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lí số liệu thống kê, phương pháp bản đồ,... đảm bảo HV được hoạt động,

tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tùy theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Tạo kết nối giữa kiến thức, kinh nghiệm của HV về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Tây Nam Á ở cấp học dưới với bài học.

- Tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi, tò mò của HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV: xem video và trả lời câu hỏi:

Liệt kê những thông tin về khu vực Tây Nam Á mà em thu thập được từ video.

- GV trình chiếu video: <https://www.youtube.com/watch?v=Jr3DYMPtGRQ>

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HV xem video và viết các thông tin ra giấy nháp.

- GV mời một số HV chia sẻ. HV khác bổ sung.

c) Kết nối vào bài học mới: GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Lưu ý: GV có thể cho HV xem video khác, ví dụ:

Bài hát : Cho em tuổi thơ, cho em hòa bình” ("Give us childhood, give us peace"): <https://www.youtube.com/watch?v=Lq6eOyTo5gc> và yêu cầu HV chia sẻ cảm nghĩ của em về ý nghĩa/thông điệp của bài hát.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Xác định vị trí địa lí

1. Mục tiêu

- Nêu được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Tây Nam Á, hãy nêu đặc điểm và ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội.

GV gợi ý khi trình bày đặc điểm vị trí địa lí, HV cần xác định vị trí của Tây Nam Á trên bản đồ (ở đâu trên bản đồ châu lục/thế giới; kéo dài từ vĩ độ nào đến vĩ độ nào; xác định các khu vực/châu lục, các biển và đại dương tiếp giáp).

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số cặp HV lên trình bày (có xác định vị trí địa lí trên bản đồ); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức*: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu

- Nêu được ảnh hưởng của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên đến phát triển kinh tế, xã hội khu vực Tây Nam Á.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV:

Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Tây Nam Á, hãy nêu đặc điểm và ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Tây Nam Á.

Gợi ý: HV hoàn thành nội dung theo bảng sau:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Sông, hồ		
Khoáng sản		
Sinh vật		
Biển		

b) Thực hiện nhiệm vụ

+ HV làm việc theo nhóm:

- Nhóm chẵn: tìm hiểu địa hình, đất, khí hậu, khoáng sản.

- Nhóm lẻ: tìm hiểu sông, hồ, sinh vật, biển.

+ HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

Hình thức sản phẩm do HV lựa chọn (bảng thông tin như gợi ý hoặc sơ đồ tư duy,...). Tùy theo điều kiện học tập, HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi hoặc bảng phụ, hoặc giấy A0 hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời 01 HV đại diện nhóm chẵn và 01 HV đại diện nhóm lẻ lần lượt báo cáo kết quả (tùy theo sản phẩm ở mục b, GV tổ chức hình thức báo cáo của HV cho phù hợp). HV khác bổ sung và trao đổi, thảo luận toàn lớp.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

+ GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai, bổ sung thêm thông tin (nếu cần thiết).

+ Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kỹ thuật các mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh để tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho HV trong phương án gợi ý này. Hoặc GV có thể giao cho các nhóm thực hiện cùng 1 nhiệm vụ (tăng thời gian làm việc nhóm), có thể thiết kế bảng tiêu chí Rubric để tổ chức đánh giá sản phẩm của các nhóm.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về dân cư và xã hội Tây Nam Á

1. Mục tiêu

- Nêu được ảnh hưởng của dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV yêu cầu HV làm việc theo cặp đôi và giao nhiệm vụ: Đọc thông tin, bảng số liệu hoặc biểu đồ, bản đồ phân bố dân cư Tây Nam Á trong SGK, hãy nêu đặc điểm và ảnh hưởng của dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.

+ GV phổ biến cách thức hoạt động cho HV theo kỹ thuật “Trình bày 1 phút”: mỗi cặp đôi sẽ lựa chọn và tìm hiểu một trong số các vấn đề về dân cư, xã hội trong thời gian 2 phút (lưu ý: tất cả vấn đề đều được HV lựa chọn). Các vấn đề như sau:

TT	Vấn đề dân cư, xã hội	Đặc điểm	Ảnh hưởng
1	Quy mô dân số		
2	Gia tăng dân số		
3	Thành phần dân tộc		
4	Cơ cấu dân số		
5	Phân bố dân cư		
6	Đô thị hóa		
7	Văn hóa		
8	Tôn giáo		
9	Chất lượng cuộc sống		

+ GV yêu cầu HV:

- Nhận xét bảng số liệu/biểu đồ về dân cư Tây Nam Á (số dân, tỉ lệ gia tăng dân số, cơ cấu dân số) để minh chứng khi trình bày đặc điểm dân cư Tây Nam Á.

- Xác định trên bản đồ các khu vực tập trung dân cư đông đúc, các khu vực thưa dân, các đô thị đông dân và nhận xét đặc điểm phân bố dân cư và đô thị hóa Tây Nam Á.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV trao đổi, thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. GV có thể hướng dẫn HV nhận xét, xử lý số liệu hoặc biểu đồ, đọc bản đồ để minh họa cho phần trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện HV lần lượt chia sẻ từng vấn đề trong vòng 1 phút. HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 2.4. Trình bày tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á

1. Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 5 - 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc thông tin, bảng số liệu/biểu đồ, bản đồ trong SGK, hãy trình bày tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực Tây Nam Á theo gợi ý sau:

- + Quy mô GDP.
- + Tăng trưởng kinh tế.
- + Cơ cấu kinh tế.
- + Các ngành kinh tế nổi bật.
- Hình thức trình bày do HV lựa chọn: lập bảng hoặc sơ đồ hoặc sơ đồ tư duy,....
- GV yêu cầu HV đọc bảng số liệu/biểu đồ, bản đồ để minh chứng cho đặc điểm.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm, trao đổi, thảo luận và hoàn thành sản phẩm.
- GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm

c) Báo cáo, thảo luận

- GV mời đại diện một nhóm trình bày. HV nhóm khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV; đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Lưu ý: GV có thể tổ chức phương pháp thảo luận nhóm kết hợp với kỹ thuật triển lãm tranh.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra một số vấn đề, khuyến khích HV lựa chọn và hoàn thành một trong những yêu cầu sau đây:

- + Dựa vào bảng số liệu trong SGK, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của khu vực Tây Nam Á.
- + Xác định trên bản đồ kinh tế khu vực Tây Nam Á, các trung tâm công nghiệp của khu vực. Kể tên các ngành công nghiệp của một số trung tâm.
- + Lập bảng về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ học tập vào vở. GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV. (Tùy thuộc vào thực tế lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động này theo nhiều cách khác nhau).

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HV lên bảng vẽ biểu đồ và nhận xét biểu đồ. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV đánh giá hoạt động của HV và chốt kiến thức (tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp).

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

- Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Tây Nam Á. Giúp HV tìm tòi mở rộng kiến thức.

- Nêu được một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.

2. Tổ chức hoạt động

Lưu ý: nhiệm vụ này được giao trước cho HV chuẩn bị ở nhà, có thể tổ chức theo phương pháp dạy học dự án.

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV: *Khai thác, chọn lọc, thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau và nêu một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.*

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HV lên bảng trình bày. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV đánh giá sản phẩm và nhận xét hoạt động học của HV.

HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ (HOA KỲ)

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI HOA KỲ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội.

- Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế – xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Năng lực: Bài học góp phần hình thành các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ địa lí học.

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Giáo dục thế giới quan khoa học, thái độ tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau.

- Chăm chỉ: Rèn luyện các đức tính chăm chỉ, thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên internet để mở rộng hiểu biết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ các nước trên thế giới hoặc bản đồ các nước châu Mỹ.

- Bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ

- Bản đồ phân bố dân cư Hoa Kỳ

- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của HV

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung bài học.

- Giấy note

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dạy dự kiến thực hiện trong 3 tiết, có thể chia như sau:

- Tiết 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, địa hình và đất
- Tiết 2: Tìm hiểu các đặc điểm về khí hậu, sông hồ, sinh vật, khoáng sản và biển
- Tiết 3: Tìm hiểu về đặc điểm Dân cư và xã hội

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lí số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tùy theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho bài học, dẫn dắt kiến thức vào bài mới.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV tổ chức trò chơi ô cửa bí mật. Luật chơi: Có 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi tương ứng với một mảnh ghép. Nếu HV trả lời đúng câu hỏi thì mảnh ghép sẽ được lật mở. HV sẽ được 1 điểm cộng vào điểm cá nhân. Sau khi 4 mảnh ghép được lật mở thì sẽ lộ ra 1 hình ảnh, GV hỏi “*Đây là gì?*”, HV trả lời đúng thì được cộng 2 điểm vào điểm cá nhân.

b) *HV thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo*

- HV lựa chọn mảnh ghép để trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét kết quả làm thực hiện nhiệm vụ của HV.

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV giới thiệu sơ qua về Hoa Kỳ sau đó dẫn dắt vào bài: Hoa Kỳ - một đất nước trẻ với lịch sử hơn 250 năm nhưng trong một thời gian ngắn đã trở thành cường quốc số 1 thế giới về kinh tế cho đến nay. Những điều kiện nào đã đưa Hoa Kỳ lên ngôi vị này?

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Nêu và xác định được vị trí địa lí của Hoa Kỳ trên bản đồ.
- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV dựa vào thông tin SGK và bản đồ hành chính Châu Mỹ, hãy:

- + Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của Hoa Kỳ
- + Phân tích thuận lợi, khó khăn của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế - xã hội Hoa Kỳ.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thảo luận theo kỹ thuật Think-pair-share, 1 phút làm việc theo cá nhân, 1 phút sau 2 bạn ngồi cùng nhau sẽ trao đổi thảo luận.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi các cặp đôi chia sẻ, các cặp đôi khác bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá và kết luận.

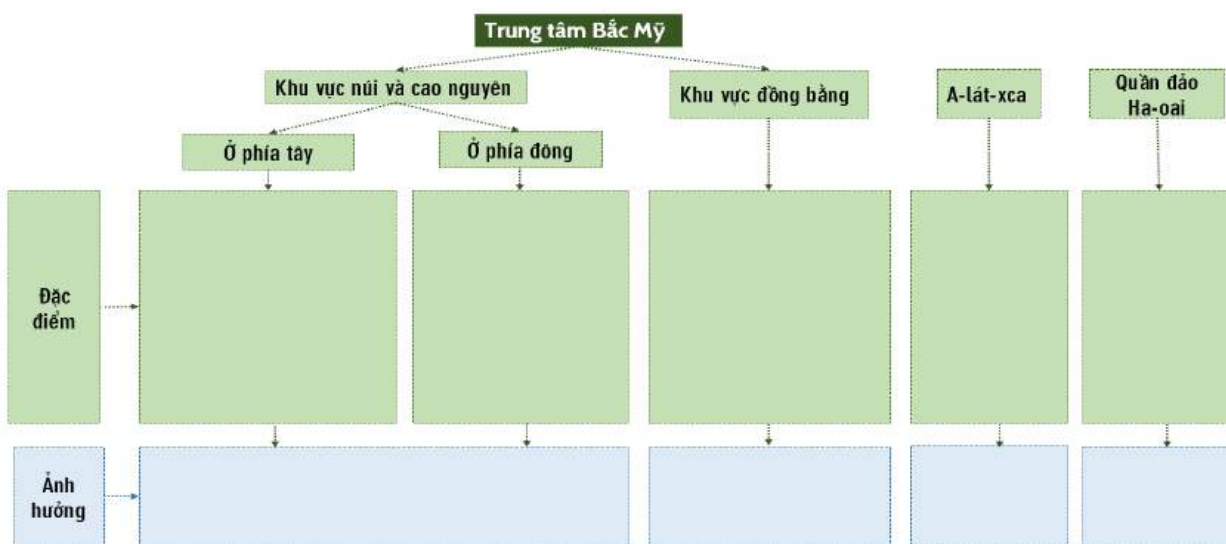
Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm địa hình và đất của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm về địa hình và đất của Hoa Kỳ.
- Phân tích được ảnh hưởng của địa hình và đất đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kỳ
- Đọc được bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ và rút ra đặc điểm về địa hình và đất.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc SGK và bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ để hoàn thành sơ đồ sau:



Sau đó, GV yêu cầu các nhóm trao đổi sản phẩm để chấm chéo và sửa lỗi cho nhau: nhóm 1 đưa cho nhóm 2, nhóm 2 đưa cho nhóm 3, nhóm 3 đưa cho nhóm 4, nhóm 4 đưa cho nhóm 1. Các nhóm sửa cho nhóm bạn bằng màu mực đỏ (hoặc khác màu). Thời gian 3 phút.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm dựa vào SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao, thảo luận và thống nhất nội dung.

c) *Báo cáo, thảo luận:* Hết thời gian, GV chọn ra bất kỳ sản phẩm của nhóm nào lên treo bảng và trình bày kết quả làm việc nhóm trên bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

d) *Đánh giá và chốt kiến thức*

- GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của HV.
- GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

Hoạt động 2.3: Tìm hiểu các đặc điểm về khí hậu, sông hồ, sinh vật, khoáng sản và biển của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Hoa Kỳ.
- Phân tích được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kỳ.
- Đọc được bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ và rút ra nhận xét về điều kiện tự nhiên của Hoa Kỳ.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyên giao nhiệm vụ :* GV chia lớp thành 5 nhóm (có thể chia thành 2 cụm, mỗi cụm 5 nhóm tùy theo sĩ số lớp) nhận nhiệm vụ như sau trong thời gian 5 phút:

- Nhóm 1: Tìm hiểu về đặc điểm khí hậu Hoa Kỳ theo bảng sau:

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Khí hậu		

- Nhóm 2: Tìm hiểu về đặc điểm sông, hồ Hoa Kỳ theo bảng sau:

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Sông, hồ		

- Nhóm 3: Tìm hiểu về đặc điểm sinh vật Hoa Kỳ theo bảng sau:

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Biển		

- Nhóm 4: Tìm hiểu về đặc điểm khoáng sản Hoa Kỳ theo bảng sau:

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Sinh vật		

- Nhóm 5: Tìm hiểu về đặc điểm biển Hoa Kỳ theo bảng sau:

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Khoáng sản		

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV sử dụng các thông tin trong SGK để hoàn thành phiếu học tập theo nhóm

- Các nhóm thảo luận và ghi kết quả làm việc vào giấy Ao trong thời gian 5 phút. Sau đó, các nhóm bắt đầu trao đổi sản phẩm học tập theo kỹ thuật băng chuyền: nhóm 1 chuyển sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 chuyển sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 chuyển sản phẩm cho nhóm 4, nhóm 4 chuyển sản phẩm nhóm 4 chuyển sản phẩm cho nhóm 1.

Các nhóm đọc và góp ý kiến bổ sung cho nhóm bạn. Sau đó tiếp tục luân chuyển kết quả cho nhóm tiếp theo sơ đồ và nhận tiếp kết quả từ nhóm khác để góp ý. Cứ như vậy cho đến khi các nhóm đã nhận được tờ Ao của nhóm mình với các ý kiến góp ý của tất cả các nhóm khác. Từng nhóm sẽ xem và xử lý các ý kiến của nhóm bạn để hoàn thiện kết quả thảo luận của nhóm.

c. Báo cáo, thảo luận: GV gọi lần lượt các nhóm lên báo cáo kết quả học tập, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của HV.

+ GV chốt nội dung

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về dân cư và xã hội Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày và phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới sự phát triển kinh tế - xã hội.

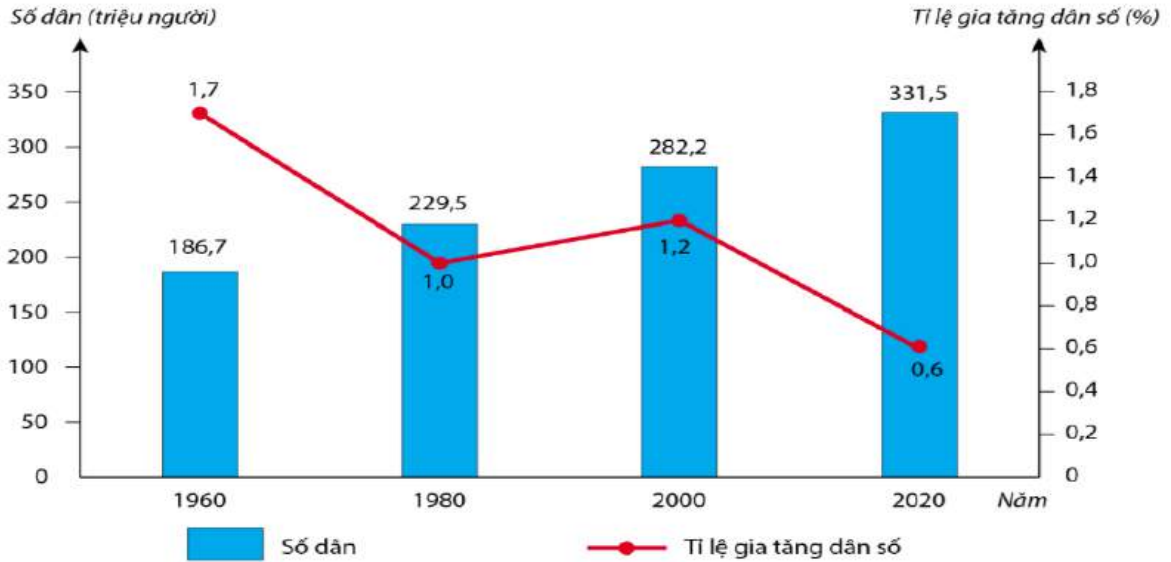
- Đọc được bản đồ phân bố dân cư Hoa Kỳ và rút ra nhận xét phù hợp.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm 3 nhóm tùy số lớp học và thống nhất nội quy học tập ở các trạm. (trước tiết học GV đã chia lớp thành 3 nhóm chuyên gia tìm hiểu 3 nội dung)

- **Trạm 1:** Đọc SGK và trình bày đặc điểm về quy mô và cơ cấu dân số của Hoa Kỳ theo phiếu học tập sau:

1. Quan sát biểu đồ số dân và tỉ lệ gia tăng dân số Hoa Kỳ giai đoạn 1960 - 2020, điền vào chỗ trống:



Hình 16.2. Số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Hoa Kỳ giai đoạn 1960 – 2020

+ Hoa Kỳ là nước(1)....., năm 2020 có(2)..... triệu người.

+ Tỉ lệ gia tăng dân số(3).....

2. Phân tích tác động của quy mô và sự gia tăng dân số đến sự phát triển kinh tế xã hội Hoa Kỳ?

.....

- **Trạm 2:** Đọc SGK và quan sát bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn của Hoa Kỳ năm 2020, hãy trình bày đặc điểm về phân bố dân cư của Hoa Kỳ theo phiếu học tập sau:

1. Quan sát bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn của Hoa Kỳ năm 2020, kết hợp với kiến thức SGK, hãy trả lời các câu hỏi sau:

+ Nêu đặc điểm phân bố dân cư Hoa Kỳ? Ảnh hưởng của đặc điểm đó đến sự phát triển kinh tế - xã hội?

.....



Hình 16.3. Bản đồ mật độ dân số và một số đô thị lớn của Hoa Kỳ năm 2020

+ Kể tên các đô thị lớn của Hoa Kỳ:

.....

- **Trạm 3:** Đọc SGK và trình bày đặc điểm về nhập cư và chủng tộc của Hoa Kỳ theo phiếu học tập sau:

1. Quan sát video kết hợp SGK và hiểu biết của bản thân để tích chọn vào các nhận định mà em cho là đúng.

- Hoa Kỳ có thành phần dân cư đa dạng
- Người gốc Á chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số dân
- Chủ nhân đầu tiên của Hoa Kỳ là người châu Âu
- Hoa Kỳ có số lượng người nhập cư lớn trên thế giới
- Dân nhập cư không ảnh hưởng đến kinh tế Hoa Kỳ
- Người nhập cư tạo nên sự đa dạng về văn hoá, cung cấp nguồn lao động dồi dào, trình độ cao
- Dân nhập cư gây khó khăn trong công tác quản lý xã hội

Link video: <https://goeco.link/UmMYw>

b) Thực hiện nhiệm vụ: Di chuyển và học tập

+ Các nhóm sẽ lần lượt thực hiện nhiệm vụ ở các Trạm học tập khác nhau. Tại mỗi trạm, HV ở nhóm chuyên gia sẽ hướng dẫn các HV khác tìm hiểu nội dung học tập được giao trong khoảng thời gian 4 phút. Trong quá trình HV chuyên gia hướng dẫn, các HV khác chủ động ghi chép, lắng nghe để thống nhất nội dung trong phiếu học tập.

+ GV quan sát các nhóm làm việc và có sự hỗ trợ kịp thời khi thấy HV gặp khó khăn. Hướng dẫn HV di chuyển qua các trạm học tập.

+ Sau khi nhiệm vụ ở trạm thứ nhất được hoàn thành thì các nhóm sẽ lần lượt di chuyển qua các trạm tiếp theo để hoàn thành hết các nhiệm vụ được giao.

c) Báo cáo, thảo luận: Báo cáo kết quả học tập.

+ GV yêu cầu các nhóm lên dán sản phẩm của mình lên bảng. Sau đó yêu cầu mỗi nhóm sẽ trình bày ở mỗi Trạm học tập bất kì. Các nhóm khác sẽ nhận xét bổ sung sau khi nghe báo cáo.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

- GV tổng hợp, nhận xét kết quả làm việc nhóm của HV, sau đó ra kết luận và mở rộng kiến thức.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư Hoa Kỳ

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV lập sơ đồ khái quát về đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội của Hoa Kỳ vào vở.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, có thể sáng tạo các kiểu sơ đồ khác nhau..

c) GV kiểm tra kết quả thực hiện của HV: Điều chỉnh kịp thời những vướng mắc của HV trong quá trình thực hiện.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Rèn luyện năng lực khai thác thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác để mở rộng kiến thức và hiểu sâu hơn nội dung bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV lựa chọn một trong 2 nhiệm vụ sau để làm:

1. Hãy thu thập tư liệu và trình bày về một số luồng nhập cư vào Hoa Kỳ trong thời gian gần đây.

2. Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một giải thưởng Nô-ben mà người Hoa Kỳ đã đạt được.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV về nhà tìm hiểu và hoàn thành

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây

1.1. Hoa Kỳ là quốc gia có diện tích lớn thứ

- A. 2 thế giới.
- B. 3 thế giới.
- C. 4 thế giới.
- D. 5 thế giới.

1.2. Ngoài phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ có diện tích hơn 8 triệu km², Hoa Kỳ còn bao gồm

- A. Bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai.
- B. Quần đảo Ha-oai và quần đảo Ăng-ti Lớn.
- C. Quần đảo Ăng-ti Lớn và quần đảo Ăng-ti Nhỏ.
- D. Quần đảo Ăng-ti Nhỏ và bán đảo A-la-xca.

1.3. Vùng phía Tây Hoa Kỳ bao gồm

- A. Các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000m, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên.
- B. Khu vực gò đồi thấp và các đồng cỏ rộng.
- C. Đồng bằng phù sa màu mỡ do hệ thống sông Mi-xi-xi-pi bồi đắp và vùng đồi thấp.
- D. Các đồng bằng phù sa ven Đại Tây Dương và dãy núi già A-pa-lat.

1.4. Vùng phía Đông Hoa Kỳ gồm

- A. Vùng rừng tương đối lớn và các đồng bằng ven Thái Bình Dương.
- B. Dãy núi già A-pa-lat và các đồng bằng ven Đại Tây Dương.
- C. Đồng bằng trung tâm và vùng gò đồi thấp.
- D. Vùng núi Coóc-đi-e và các thung lũng rộng lớn.

1.5. Kiểu khí hậu phổ biến ở vùng phía Đông và vùng Trung tâm HOA KỲ là

- A. Ôn đới lục địa và hàn đới.
- B. Hoang mạc và ôn đới lục địa.
- C. Cận nhiệt đới và ôn đới.
- D. Cận nhiệt đới và cận xích đạo.

1.6. Than đá và quặng sắt có trữ lượng rất lớn của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Vùng phía Tây và vùng Trung tâm.
- B. Vùng phía Đông và vùng Trung tâm.
- C. vùng Trung tâm và bán đảo A-la-xca.
- D. Vùng phía Đông và quần đảo Ha-oai.

3. Phẩm chất

- Giáo dục thế giới quan khoa học, thái độ tôn trọng các giá trị nhân văn khác nhau.
- Liên hệ thực tế đất nước và suy nghĩ về hướng phát triển kinh tế – xã hội của nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Bản đồ phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Hoa Kỳ.
- Bản đồ phân bố công nghiệp Hoa Kỳ.
- Phiếu học tập.

2. Học liệu

- Giấy note.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dạy dự kiến thực hiện trong 3 tiết, có thể chia như sau:

- Tiết 1: Tìm hiểu về nền kinh tế hàng đầu thế giới.
- Tiết 2: Tìm hiểu về ngành công nghiệp và dịch vụ của Hoa Kỳ.
- Tiết 3: Tìm hiểu về ngành Nông nghiệp và sự phân bố lãnh thổ kinh tế của Hoa Kỳ.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tùy theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu” Tạo hứng thú cho bài học, dẫn dắt kiến thức vào bài mới.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV trình chiếu video về nền kinh tế Hoa Kỳ và yêu cầu HV liệt kê ra những điểm nổi bật nhất của nền kinh tế đó.

Link video: <https://goeco.link/KUdsF>

(chỉ lấy 1 đoạn ngắn trong video)

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV quan sát video và ghi chép những điểm nổi bật của kinh tế Hoa Kỳ.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi HV trả lời, các HV khác bổ sung.

d) *Kết nối vào bài học mới:* GV chốt lại một số nét nổi bật và sau đó dẫn dắt vào bài: *Từ cuối thế kỷ XIX, Hoa Kỳ đã vươn lên trở thành nền kinh tế đứng đầu thế giới. Thành tựu của nền kinh tế Hoa Kỳ được thể hiện ở sự phát triển các ngành kinh tế. Kinh tế Hoa Kỳ phát triển như thế nào? Nguyên nhân nào dẫn đến sự phát triển đó?*

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu nền kinh tế hàng đầu thế giới

1. Mục tiêu

- Trình bày và giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới.
- Rèn luyện kỹ năng khai thác bảng số liệu, biểu đồ.

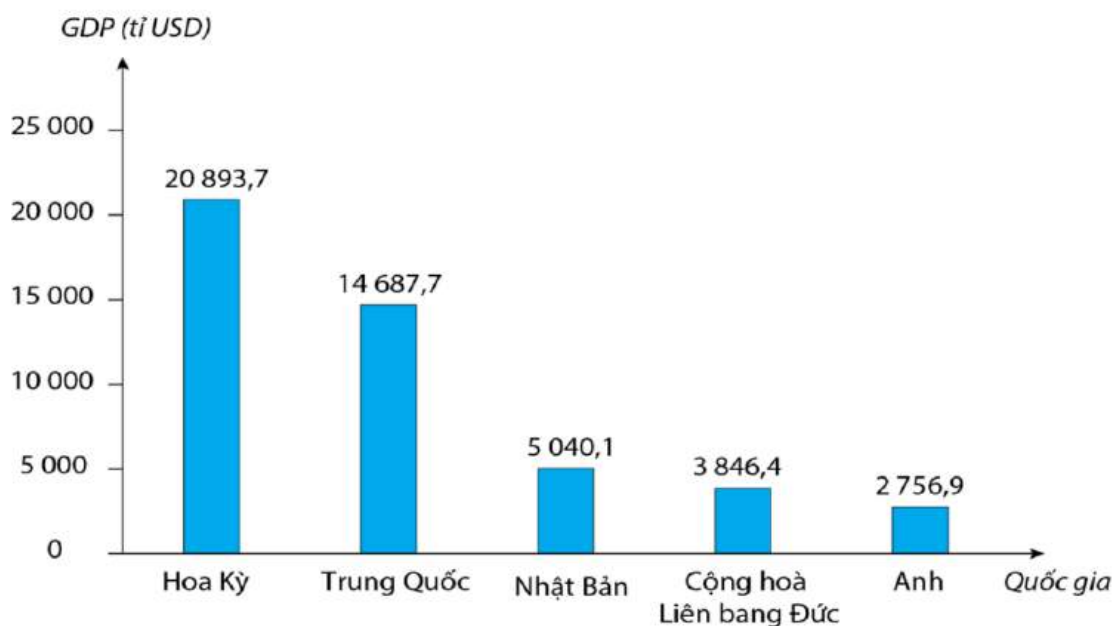
2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

Nhiệm vụ : Tìm hiểu biểu hiện của nền kinh tế hàng đầu thế giới.

GV yêu cầu HV làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 3 phút:

1. Quan sát hình biểu đồ và bảng số liệu trong SGK và điền từ còn thiếu vào chỗ trống:



Hình 17.1. GDP của các nền kinh tế hàng đầu thế giới năm 2020

Bảng 17.1. GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2019	2020
GDP (tỉ USD)	10 250,9	13 039,2	15 049,0	18 206,0	21 372,6	20 893,7
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	4,1	3,5	2,7	2,7	2,3	- 3,4

(Nguồn: WB, 2022)

+ Quy mô GDP của Hoa Kỳ và có xu hướng qua các năm

+ Tốc độ tăng trưởng GDP

2. Quan sát bảng số liệu và thông tin SGK để hoàn thành nhận xét sau:

Bảng 17.2. Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: %)

GDP	Năm	2000	2010	2019	2020
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		1,2	1,0	0,9
Công nghiệp, xây dựng		22,5	19,3	18,2	18,4
Dịch vụ		72,8	76,3	77,3	80,1
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm		3,5	3,4	3,6	0,4

(Nguồn: WB, 2022)

+ Trình độ phát triển kinh tế của Hoa Kỳ với nhiều ngành kinh tế

+ Các sản phẩm có vị trí hàng đầu thế giới:.....

+ Hoa Kỳ có nhiều trung tâm trên thế giới.

+ Giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ Hoa Kỳ dẫn đầu thế giới về lĩnh vực.....

+ Cơ cấu kinh tế của Hoa Kỳ có ngành chiếm tỷ trọng cao nhất. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gần như đạt.....

3. Giải thích tại sao Hoa Kỳ lại phát triển mạnh?

.....

.....

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV thảo luận theo kỹ thuật Think-pair-share, 4 phút làm việc theo cá nhân, 3 phút sau 2 bạn ngồi cùng nhau sẽ trao đổi thảo luận.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi các cặp đôi chia sẻ, các cặp đôi khác bổ sung.

d) *Kết luận, chốt kiến thức*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sự phát triển ngành dịch vụ của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển của ngành dịch vụ Hoa Kỳ

- Phân tích được số liệu, tư liệu ngành dịch vụ Hoa Kỳ

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 2 nhóm, nhiệm vụ:

- Thiết kế sơ đồ tư duy về sự phát triển của các ngành dịch vụ của Hoa Kỳ

- Thời gian: 15 phút

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV suy nghĩ, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 15 phút theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí	Điểm tối đa
Nội dung đầy đủ, ngắn gọn	5
Hình thức đẹp, gọn gàng, khoa học	3
Hoàn thành đúng thời gian	2
Tổng	10

c) *Báo cáo, thảo luận:* Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm. Trong 5 phút các nhóm sẽ bổ sung, hoàn thiện đánh giá và cho điểm sản phẩm của nhóm bạn theo các tiêu chí mà GV đã đưa ra. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt hơn, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

d) *Kết luận, chốt kiến thức*

- GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của HV.

- GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

- HV lắng nghe, ghi bài vào vở.

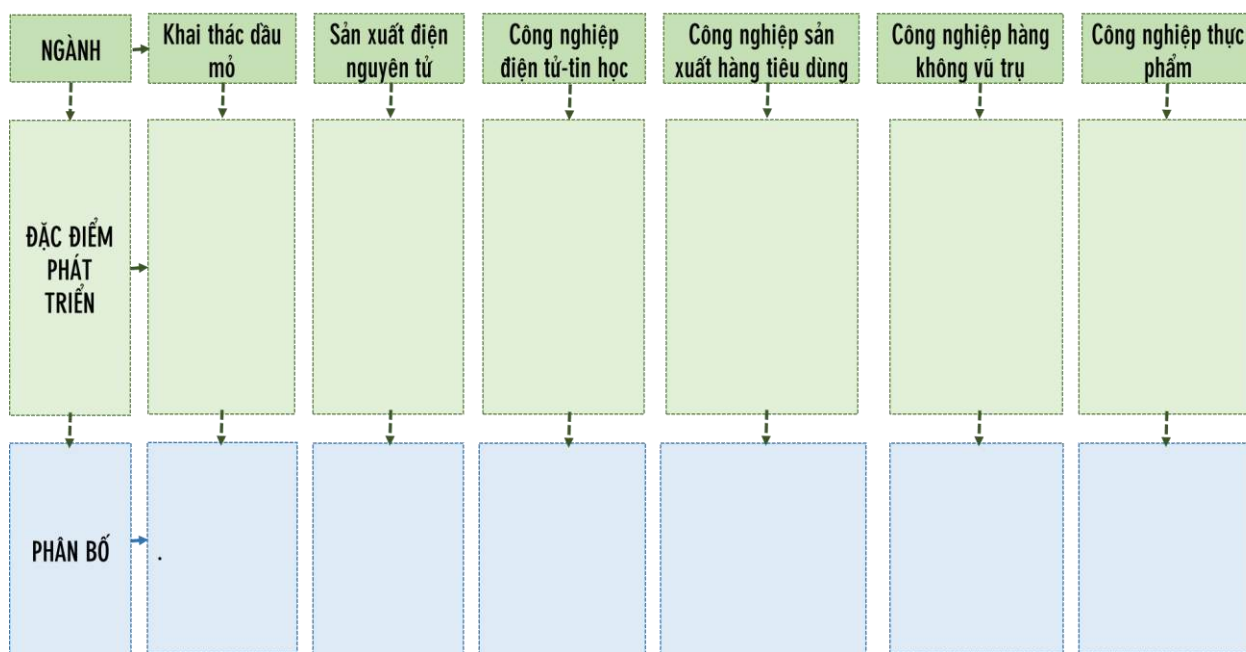
Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ngành công nghiệp của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển, phân bố của công nghiệp Hoa Kỳ
- Phân tích được số liệu, tư liệu của ngành công nghiệp Hoa Kỳ

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HV dựa vào thông tin trong sách giáo khoa, trình bày sự phát triển và phân bố của ngành công nghiệp Hoa Kỳ theo sơ đồ sau:



b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV đọc SGK trao đổi với bạn để hoàn thành nhiệm vụ nhóm.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi lần lượt các nhóm lên báo cáo kết quả học tập, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định*

- GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của HV.
- GV chốt nội dung

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu ngành nông nghiệp của Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển, phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, đọc bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm đọc SGK và bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ để hoàn thành phiếu học tập sau:

	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Khai thác thủy sản
Vai trò			
Đặc điểm phát triển			
Phân Bố			

Sau đó, GV yêu cầu các nhóm trao đổi sản phẩm để chấm chéo và sửa lỗi cho nhau: nhóm 1 đưa cho nhóm 2, nhóm 2 đưa cho nhóm 3, nhóm 3 đưa cho nhóm 4, nhóm 4 đưa cho nhóm 1. Các nhóm sửa cho nhóm bạn bằng màu mực đỏ (hoặc khác màu). Thời gian 3 phút.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm dựa vào SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao, thảo luận và thống nhất nội dung.

c) Báo cáo, thảo luận: Hết thời gian, GV chọn ra bất kỳ sản phẩm của nhóm nào lên treo bảng và trình bày kết quả làm việc nhóm trên bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung

d) Kết luận, chốt kiến thức

- GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của HV.
- GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng.

Hoạt động 2.5. Tìm hiểu sự phân hoá lãnh thổ kinh tế Hoa Kỳ

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển, phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Đọc được bản đồ các khu vực kinh tế của Hoa Kỳ và rút ra nhận xét

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV dựa vào thông tin và lược đồ trong SGK, hãy kể tên các vùng của Hoa Kỳ và trình bày đặc điểm nổi bật của mỗi vùng. Hết hoạt động cá nhân, các bạn ngồi cạnh nhau sẽ thảo luận cặp đôi để bổ sung và hỗ trợ cho nhau.

b) Thực hiện nhiệm vụ: Các cặp đôi thảo luận, trao đổi ý kiến và thống nhất ghi kết quả làm việc vào phiếu học tập.

c) Báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 cặp đôi trình bày, các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.

d) Kết luận, chốt kiến thức

- GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HV.
- GV chuẩn kiến thức, mở rộng kiến thức
- HV: Lắng nghe, ghi bài.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- củng cố kiến thức về kinh tế Hoa Kỳ.

- Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ và nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV dựa vào bảng số liệu trong SGK, vẽ biểu đồ thể hiện quy mô và tốc độ tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ, giai đoạn 2000 - 2020. Rút ra nhận xét

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV vẽ vào vở, GV hỗ trợ HV khi thấy cần thiết.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV chấm vở của một số HV

d) *Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, đánh giá và cho điểm.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Rèn luyện năng lực khai thác thông tin từ internet và các nguồn thông tin khác để mở rộng kiến thức và hiểu sâu hơn nội dung bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV yêu cầu HV về nhà hãy tìm hiểu và cho biết hiện nay Việt Nam xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng nào với Hoa Kỳ.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV về nhà tìm hiểu và viết báo cáo.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy chứng minh Hoa Kỳ là nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Gợi ý:

- GDP luôn ở mức cao trên thế giới, năm 2020 GDP đạt gần 21000 tỉ USD (chiếm ¼ GDP của thế giới). GDP/người đạt 63595 USD.

- Trình độ phát triển kinh tế đứng hàng đầu thế giới với nhiều ngành kinh tế có hàm lượng khoa học - công nghệ và năng suất lao động cao. Nhiều sản phẩm của Hoa Kỳ chiếm vị trí hàng đầu thế giới như sản phẩm ngành hàng không vũ trụ, chế tạo máy.

- Hoa Kỳ có nhiều trung tâm tài chính, kinh tế lớn trên thế giới. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn, chiếm 8,5% thế giới (2020), là nước dẫn đầu thế giới về lĩnh vực trao đổi thương mại tài sản trí tuệ.

Câu 2. Nguyên nhân nào làm cho Hoa Kỳ trở thành nền kinh tế lớn nhất trên thế giới?

Gợi ý:

- Vị trí địa lý cách xa các trung tâm xung đột lớn nên không bị tàn phá về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất bởi cả 2 cuộc Chiến tranh thế giới.

- Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng.

- Nguồn lao động đông, có trình độ kỹ thuật, nhiều lao động có trình độ cao.

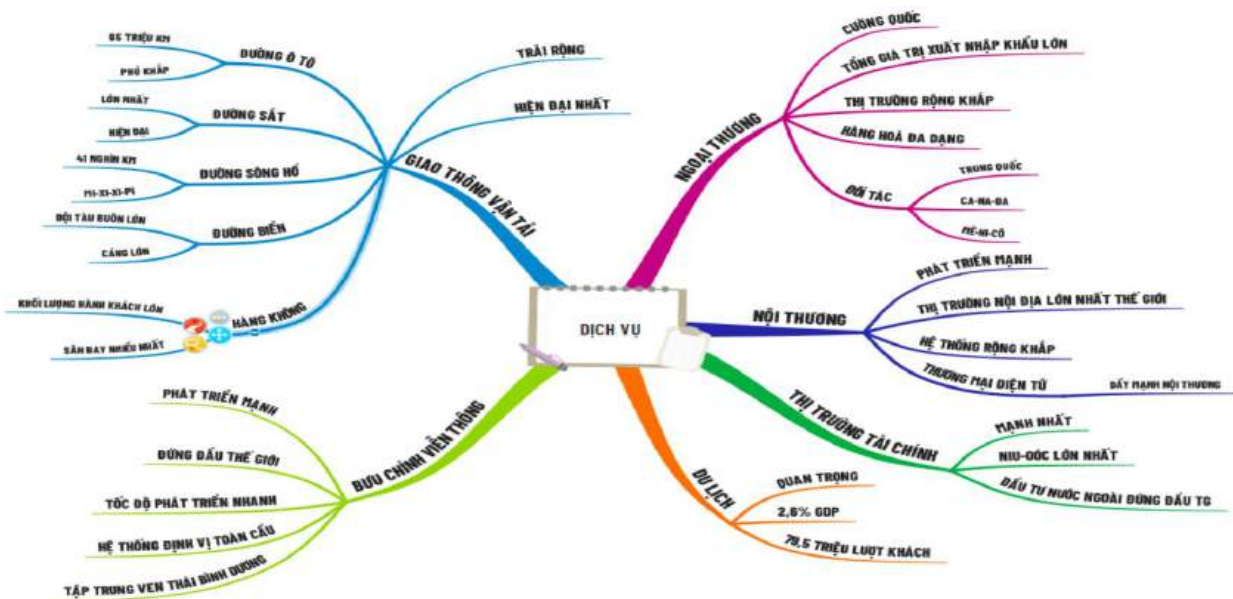
- Chú trọng đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; có chính sách bảo vệ nhà sản xuất, người tiêu dùng.

- Chú trọng sử dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong sản xuất; đi đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; phát triển mạnh nền kinh tế tri thức và tham gia sớm vào quá trình toàn cầu hóa.

- Có thị trường tiêu thụ trong nước rộng lớn với nhu cầu tiêu dùng cao và tăng mạnh.

Câu 3. Vẽ sơ đồ khái quát về các ngành dịch vụ của Hoa Kỳ.

Gợi ý: (HV có thể sử dụng các dạng sơ đồ khác)



Câu 4. Lập bảng khái quát về tình hình phát triển và phân bố các ngành công nghiệp của Hoa Kỳ

Gợi ý:

NGÀNH	Khai thác dầu mỏ	Sản xuất điện nguyên tử	Công nghiệp điện tử-tin học	Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng	Công nghiệp hàng không vũ trụ	Công nghiệp thực phẩm
ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN	- Đứng đầu thế giới - Sản lượng khai thác hơn 4,1 tỉ thùng dầu thô	- Đứng hàng đầu thế giới - Năng lượng tái tạo được chú trọng phát triển, đặc biệt là năng lượng mặt trời.	Phát triển mạnh với các sản phẩm như chất bán dẫn, bộ vi mạch, thiết bị máy tính đứng thứ hai thế giới	Đứng đầu thế giới về sản xuất hàng tiêu dùng với một lực lượng lao động có tay nghề cao, đạt giá trị sản xuất lớn	Đứng đầu thế giới trong các lĩnh vực: tên lửa, vệ tinh và các lĩnh vực khác liên quan.	sản phẩm phong phú (thịt, sữa, đồ uống,...), phát triển mạnh
PHÂN BỐ	Bang Têc-dát, ven vịnh Mê-hi-cô, bán đảo A-lát-xca.		Tập trung ở các bang phía nam và ven Thái Bình Dương, nổi tiếng nhất ở thung lũng Si-li-côn	Phân bố rộng rãi ở nhiều nơi	Các trung tâm hàng không vũ trụ là Xít-ton và Hiu-xton.	tập trung ở các bang như: Ca-li-phoóc-ni-a, I-li-noi, Uyn-xcôn-xin,...

Câu 5. Trình bày vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và khai thác thủy sản của Hoa Kỳ

Gợi ý:

	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Khai thác thủy sản
Vai Trò			
Đặc điểm phát triển	Trồng trọt có sản lượng lớn, sản lượng ngô và đậu tương đứng đầu thế giới. Chăn nuôi phát triển mạnh, một số sản phẩm chăn nuôi có sản lượng lớn hàng đầu thế giới.	Dẫn đầu thế giới về sản xuất gỗ tròn và xuất khẩu gỗ, hoạt động trồng rừng được chú trọng phát triển.	Đánh bắt thủy sản phát triển mạnh. Nuôi trồng thủy sản có vị thế nhỏ hơn, sản lượng còn thấp nhưng đang có xu hướng tăng.
Phân Bố	Phát triển mạnh ở vùng trung tâm, đồng bằng ven Đại Tây Dương, Ngũ Hồ...	Phát triển ở vùng phía tây, vùng phía nam, ven vịnh Mê-hi-cô	Phát triển mạnh ở các bang ven Đại Tây Dương, bang A-la-xca...

LIÊN BANG NGA

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN. DÂN CƯ, XÃ HỘI LIÊN BANG NGA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế-xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu, tháp tuổi.

2. Năng lực: Bài học góp phần hình thành các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.

- Sử dụng các công cụ địa lí học.

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm và yêu nước: Thông qua ý thức trong học tập để có trình độ tri thức cao như người dân Nga, từ đó thích ứng với tự nhiên và quá trình phát triển kinh tế đất nước, góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp.

- Chăm chỉ: học tập và siêng năng, góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tự nhiên Liên bang Nga.

- Bản đồ dân cư, biểu đồ tháp dân số, bảng số liệu về dân cư Liên bang Nga.

- Hình ảnh về tự nhiên của Liên bang Nga.

- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà.

2. Chuẩn bị của HV

- Giấy note để làm việc cá nhân

- Bút màu để làm việc nhóm

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học dạy dự kiến thực hiện trong 3 tiết, có thể chia như sau:

- Tiết 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Liên bang Nga.
- Tiết 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên của Liên bang Nga.
- Tiết 3: Tìm hiểu về đặc điểm Dân cư và xã hội của Liên bang Nga.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lí số liệu thống kê, phương pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Phần chốt kiến thức và ghi bài, GV tùy theo việc sử dụng các SGK để thực hiện việc hướng dẫn HV ghi bài.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Giới thiệu một số hình ảnh về tự nhiên, con người của Liên bang Nga.
- HV cảm nhận được vẻ đẹp của nước Nga qua các hình ảnh, tạo không khí tiết học vui vẻ, gợi được sự tò mò và hứng thú của HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chia lớp thành 4 nhóm và phổ biến luật chơi

- Có 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 3 dữ liệu.
- Thời gian: 10 giây/câu hỏi.
- Trả lời được ở dữ kiện thứ nhất – 3 dấu tích; dữ kiện thứ 2 – 2 dấu tích; dữ kiện thứ 3 – 1 dấu tích.
- Các nhóm đưa bảng dành quyền trả lời.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* Tiến hành trò chơi

Nhân vật 1: Vladimir Vladimirovich Putin

- Dữ liệu 1: Sinh ra ở Leningrad (hiện nay là St.Petersburg) vào ngày 7/10/1952.

- Dữ liệu 2: Xuất thân là sĩ quan tình báo Cơ quan an ninh quốc gia Nga - KGB.

- Dữ liệu 3: Là nhà lãnh đạo Nga trong suốt 4 nhiệm kỳ và là một trong những người quyền lực nhất thế giới hiện nay.

Nhân vật 2: Rừng lá kim (Rừng Tai - ga)

- Dữ liệu 1: Là quần xã sinh vật đất liền lớn nhất trên thế giới

- Dữ liệu 2: Bao phủ hầu hết phần trên đại lục của Alaska, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy và Nga (đặc biệt là Siberi).

- Dữ liệu 3: Đặc trưng nổi bật là các rừng cây lá kim

Nhân vật 3: Nhà bác học Dmitry Men – dê – lê - ép

- Dữ liệu 1: Sinh ngày 8 tháng 2 năm 1834 tại Verkhnie Aremzyani, Tỉnh Tobolsk, Liên bang Nga.

- Dữ liệu 2: Là một nhà hoá học và nhà phát minh người Nga.

- Dữ liệu 3: Là cha đẻ của bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.

Nhân vật 4: Quảng trường Đỏ

- Dữ liệu 1: Là quảng trường trung tâm tại thủ đô Moskva

- Dữ liệu 2: Năm 1990, đã được UNESCO đưa vào danh sách Di sản thế giới.

- Dữ liệu 3: Quảng trường có tên gọi khác là **Hồng trường**.

c) *Kết nối vào bài học mới:* GV tổng kết lại trò chơi và dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Liên Bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, vị trí tiếp giáp của Liên bang Nga.

- Trình bày được đặc điểm lãnh thổ của Liên bang Nga.

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV yêu cầu HV nghiên cứu nội dung trong SGK trong thời gian 3 phút, sau đó trả lời câu hỏi:

+ Trình bày vị trí và phạm vi lãnh thổ của Liên bang Nga.

+ Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu thảo luận và ghi ra giấy Note theo yêu cầu của GV.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV yêu cầu đại diện HV lên trình bày trên Bản đồ tự nhiên Liên bang Nga. các HV khác nhận xét và bổ sung.

d) *Kết luận, chốt kiến thức:* GV chuẩn kiến thức. GV bổ sung kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của các bộ phận tự nhiên lãnh thổ Liên bang Nga.

- Phân tích những thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV sử dụng kỹ thuật các mảnh ghép

- GV chia lớp thành 6 nhóm. Nhiệm vụ của các nhóm là: Thiết kế sản phẩm (poster, infographic, sơ đồ tư duy,...) trình bày về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Liên bang Nga. Cụ thể:

- Nhóm 1: Địa hình, đất.

- Nhóm 2: Khí hậu

- Nhóm 3: Sông, hồ

- Nhóm 4: Biển

- Nhóm 5: Sinh vật

- Nhóm 6: Khoáng sản

(Lưu ý: HV hoàn thành trước ở nhà)

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh

- GV đánh số thứ tự của các thành viên nhóm chuyên gia từ 1 đến 6. Yêu cầu: các thành viên nhóm chuyên gia có cùng một SỐ di chuyển về một nhóm.

- Các nhóm mảnh ghép lần lượt di chuyển qua các trạm phòng tranh, đến trạm tranh của thành viên chuyên gia nào, chuyên gia đó phải có trách nhiệm giới thiệu sản phẩm của nhóm mình và giải đáp các câu hỏi của các thành viên khác.

- Các thành viên tham quan phòng tranh phải ghi nhận thông tin liên quan đến bài học (theo phiếu học tập) và chấm điểm sản phẩm và thuyết trình (theo tiêu chí đánh giá)

- Khi kết thúc tham quan phòng tranh, thành viên của các nhóm mảnh ghép trở lại nhóm chuyên gia ban đầu của mình: Hoàn thành phiếu học tập và chấm điểm sản phẩm của các nhóm khác

c) *Báo cáo, thảo luận*: GV yêu cầu đại diện HV trình bày các đặc điểm tự nhiên của Liên bang Nga. Các HV khác nhận xét và bổ sung.

d) *Kết luận, chốt kiến thức*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)
- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu dân cư và xã hội Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của Liên bang Nga.
- Phân tích được ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn của đặc điểm dân cư, xã hội Liên bang Nga. đến sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2. Tổ chức hoạt động

Hoạt động này được chia thành 02 nhiệm vụ nhỏ

Nhiệm vụ 2.3.1: Tìm hiểu về dân cư Liên bang Nga

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: Sử dụng trò chơi "Giải mật thư"; GV phổ biến luật chơi; yêu cầu HV nghiên cứu nội dung thông tin trong SGK.

- Mỗi nhóm lần lượt nhận được các MẬT THƯ từ GV.
- Các nhóm giải xong MẬT THƯ thứ nhất, đưa kết quả lên cho GV chấm và nhận MẬT THƯ tiếp theo. Nhóm nào hoàn thành trước và đúng... điểm cao nhất.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*: HV tiếp nhận mật thư, dựa vào nội dung SGK để giải các mật thư do GV giao cho.

c) *Báo cáo, thảo luận*: GV có thể cho HV chấm chéo sản phẩm.

d) *Kết luận, chốt kiến thức*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần).
- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Nhiệm vụ 3.2.1. Tìm hiểu về xã hội của LB Nga

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*: Sử dụng trò chơi "thử tài ghi nhớ"; GV phổ biến luật chơi; yêu cầu HV gấp SGK lại.

- GV trình chiếu lần lượt 6 thông tin trên màn hình, yêu cầu HV làm việc cặp đôi và ghi nhớ lần lượt các thông tin xuất hiện.
- HV xem đoạn Video về các đặc điểm xã hội nổi bật của Liên Bang Nga và ghi nhớ theo thứ tự thông tin xuất hiện và ghi vào giấy Note.
- Cặp đôi chiến thắng ghi nhớ nhiều thông tin và đúng nhất .

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV xem video và ghi nhớ thông tin và ghi vào giấy note.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi đại diện 3 HV lên bảng dán kết quả của nhóm mình.

d) *Kết luận, nhận định:*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần).

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Giúp HV củng cố lại và khắc sâu các kiến thức đã được tìm hiểu trong bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cho HV hoạt động cá nhân; yêu cầu HV vẽ sơ đồ thể hiện những thuận lợi và khó khăn của dân cư Liên bang Nga đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV dựa vào SGK kết hợp với kết kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ. (Có thể sử dụng sơ đồ tư duy, grap, hoặc bảng hệ thống kiến thức).

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV có thể mời đại diện 01 HV báo cáo kết quả; dựa trên kết quả báo cáo, GV cho các HV khác bổ sung và trao đổi thảo luận toàn lớp.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV, bổ sung thêm thông tin (nếu cần).

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Ôn tập kiến thức đã học trong bài Liên bang Nga tiết 1.

- Tìm kiếm và mở rộng kiến thức về tự nhiên và xã hội của Liên bang Nga

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HV, HV hoàn thành vào vở ghi chép: Suu tầm và trình bày các thành tựu trong lĩnh vực giáo dục, văn hoá và khoa học kĩ thuật của Liên bang Nga.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

c) *Báo cáo, thảo luận:* HV báo cáo trong tiết học sau.

d) *Kết luận, nhận định:* GV có thể chấm lấy điểm hệ số 1 cho HV.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Tại sao tài nguyên của miền Đông Liên bang Nga khá dồi dào nhưng hiện nay nền kinh tế của vùng này còn chậm phát triển hơn các vùng khác?

Gợi ý:

- Địa hình đồi núi, giao thông vận tải khó khăn
- Khí hậu lạnh giá.
- Thiếu lao động, cơ sở hạ tầng

Câu 2. Nếu là một nhà hoạch định chính sách, em có biện pháp nào giúp Li Nga cải thiện tình trạng suy giảm dân số?

Gợi ý

- Khuyến khích sinh đẻ.
- Áp dụng chính sách nhập cư có hiệu quả.

VI. PHỤ LỤC

MẬT THƯ SỐ 1:

TÊN NHÓM:.....

MẬT THƯ SỐ 1



Hàng ngang số 1 (7 ô chữ): Đây là mức tăng tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Liên bang Nga. **(Rất thấp)**

Hàng ngang số 2 (10 ô chữ): Trong cơ cấu dân số LB Nga, tỉ lệ nhóm tuổi nào có xu hướng giảm? **(Dưới 15 tuổi)**

Hàng ngang số 3 (7 ô chữ): Năm 2020, LB Nga có số dân so với thế giới. **(Dân đông)**

Hàng ngang số 4 (4 ô chữ): Số dân của LB Nga giai đoạn 1995 - 2020 theo xu hướng nào. **(Giảm)**

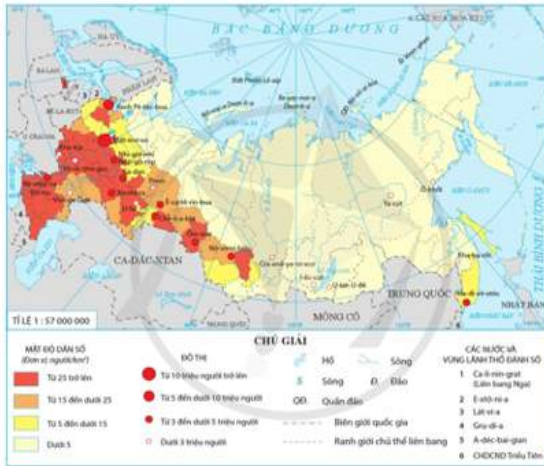
Hàng ngang số 5 (16 ô chữ): Năm 2020, -0.2% là giá trị của chỉ số dân số nào? **(Tỉ lệ gia tăng dân số)**

MẬT THƯ: CƠ CẤU DÂN SỐ GIÀ

MẬT THƯ SỐ 2

TÊN NHÓM:.....

MẬT THƯ SỐ 2



Hình 19.3. Bản đồ mật độ dân số và mật số đô thị của Liên bang Nga năm 2020

MẬT THƯ: PHÂN BỐ DÂN CƯ KHÔNG ĐỀU

Câu 1: Năm 2020, mật độ dân số của LB Nga là bao nhiêu? (biết Diện tích: 17.075.400 km²; Dân số: 145.900.000 người) **Đáp án: 8.5 người/km²**

Câu 2: So sánh đặc điểm phân bố dân cư giữa các khu vực trong lãnh thổ LB Nga.

Đáp án: - Dân cư tập trung cao nhất ở ĐB Đông Âu
- Dân cư thưa thớt ở vùng phía Bắc và Đông (Xi - bia, Viễn Đông)

Câu 3: Năm 2020 tỉ lệ dân thành thị của LB Nga là bao nhiêu? (biết Tổng số dân: 145.900.000 người; Số dân thành thị: 108.591.830 người). **Đáp án: 74,4%**

Câu 4: Dân tộc Nga chiếm bao nhiêu % tổng số dân?

Đáp án: 80,9%

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

2:00

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHÍ		ĐIỂM	NHÓM	NHÓM	NHÓM
HÌNH THỨC SẢN PHẨM (4,0đ)	Ghi rõ tên nhóm, nội dung nhiệm vụ nhóm.	1,0 đ			
	Chữ rõ ràng, dễ đọc, không sai chính tả.	1,0 đ			
	Hình ảnh minh họa phù hợp, màu sắc hài hòa, icon sống động.	1,0 đ			
	Hình thức sáng tạo, độc đáo.	1,0 đ			
NỘI DUNG SẢN PHẨM (6,0đ)	Trình bày ngắn gọn, súc tích các nội dung cơ bản theo nhiệm vụ được giao.	5,0 đ			
	Các kiến thức được hệ thống hợp lí, khoa học, chính xác.	1,0 đ			
TỔNG		10,0 đ			

KINH TẾ LIÊN BANG NGA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được tình hình phát triển kinh tế của các ngành kinh tế.
- Trình bày được đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

- Trung thực: thông qua báo cáo các kết quả học tập và hoạt động nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ tự nhiên phân bố một số trung tâm công nghiệp và bản đồ phân bố một số cây trồng của Liên bang Nga.

- Hình ảnh về các ngành kinh tế của Liên bang Nga.
- Tiêu chí đánh giá sản phẩm vận dụng ở nhà.

2. Chuẩn bị của GV

- Giấy note để làm việc cá nhân.
- Bút màu để làm việc nhóm.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài "Kinh tế Liên Bang Nga" được tổ chức thành chuỗi hoạt động, nhằm giải quyết được các vấn đề khái quát được tình hình phát triển kinh tế của các ngành kinh tế Liên bang Nga, nêu được đặc điểm nổi bật của một số vùng kinh tế Liên bang Nga; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê, đọc bản đồ, biểu đồ,...

Ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kỹ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, phương

pháp bản đồ, phương pháp so sánh... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Bài học dự kiến thực hiện trong 2 tiết.

Các hoạt động vận dụng không yêu cầu tất cả HV thực hiện như nhau, đây là nội dung khuyến khích HV thực hiện; yêu cầu của nội dung này chỉ mang tính chất tham khảo, nội dung vận dụng phù hợp nhất là do HV tự ra đặt ra vấn đề với tính chất vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống. GV trợ giúp, động viên, khuyến khích HV thực hiện

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Kết nối bài học.
- Tạo hứng thú, gợi mở nội dung bài học mới.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cho HV quan sát bảng số liệu và xem video. Yêu cầu:

- Nhận xét, so sánh quy mô nền kinh tế của 5 nước Châu Âu.
- Nêu các nguyên nhân làm cho nền kinh tế của Liên bang Nga phát triển chậm hơn các nước khác.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi HV nhận xét biểu đồ và nêu các nguyên nhân làm cho nền kinh tế của Liên bang Nga chậm phát triển. HV khác nhận xét và bổ sung.

d) *Kết nối vào bài học mới:* GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu ngành công nghiệp của Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển ngành công nghiệp của Liên bang Nga.
- Sử dụng được bản đồ để trình bày sự phân bố hoạt động công nghiệp của Liên bang Nga.
- Phân tích được biểu đồ để rút ra nhận định bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV chia lớp thành 4 nhóm, cùng thực hiện 1 nhiệm vụ.
- GV yêu cầu HV nghiên cứu nội dung kiến thức trong SGK, trả lời câu hỏi:
 - + Trình bày tình hình phát triển ngành công nghiệp của Liên bang Nga
 - + Xác định sự phân bố một số ngành công nghiệp chính của Liên bang Nga

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tiếp nhận nhiệm vụ, đọc SGK, trao đổi với bạn cùng nhóm để trả lời câu hỏi.

c) Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu mỗi nhóm cử ra một HV làm giám sát.
- GV gọi đại diện 1 HV báo cáo kết quả của nhóm.
- Giám sát các nhóm thực hiện chấm kết quả chéo của các nhóm.

d) Kết luận, chốt kiến thức: GV chuẩn kiến thức. GV bổ sung kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu ngành nông nghiệp của Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển ngành nông nghiệp của Liên bang Nga.
- Sử dụng được bản đồ để trình bày sự phân bố hoạt động nông nghiệp của Liên bang Nga.
- Phân tích được bảng số liệu để rút ra nhận định bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm 4 HV
- Yêu cầu HV nghiên cứu nội dung trong SGK và hoàn thành phiếu học tập theo mẫu

Các đặc điểm	Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản		
	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
Điều kiện phát triển			
Tình hình phát triển			
Phân bố			

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV tiếp nhận nhiệm vụ, nghiên cứu nội dung SGK và hoàn thành phiếu học tập, GV quan sát và hỗ trợ HV.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi đại diện 1 HV báo cáo kết quả của nhóm, các nhóm khác nhận xét và bổ sung

d) *Kết luận, chốt kiến thức:* GV chuẩn kiến thức. GV bổ sung kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ngành dịch vụ của Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển ngành dịch vụ của Liên bang Nga
- Xác định được trên bản đồ các trung tâm dịch vụ lớn của Liên bang Nga
- Biết tìm kiếm và chất lọc thông tin phù hợp với yêu cầu bài học.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- Chia lớp thành 5 nhóm, yêu cầu đọc thông tin trong SGK, kết hợp với việc tìm kiếm thông tin từ các nguồn khác, thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu đặc điểm các ngành dịch vụ của Liên bang Nga. Trình bày sản phẩm bằng poster, infographic, sơ đồ tư duy, video...

- + Nhóm 1: Ngành Giao thông vận tải.
- + Nhóm 2: Ngành Bưu chính viễn thông
- + Nhóm 3: Ngành du lịch
- + Nhóm 4: Ngành thương mại.
- + Nhóm 5: Ngành tài chính ngân hàng

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ ở nhà, HV và GV lập nhóm Zalo và Messenger để trao đổi các vấn đề liên quan.

c) Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu đại diện HV trình bày đặc điểm các ngành dịch vụ của Liên bang Nga. Đại diện HV khác nhận xét và bổ sung.

- HV hoàn thành phiếu học tập

d) *Kết luận, nhận định:* GV chuẩn kiến thức. GV bổ sung kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu đặc điểm một số vùng kinh tế của Liên bang Nga

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm một số vùng kinh tế của Liên bang Nga.
- Xác định được vị trí một số vùng kinh tế của Liên bang Nga trên bản đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu Đọc SGK, nối cột A và cột B để hoàn thành đặc điểm của các vùng kinh tế ở Liên bang Nga.

A - Vùng kinh tế	B - Đặc điểm
1. Vùng trung ương	- Chiếm 1% diện tích và 5% số dân. Phát triển nông nghiệp. - Thuộc lãnh thổ Nga phần châu Âu. - Trung tâm công nghiệp lớn là Vô-rô-ne-giơ. Chú trọng công nghiệp phục vụ nông nghiệp và luyện kim đen.
2. Vùng trung tâm đất đen	- Tài nguyên giàu có. Chiếm 5% diện tích và 13% số dân. Chủ yếu phát triển ở phía Trung và Nam. - Phát triển công nghiệp khai khoáng, luyện kim, hoá chất... nông nghiệp hạn chế.
3. Vùng U-ran	- Giàu tài nguyên than và gỗ. Là vùng hội nhập khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. - Chiếm 40% diện tích và 6% số dân. Tiếp giáp vùng Đông Xia-bia. - Các ngành kinh tế quan trọng: khai khoáng, khai thác gỗ, đánh bắt và chế biến hải sản, đóng tàu, cơ khí... có nhiều cảng biển lớn
4. Vùng Viễn Đông	- Kinh tế phát triển nhất. Nằm ở trung tâm lãnh thổ thuộc châu Âu. Phát triển chế tạo máy, hoá chất, dệt may.. - Mát-xcơ-va và Ni-giơ-nhi Nô-gô-rôt là trung tâm công nghiệp lớn.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV có thể gọi đại diện của nhóm HV nhanh nhất báo cáo và lấy điểm cho HV.

c) *Kết luận, nhận định:*

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi của HV.
- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

- Giúp HV củng cố lại và khắc sâu các kiến thức đã được tìm hiểu trong bài học.
- Giúp HV rèn luyện sự tự tin khi trình bày vấn đề trước lớp.

- Rèn luyện khả năng tìm kiếm thông tin và sắp xếp thông tin để có một bài báo cáo.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cho HV hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. Chọn 1 địa điểm du lịch mà em thích nhất ở Nga, giới thiệu cho cả lớp biết.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*

- HV tiếp nhận nhiệm vụ, sử dụng thiết bị điện tử để tìm thông tin, sắp xếp thông tin để trình bày thành một bài báo cáo.

- Thời gian: 3 phút tìm kiếm thông tin, 1 phút trình bày.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV gọi đại diện 1 HV trình bày kết quả, HV khác nhận xét bổ sung.

d) *Kết luận, nhận định:* GV chuẩn kiến thức. GV bổ sung kiến thức.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

- Tìm kiếm thông tin và mở rộng kiến thức về mối quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ:* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HV, HV hoàn thành vào vở ghi chép:

- Là một công dân Việt Nam, em có trách nhiệm gì trong việc phát triển mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên bang Nga.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện ở nhà.

c) *Báo cáo, thảo luận:* HV báo cáo trong tiết học sau.

d) *Kết luận, nhận định:* GV có thể chấm lấy điểm hệ số 1 cho HV.

Thực hành: TÌM HIỂU VỀ CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC DẦU KHÍ CỦA LIÊN BANG NGA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Vẽ bản đồ thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ và sản lượng khai thác khí tự nhiên của Liên bang Nga giai đoạn 2000- 2020.

- Nhận xét về sự phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga.

2. Năng lực: Góp phần hình thành các năng lực:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.
- Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức chăm chỉ trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Sưu tầm được số liệu, tư liệu về sản lượng khai thác và xuất khẩu dầu mỏ, khí tự nhiên của Liên bang Nga.

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tư liệu về ngành công nghiệp khai thác dầu khí của Liên bang Nga (theo nhóm).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt của chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kĩ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV cần chuẩn bị bảng số liệu về sản lượng khai thác và xuất khẩu dầu mỏ, khí tự nhiên của Liên bang Nga.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ học sinh và điều kiện dạy học, GV vận dụng cho phù hợp. Dự kiến chủ đề được thực hiện trong 01 tiết học.

Ở bài này ngoài việc vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học cho HV, GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp bản đồ, phân tích và xử lí số liệu thống kê,... đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

- Giúp kết nối kiến thức bài Kinh tế Liên bang Nga với nội dung sẽ thực hiện trong bài thực hành.

- Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu cho HV xem một số hình ảnh về các ngành công nghiệp của Liên bang Nga, yêu cầu HV quan sát, đặt tên cho các hình ảnh.

- Gọi 1 HV yêu cầu lựa chọn 1 hình ảnh và trình bày hiểu biết của mình về các nội dung liên quan đến hình ảnh đó. (Lưu ý: gợi ý để HV lựa chọn hình ảnh về ngành công nghiệp dầu khí).

b) Thực hiện nhiệm vụ và tổ chức báo cáo

HV thực hiện nhiệm vụ cá nhân; GV có thể chỉ yêu cầu HV thực hiện nhanh trong 3 phút và báo cáo với toàn lớp.

c) Kết nối vào bài học mới: GV sử dụng nội dung báo cáo của HV để dắt dẫn vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Vẽ biểu đồ

1. Mục tiêu : Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ và sản lượng khai thác khí tự nhiên của Liên bang Nga giai đoạn 2000 - 2020.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HV: Sử dụng bảng số liệu GV đã chuẩn bị hoặc bảng số liệu trong SGK, hãy hoàn thành bảng nhiệm vụ học tập sau:

- Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng khai thác dầu mỏ và sản lượng khai thác khí tự nhiên của Liên bang Nga giai đoạn 2000 - 2020.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân

- Thời gian làm việc 15 phút. Tùy theo điều kiện học tập HV có thể vẽ trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ của nhóm hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận: GV có thể mời đại diện 02 HV lên bảng báo cáo kết quả.

d) Kết luận, chốt kiến thức

- GV chỉnh sửa, góp ý cho HV, sửa các lỗi sai (nếu có)

- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Hoạt động 2.2: Nhận xét về sự phát triển công nghiệp khai thác dầu khí của LB Nga

1. Mục tiêu

- Phân tích được bảng số liệu thống kê; nhận xét được biểu đồ.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ cho HV từ tiết học trước, HV đã chuẩn bị ở nhà, sử dụng biểu đồ đã vẽ kết hợp với bảng số liệu và các tư liệu thu thập được để nhận xét về sự phát triển công nghiệp dầu khí của Liên bang Nga. Làm việc theo nhóm.

- GV kiểm tra sản phẩm của các nhóm HV.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận

- HV chuẩn bị để báo cáo sản phẩm tìm hiểu của nhóm.
- GV có thể mời lần lượt đại diện 02 nhóm lên báo cáo sản phẩm. Tùy theo cách trình bày sản phẩm của nhóm HV, GV lựa chọn cách báo cáo của HV phù hợp.
- Các HV khác nghe và bổ sung nội dung báo cáo của nhóm bạn.

c) Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá, nhận xét hoạt động học và khâu chuẩn bị của các nhóm HV.

NHẬT BẢN

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không quan, Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

Nhân ái (tôn trọng sự khác biệt về sự đa dạng văn hóa của Nhật Bản); Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ địa lí tự nhiên Nhật Bản.

- Video, tranh ảnh về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội của Nhật Bản (nếu có).

- Đường link một số trang web để HV tìm và cập nhật dữ liệu, thông tin (nếu có).

Ví dụ: <https://www.japan.go.jp/> <https://www.japantimes.co.jp/> <https://cacnuoc.vn/>
<https://data.worldbank.org/>

2. Chuẩn bị của HV

Sưu tầm tài liệu liên quan đến tự nhiên và dân cư, xã hội của Nhật Bản để phục vụ cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài “Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và dân cư và xã hội Nhật Bản được thực hiện với thời lượng khoảng 3 tiết. Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý, tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp sử dụng bản đồ, phương pháp phân tích và xử lí số liệu thống kê, biểu đồ...; sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kĩ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV; đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động học cho HV, GV khuyến khích HV khai thác kênh hình, số liệu để làm minh chứng, đồng thời phát huy vốn hiểu biết thực tiễn của HV để hoàn thành nhiệm vụ học tập. GV có thể sử dụng tranh ảnh, video về tự nhiên, dân cư và xã hội (nếu có) phù hợp trong một số hoạt động để cung cấp, bổ sung thông tin hoặc mở rộng, khắc sâu kiến thức cho HV, tạo hứng thú học tập, khám phá cho HV.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV huy động được những hiểu biết của bản thân về tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV sử dụng kĩ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về đất nước Nhật Bản.

(Gợi ý: một số nét nổi bật về hình dạng lãnh thổ, vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên; kể tên các nét đẹp về văn hoá, ẩm thực; các điểm du lịch nổi tiếng; các thành phố lớn,...).

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

Lần lượt từng HV chia sẻ hiểu biết của mình (ý kiến người sau không lặp lại ý kiến của người trả lời trước).

c) Kết nối vào bài học mới: GV liệt kê câu trả lời của HV, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Lưu ý: ngoài phương án 1 ở trên, GV có thể sử dụng phương án khác để tổ chức hoạt động mở đầu. Phương án gợi ý khác:

Phương án 2: GV cho HV xem một số hình ảnh/ video về tự nhiên, dân cư, xã hội Nhật Bản (nếu có) kết hợp với hiểu biết của bản thân, yêu cầu HV: Hãy liệt kê những thông tin đã thu thập được về tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản. HV viết ra giấy nháp và chia sẻ trước lớp.

Phương án 3: GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi mảnh ghép, mảnh ghép lớn cuối cùng là hình ảnh tiêu biểu, tượng trưng của Nhật Bản. GV yêu cầu HV trả lời lần lượt từng câu hỏi để mở từng mảnh ghép và tìm từ khóa với gợi ý: Đây là quốc gia nào? Em có những hiểu biết gì về quốc gia này?

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Xác định vị trí địa lí và ảnh hưởng của vị trí địa lí

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Nhật Bản hãy:

- Trình bày vị trí địa lí của Nhật Bản.
- Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

GV gợi ý khi trình bày đặc điểm vị trí địa lí, HV cần xác định vị trí của Nhật Bản trên bản đồ (ở đâu trên bản đồ châu lục/thế giới; tọa độ địa lí; xác định các quốc gia, các biển và đại dương tiếp giáp với Nhật Bản).

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ học tập.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số cặp HV lên trình bày (có xác định vị trí địa lí trên bản đồ); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV:

Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Nhật Bản, hãy:

- Trình bày đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản.
- Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

Gợi ý: HV hoàn thành nội dung theo bảng sau:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Sông, hồ		
Khoáng sản		
Sinh vật		
Biển		

+ GV yêu cầu HV sử dụng bản đồ địa lí tự nhiên Nhật Bản xác định một số đồng bằng, dãy núi; một số sông, hồ; một số đặc điểm về biển, sinh vật và khoáng sản của Nhật Bản để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc theo nhóm:

+ Nhóm chẵn: tìm hiểu địa hình, đất, khí hậu, khoáng sản.

+ Nhóm lẻ: tìm hiểu sông, hồ, sinh vật, biển.

- HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

GV có thể giao nhiệm vụ cho nhóm 1, 2: tìm hiểu địa hình, đất và khí hậu; nhóm 3, 4: tìm hiểu sông, hồ và khoáng sản; nhóm 5, 6: tìm hiểu sinh vật, biển. Hình thức sản phẩm do HV lựa chọn (bảng thông tin như gợi ý hoặc sơ đồ tư duy,...). Tùy theo điều kiện học tập, HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi hoặc bảng phụ, hoặc giấy A0 hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời 01 HV đại diện nhóm chẵn và 01 HV đại diện nhóm lẻ lần lượt báo cáo kết quả (tùy theo sản phẩm ở mục b, GV tổ chức hình thức báo cáo của HV cho phù hợp). HV khác bổ sung và trao đổi, thảo luận toàn lớp.

d) Đánh giá và chốt kiến thức

- GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai, bổ sung thêm thông tin (nếu cần thiết).
- Đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh để tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho HV trong phương án gợi ý này. Hoặc GV có thể giao cho các nhóm thực hiện cùng 1 nhiệm vụ (tăng thời gian làm việc nhóm), có thể thiết kế bảng tiêu chí Rubric để tổ chức đánh giá sản phẩm của các nhóm.

Hoạt động 2.3. Khám phá dân cư Nhật Bản

1. Mục tiêu

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp đôi và giao nhiệm vụ: Đọc thông tin, bảng số liệu hoặc biểu đồ, bản đồ phân bố dân cư Nhật Bản trong SGK, hãy:

- + Trình bày đặc điểm dân cư của Nhật Bản.
- + Trình bày tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.
- GV yêu cầu HV:

- Nhận xét bảng số liệu/biểu đồ về dân cư Nhật Bản (số dân, tỉ lệ gia tăng dân số, cơ cấu dân số) để minh chứng khi trình bày đặc điểm dân cư Nhật Bản.

- Xác định trên bản đồ các khu vực tập trung dân cư đông đúc, các khu vực thưa dân, các đô thị đông dân và nhận xét đặc điểm phân bố dân cư và đô thị hóa Nhật Bản.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV trao đổi, thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. GV có thể hướng dẫn HV nhận xét, xử lý số liệu hoặc biểu đồ, đọc bản đồ để minh họa cho phần trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời đại diện HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu xã hội

1. Mục tiêu

Phân tích được tác động của các đặc điểm xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HV làm việc theo kỹ thuật XYZ và giao nhiệm vụ: Đọc thông tin trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Trình bày đặc điểm xã hội của Nhật Bản.

+ Trình bày tác động của các đặc điểm xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

(GV hướng dẫn cách thức hoạt động cho HV: X là số người trong một nhóm (3 người), Y là số ý kiến (mỗi nhóm đưa ra 02 ý kiến: một ý kiến về đặc điểm xã hội và một ý kiến về tác động của đặc điểm đó tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản), Z là thời gian để mỗi nhóm tìm câu trả lời (3 phút).

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* các thành viên trong nhóm trao đổi và đưa ra 2 đặc điểm về dân cư và xã hội của Nhật Bản.

c) *Báo cáo, thảo luận*

GV mời một số HV lên báo cáo kết quả, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyên giao nhiệm vụ*

(1) GV yêu cầu HV làm việc cá nhân: Dựa vào kiến thức đã học và lựa chọn thực hiện một trong các nhiệm vụ sau: Vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của tự nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản hoặc vẽ sơ đồ thể hiện tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

(2) GV cung cấp bảng số liệu và yêu cầu HV làm việc theo cặp đôi:

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy: nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Nhật Bản và một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, so sánh vấn đề già hóa dân số của Nhật Bản với các quốc gia khác.

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của một số quốc gia năm 2020

Quốc gia Cơ cấu dân số (%)	Nhật Bản	Hoa Kỳ	CHLB Đức	Bra-xin	Việt Nam
Dưới 15 tuổi	12,0	18,4	14,0	21,0	23,0
Từ 15 đến 64 tuổi	59,0	65,0	64,0	70,0	69,0
Từ 65 tuổi trở lên	29,0	16,6	22,0	9,0	8,0

(Nguồn: Tổng hợp từ các bộ Sách giáo khoa)

Lưu ý: tùy thuộc vào thực tế, GV có thể cung cấp bảng số liệu khác liên quan đến dân cư Nhật Bản. GV có thể yêu cầu HV thực hiện một trong hai nhiệm vụ hoặc yêu cầu thực hiện nhiệm vụ luyện tập khác.

b) Thực hiện nhiệm vụ

- HV làm việc cá nhân và cặp đôi, chuẩn bị báo cáo.
- Trong quá trình HV làm việc, GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV.

c) Báo cáo, thảo luận

HV lên báo cáo, các HV khác cùng thảo luận, bổ sung nội dung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV đánh giá hoạt động của HV và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. Giúp HV tìm tòi mở rộng kiến thức.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu, thu thập thông tin về một trong những vấn đề sau:

- (1) Thế mạnh phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản.
- (2) Thiên tai ở Nhật Bản.
- (3) Nguồn lao động của Nhật Bản.
- (4) Vấn đề già hóa dân số của Nhật Bản.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Các đảo Nhật Bản lần lượt từ phía nam lên phía bắc là

- A. Hôn- su, Kiu-xiu, Xi-cô-cư, Hô-cai-đô.
- B. Kiu-Xiu, Xi-cô-cư, Hôn-su, Hô-cai-đô.
- C. Xi-cô-cư, hôn-su, kiu-xiu, Hô-cai-đô.
- D. Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cư, Hô-cai-đô.

1.2. Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là

- A. Kiu-xiu. B. Xi-cô-cư.
- C. Hôn-su. D. Hô-cai-đô.

1.3. Đất nước Nhật Bản có

- A. vùng biển rộng, đường bờ biển dài.
- B. đường bờ biển dài, có ít vũng vịnh.
- C. ít vũng vịnh, nhiều dòng biển nóng.
- D. nhiều dòng biển nóng, nhiều đảo.

1.4. Dạng địa hình nào sau đây chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của Nhật Bản?

- A. Đồng bằng. B. Cao nguyên. C. Núi lửa. D. Đồi núi.

1.5. Nhật Bản nằm trong khu vực hoạt động chủ yếu của gió nào sau đây?

- A. Đông cực. B. Gió Tây. C. Gió mùa. D. Gió phơn.

1.6. Phát biểu nào sau đây *không đúng* với khí hậu của Nhật Bản?

- A. Có sự khác nhau theo mùa. B. Lượng mưa tương đối cao.
- C. Thay đổi từ bắc xuống nam. D. Chủ yếu là khí hậu nhiệt đới.

1.7. Sông ngòi Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố đều trên cả nước.
- B. Chủ yếu là các sông ngắn, dốc, có giá trị thủy điện.
- C. Có nhiều sông lớn bồi tụ những đồng bằng phù sa màu mỡ.
- D. Các sông có giá trị tưới tiêu nhưng không có giá trị thủy điện.

1.8. Dân cư Nhật Bản hiện nay

- A. gia tăng tự nhiên cao. B. tập trung ở miền núi.
- C. cơ cấu dân số già. D. quy mô dân số nhỏ.

1.9. Tỷ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn đã gây khó khăn chủ yếu nào sau đây đối với Nhật Bản?

- A. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, mở rộng dịch vụ an sinh.
- B. Thu hẹp thị trường tiêu thụ, gia tăng sức ép việc làm.
- C. Thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.
- D. Thiếu nguồn lao động, phân bố dân cư không hợp lý.

1.10. Phần lớn dân cư Nhật Bản phân bố ở

- A. các thành phố ven biển. B. khu vực ven biển phía tây.
- C. vùng nông thôn đảo Hôn – su. D. vùng núi thấp đảo Hô - cai - đô.

Ý	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10
Đáp án	B	C	A	D	C	D	B	C	C	A

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho mỗi ý a, b, c, d

2.1. Cho thông tin sau:

Nhật Bản là một quốc đảo, nằm ở phía đông của châu Á, trên vành đai lửa Thái Bình Dương. Lãnh thổ gồm hàng nghìn đảo, trong đó bốn đảo lớn nhất là Hô-cai-đô, Hôn-su, Xi-cô-cu, Kiu-xiu. Lãnh thổ được bao bọc bởi biển và đại dương, có vùng đặc quyền kinh tế rộng, đường bờ biển dài, bị cắt xẻ mạnh.

a) Do lãnh thổ là các đảo nên việc giao thương với các nước gặp nhiều khó khăn.

- b) Vị trí đã tạo điều kiện thuận lợi để Nhật Bản phát triển các ngành kinh tế biển.
- c) Do vị trí như vậy nên Nhật Bản chịu tác động của nhiều thiên tai, nhất là động đất và sóng thần.
- d) Là quốc đảo, Nhật Bản nằm cách xa khu vực phát triển kinh tế năng động châu Á – Thái Bình Dương; cách xa Liên bang Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc.

2.2. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA NHẬT BẢN, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	126,9	127,7	128,0	127,0	126,2
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	0,18	0,13	0,03	-0,09	-0,30

- a) Số dân của Nhật Bản tăng đều qua các năm.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân số rất thấp.
- c) Quy mô dân số lớn tạo cho Nhật Bản có thị trường tiêu thụ lớn.
- d) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm đều qua các năm.

2.3. Cho thông tin sau:

Theo số liệu do Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản công bố, tỷ lệ người cao tuổi ở Nhật Bản được xác định từ 65 tuổi trở lên đạt ở mức cao kỷ lục 36,17 triệu người tính đến tháng 9 năm 2023, tăng 300.000 người so với một năm trước đó, chiếm 29,1% dân số và là tỷ lệ cao nhất thế giới. Chính phủ Nhật Bản vừa cho biết cứ 10 cư dân thì có 1 người từ 80 tuổi trở lên, tương đương 10% dân số Nhật Bản. (Nguồn: <http://baovanhoa.vn>)

- a) Tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn đã gây khó khăn cho Nhật Bản là thiếu nguồn lao động, chi phí phúc lợi xã hội lớn.
- b) Tỉ lệ người già tăng chủ yếu do mức sống được nâng lên, tỉ suất sinh giảm.
- c) Số người cao tuổi ở Nhật có xu hướng tăng.
- d) Nhật Bản đang ở trong thời kì cơ cấu dân số vàng.

Ý	a	b	c	d
2.1	S	Đ	Đ	S
2.2	S	Đ	Đ	Đ
2.3	Đ	Đ	Đ	S

KINH TẾ NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được tình hình phát triển kinh tế, sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.
- So sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học, Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Video, tranh ảnh về kinh tế Nhật Bản (nếu có).

- Đường link tìm kiếm dữ liệu về kinh tế Nhật Bản. Ví dụ: <https://www.gso.gov.vn/>
<https://www.worldbank.org/en/home> <https://www.fao.org/home/en/> ;.....

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tài liệu liên quan đến kinh tế của Nhật Bản để phục vụ cho chủ đề.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học gợi ý được thực hiện trong bài “Kinh tế Nhật Bản” với thời lượng khoảng 2 tiết. Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp sử dụng bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu,...; sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kĩ thuật dạy học tích cực, vừa đảm bảo mục tiêu bài học vừa tổ chức cho HV tham gia hoạt động học; tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, tạo hứng thú học tập cho HV.

GV tổ chức các hoạt động giúp HV khai thác tối đa kênh hình trong SGK (bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ, hình ảnh,...) và phát huy vốn hiểu biết thực tiễn của HV. Tư liệu GV cung cấp hoặc bổ sung cần có trích nguồn cụ thể và đảm bảo tính chính xác, khoa học. Tùy thuộc vào thực tế, GV có thể thiết kế một số công cụ đánh giá thường xuyên phù hợp với nội dung bài học, hoạt động được tổ chức và nhận thức của HV.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV huy động được những hiểu biết của mình về kinh tế Nhật Bản để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “Vua tiếng Việt”: mỗi dãy cử 1 HV đại diện tham gia trò chơi. GV cung cấp một số từ khóa được sắp xếp lộn xộn và yêu cầu HV: Hãy sắp xếp các cụm từ thành tên thương hiệu nổi tiếng của Nhật Bản và cho biết đây là thương hiệu nổi tiếng trong ngành/lĩnh vực kinh tế nào của Nhật Bản?.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

HV tham gia trò chơi, HV khác theo dõi, làm giám khảo.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết trò chơi, từ đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Đáp án:

(1) n/o/y/s → sony	(2) o/d/n/h/a → honda	(3) a/o/n/n/c → canon
(4) t/a/o/t/y/o → toyota	(5) t/i/c/a/h/i/h → hitachi	(6) i/o/a/c/s → casio
(7) t/a/s/o/h/i/b → toshiba	(8) i/u/s/m/h/i/b/t/i/s → mitsubishi	

Lưu ý: ngoài phương án 1 ở trên, GV có thể sử dụng phương án khác để tổ chức hoạt động mở đầu. Phương án gợi ý khác:

Phương án 2: GV tổ chức cuộc thi “xem hình đoán chữ”: cho HV xem một số hình ảnh về logo của các thương hiệu nổi tiếng của Nhật Bản và yêu cầu HV đọc tên các thương hiệu và ngành/lĩnh vực kinh tế của thương hiệu đó.

Phương án 3: GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV hãy: Kể tên các sản phẩm/đồ dùng mà gia đình em hoặc em đang sử dụng được sản xuất tại Nhật Bản hoặc được sản xuất theo công nghệ của Nhật Bản.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

1. Mục tiêu

- Nêu được tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.
- Phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc thông tin và bảng số liệu/biểu đồ trong SGK, hãy nêu tình hình phát triển kinh tế của Nhật Bản.

GV có thể gợi ý cho HV tìm hiểu các nội dung như:

- + Quá trình phát triển kinh tế.
- + Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- + Cơ cấu kinh tế.

GV yêu cầu HV phân tích số liệu để minh họa cho phần trình bày. GV hướng dẫn HV làm việc theo phương pháp think – pair – share.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV suy nghĩ độc lập và trả lời câu hỏi. Sau đó, HV tìm bạn để tạo thành cặp đôi và trao đổi, thống nhất ý kiến, chuẩn bị báo cáo trước lớp.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số cặp HV lên trình bày (có số liệu minh họa); HV khác nhận xét và bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu các ngành kinh tế

1. Mục tiêu

- Nêu được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ phân bố công nghiệp, bản đồ phân bố nông nghiệp Nhật Bản, bảng số liệu/biểu đồ, hãy nêu sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

- Nhóm 1, 4: tìm hiểu về ngành nông nghiệp hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

Các ngành	Sự phát triển	Phân bố
Tình hình phát triển chung:		
<i>Nông nghiệp</i>		
<i>Lâm nghiệp</i>		
<i>Thủy sản</i>		

- Nhóm 2, 5: tìm hiểu ngành công nghiệp hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

Tình hình phát triển chung:		
Cơ cấu ngành		
	<i>Tên</i>	<i>Phân bố</i>
Các ngành công nghiệp tiêu biểu		
Các trung tâm công nghiệp		

- Nhóm 3, 6: tìm hiểu ngành dịch vụ hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

Các ngành	Sự phát triển và phân bố
Thương mại	
Giao thông vận tải	
Tài chính ngân hàng	
Du lịch	

Sản phẩm HV các nhóm lựa chọn, đa dạng, sáng tạo: bảng thông tin, sơ đồ, bài trình bày Powerpoint,....

GV yêu cầu HV phân tích số liệu (bảng số liệu/biểu đồ), đọc bản đồ trong SGK để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm khoảng 15 - 20 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HV đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả. HV khác nhận xét, bổ sung, nêu câu hỏi/ vấn đề còn thắc mắc. Nhóm trình bày trả lời câu hỏi (nếu có).

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV; Đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 2.3. So sánh đặc điểm các vùng kinh tế

1. Mục tiêu

- So sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.
- Đọc được bản đồ, rút ra được nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức hoạt động nhóm theo kỹ thuật mảnh ghép.

Nhóm chuyên gia: GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HV lựa chọn 2 vùng kinh tế và hoàn thành nhiệm vụ:

Đọc thông tin trong SGK, hãy so sánh hai vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật như sau:

Đặc điểm nổi bật		Vùng kinh tế	
	
Khái quát chung (về diện tích, tự nhiên và dân cư,...)			
Ngành kinh tế nổi bật	Về nông nghiệp		
	Về công nghiệp		
	Về dịch vụ		
Các trung tâm kinh tế quan trọng			

Lưu ý: GV tổ chức cho các nhóm lựa chọn 2 vùng kinh tế để so sánh mà không trùng với nhóm còn lại. Ví dụ: so sánh vùng Hồ-cai-đô và Hôn-su; hoặc vùng Hôn-su và Xi-cô-cur; hoặc vùng Xi-cô-cur và Kiu-xiu; hoặc vùng Kiu-xiu và Hồ-cai-đô.

Nhóm mảnh ghép: hãy so sánh được các vùng kinh tế theo những đặc điểm nổi bật.

GV yêu cầu HV so sánh 4 vùng kinh tế với nhau theo các thông tin gợi ý như trên.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm chuyên gia khoảng 5 - 7 phút, nhóm mảnh ghép khoảng 5 – 7 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HV đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV; đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

(1) GV cung cấp bảng số liệu và yêu cầu HV làm việc cá nhân:

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy:

+ Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Nhật Bản, giai đoạn 2000 – 2020.

+ Nhận xét sự thay đổi về cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Nhật Bản, giai đoạn 2000 – 2020.

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

<i>Trị giá</i> \ <i>Năm</i>	<i>2000</i>	<i>2005</i>	<i>2010</i>	<i>2015</i>	<i>2020</i>
Xuất khẩu	519,9	667,5	859,3	775,0	785,4
Nhập khẩu	452,1	599,8	782,1	799,7	786,2

(Nguồn: WB, năm 2021)

Lưu ý: tùy thuộc vào đối tượng HV, GV có thể yêu cầu HV vẽ biểu đồ thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Nhật Bản, nhận xét biểu đồ. Hoặc GV yêu cầu HV dựa vào bảng số liệu trong SGK, hãy vẽ biểu đồ thể hiện một trong các nội dung sau: Quy mô GDP và tốc độ tăng trưởng GDP; Cơ cấu kinh tế; diện tích và sản lượng một số nông sản hoặc sản lượng một số sản phẩm công nghiệp hoặc lượt khách du lịch, doanh thu du lịch,.....

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ học tập vào vở. GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV. (Tùy thuộc vào thực tế lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động này theo nhiều cách khác nhau).

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời một số HV lên bảng vẽ biểu đồ và nhận xét biểu đồ. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV đánh giá hoạt động của HV và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản. Giúp HV tìm tòi mở rộng kiến thức.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV:

(1) Thu thập tư liệu và chia sẻ về một vấn đề kinh tế của Nhật Bản mà mình quan tâm (ngành nông nghiệp, hoặc công nghiệp, hoặc dịch vụ, hoặc thương hiệu nổi tiếng, hoặc công

nghệ sản xuất hiện đại, hoặc thành tựu trong lĩnh vực dịch vụ, mối quan hệ giữa Nhật Bản và Việt Nam,...).

(2) Thu thập tư liệu và viết báo cáo về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. Liên hệ với Việt Nam.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Lưu ý: Tùy vào đối tượng HV, GV có thể yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ 2 để chuẩn bị cho bài học sau.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản là

- A. công nghiệp chế tạo.
- B. công nghiệp điện tử - tin học.
- C. công nghiệp hóa chất.
- D. công nghiệp thực phẩm.

1.2. Ngành công nghiệp Nhật Bản có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm tỉ trọng GDP thấp nhất.
- B. Chiếm tỉ trọng GDP cao nhất.
- C. Có cơ cấu ngành rất đa dạng.
- D. Phân bố đồng đều cả nước.

1.3. Các trung tâm công nghiệp lớn của Nhật Bản tập trung nhiều nhất ở đảo

- A. Hôn-su.
- B. Kiu-xiu.
- C. Hô-cai-đô.
- D. Xi-cô-cư.

1.4. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm ngành nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Đầu tư cao vào sản xuất thâm canh.
- B. Ứng dụng nhanh khoa học hiện đại.
- C. Chú trọng năng suất và chất lượng.
- D. Chiếm tỉ trọng rất lớn trong GDP.

1.5. Sản phẩm nào sau đây của Nhật Bản **không phải** do công nghiệp chế tạo sản xuất ra?

- A. Xe máy.
- B. Rôbôt.
- C. Tàu biển.
- D. Ô tô.

1.6. Các ngành công nghiệp nổi tiếng thế giới của Nhật Bản hiện nay là

- A. chế tạo, sản xuất điện tử, chế biến thực phẩm.
- B. sản xuất điện tử, luyện kim đen, dệt may.
- C. sản xuất ô tô, đóng tàu, điện tử - tin học.
- D. đóng tàu, luyện kim màu, dệt may.

1.7. Đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Kiuxiu là

- A. lúa mì, củ cải đường là cây trồng chính.

- B. có thành phố lớn là ô-xa-ca và Cô-bê.
- C. kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
- D. phát triển mạnh ngành sản xuất ô tô.

1.8. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Hôn-su?

- A. Rừng bao phủ phần lớn diện tích của vùng.
- B. Tập trung các trung tâm công nghiệp rất lớn.
- C. Kinh tế phát triển nhất trong các vùng.
- D. Diện tích rộng nhất, dân số đông nhất.

Ý	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8
Đáp án	A	C	A	D	B	C	D	A

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho mỗi ý a, b, c, d

2.1. Cho thông tin sau:

Ngành nông nghiệp Nhật Bản chỉ chiếm khoảng 1% GDP và sử dụng hơn 3% lực lượng lao động (năm 2020). Diện tích đất canh tác chỉ chiếm khoảng 13% diện tích lãnh thổ. Nền nông nghiệp Nhật Bản hiện đại, sản xuất theo hướng thâm canh, áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm cao.

- a) Nông nghiệp Nhật Bản sản xuất với quy mô lớn.
- b) Nông nghiệp chiếm tỉ trọng GDP nhỏ nhất trong nền kinh tế Nhật Bản.
- c) Nông nghiệp phát triển theo hướng công nghệ cao.
- d) Diện tích đất nông nghiệp có nhiều khả năng mở rộng.

2.2. Cho bảng số liệu:

GDP và tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2020

Năm	1990	2000	2010	2019	2020
GDP (tỉ USD)	3 132,0	4 968,4	5 759,1	5 123,3	5 040,1
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	4,8	2,7	4,1	0,3	-4,5

- a) GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2020 nhìn chung tăng nhưng không đều.
- b) Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2020 không ổn định.
- c) GDP của Nhật Bản giai đoạn 1990 – 2020 liên tục tăng.
- d) Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giai đoạn 2010 – 2020 liên tục giảm.

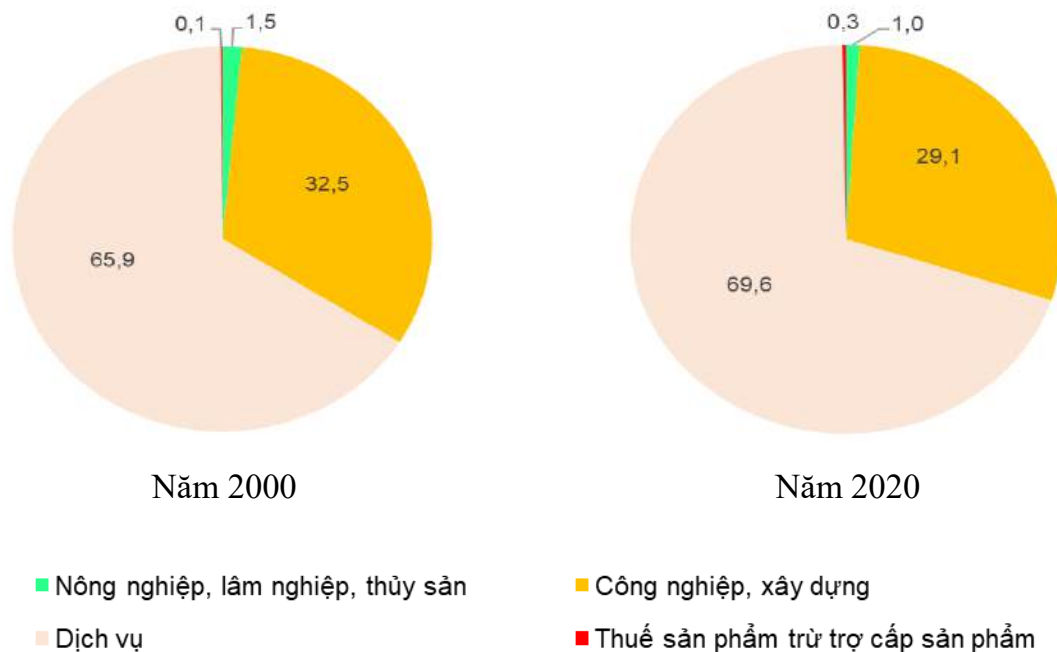
2.3. Cho thông tin sau:

Nhật Bản có ngành công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới, bao gồm ngành công nghiệp chế tạo; điện tử - tin học, hóa chất, hàng không – vũ trụ, sinh học và dược phẩm, ... với các sản phẩm nổi tiếng như: ô tô, tàu biển, rô-bốt, chất bán dẫn, tivi, máy tính, ... Đây là các ngành

công nghệ và kỹ thuật cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Ngành công nghiệp Nhật Bản phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu, nhiên liệu nhập khẩu.

- a) Ngành công nghiệp Nhật Bản có cơ cấu đa dạng.
- b) Nguồn nguyên, nhiên liệu sẵn có cho ngành công nghiệp phong phú.
- c) Nhật Bản có nhiều sản phẩm công nghiệp chiếm vị trí cao trên thế giới, như: ô tô, tàu biển, rô-bốt, chất bán dẫn, tivi, máy tính,....
- d) Ngành công nghiệp Nhật Bản phụ thuộc vào công nghệ của các nước phát triển trên thế giới.

2.4. Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu GDP của Nhật Bản năm 2000 và năm 2020 (Đơn vị: %)

- a) Trong cơ cấu GDP, ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất.
- b) Giai đoạn 2000 – 2020, tỉ trọng GDP của ngành công nghiệp tăng.
- c) Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ; tăng tỉ trọng ngành công nghiệp.
- d) Cơ cấu kinh tế của Nhật Bản có sự chuyển dịch nhưng sự thay đổi tỉ trọng của các ngành không đáng kể.

Đáp án:

Ý	a	b	c	d
2.1	S	Đ	Đ	Đ
2.2	Đ	Đ	S	Đ
2.3	Đ	S	Đ	S
2.4	Đ	S	S	Đ

Câu 3. Câu yêu cầu trả lời ngắn

3.1. Biết năm 2022, Nhật Bản có dân số là 124,9 triệu người; trong đó số dân thành thị là 114,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của Nhật Bản năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

3.2. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa gạo của Nhật Bản giai đoạn 2000 – 2020

Năm	2000	2020
Diện tích (nghìn ha)	1770	1462
Sản lượng (nghìn tấn)	11863	9708

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính năng suất lúa của Nhật Bản năm 2020? (làm tròn kết quả đến kết quả hàng đơn vị của tạ/ha).

THỰC HÀNH

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.
- Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Khai thác Internet phục vụ môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí để giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Suu tầm các tư liệu về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.
- Đường link tìm kiếm dữ liệu hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản. Ví dụ: <https://www.gso.gov.vn/>; <https://www.worldbank.org/en/home>; <https://stast.gov.cn/>; <https://jst.vanij.jp/>;

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tư liệu liên quan đến hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt trong chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kỹ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV và HV cùng xác định các nội dung trình bày một cách cụ thể, hướng dẫn HV các nguồn tư liệu có thể tìm kiếm và yêu cầu HV chuẩn bị trước (có thể theo phương pháp dạy học dự án), sau đó tổ chức cho HV trình bày. Việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV tìm kiếm tư liệu có thể thực hiện trong hoạt động vận dụng của bài học trước.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV chia HV thành 4 đội và tổ chức trò chơi “Lật mảnh ghép?": Hình ảnh là cảng Tô-ky-ô. Từ khóa: Đây là một trong những hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng của Nhật Bản. (NGOẠI THƯƠNG, hoặc XUẤT NHẬP KHẨU)

GV phổ biến luật chơi: Có 6 câu hỏi tương ứng với 6 mảnh ghép. Các đội chơi lần lượt chọn câu hỏi. Thời gian: 10 giây/câu hỏi. Mỗi câu trả lời đúng: 10 điểm. Đoán được từ khóa sau khi mở được 2 mảnh ghép là đội chiến thắng. Nếu không, các đội mở hết 6 mảnh ghép và đội có số điểm cao nhất sẽ chiến thắng.

b) *Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo*

HV tham gia trò chơi, chia sẻ kết quả.

Câu 1. Phần lớn các trung tâm công nghiệp của Nhật Bản phân bố ở ven biển phía Thái Bình Dương, chủ yếu là do ở đây có:

- A. đất đai màu mỡ, dân cư đông đúc.
- B. địa hình phẳng, các cảng biển lớn.
- C. nhiều sông ngòi, nguyên liệu dồi dào.
- D. lao động nhiều, vùng biển rộng lớn.

Câu 2. Ngành giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng ở Nhật Bản, vì đất nước này cần thiết phải trao đổi kinh tế với

- A. các nước trên thế giới. B. các nước phát triển.
C. các nước đang phát triển. D. các nước công nghiệp mới.

Câu 3. Các cảng biển lớn của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở

- A. ven biển ô-khôt. B. phía nam đảo Kiu-xiu.
C. ven Thái Bình Dương. D. ven biển Nhật Bản.

Câu 4. Cảng biển nào sau đây **không** nằm ở đảo Hôn-su?

- A. Na-ga-xa-ki. B. Tô-ky-ô.
C. Ô-xa-ca. D. I-ô-cô-ha-ma.

Câu 5. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản phát triển ngày càng mạnh mẽ?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vịnh biển sâu.
B. Nhu cầu đi ra nước ngoài của người dân.
C. Vùng biển rộng ở xung quanh đất nước.
D. Nhu cầu của hoạt động xuất, nhập khẩu.

Câu 6. Ngành dịch vụ có vai trò đặc biệt trong nền kinh tế Nhật Bản là

- A. viễn thông. B. ngoại thương.
C. giao thông đường bộ. D. tài chính ngân hàng.

c) Kết nối vào bài học mới: GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Chuẩn bị bài trình bày

1. Mục tiêu : Xác định được các công việc chuẩn bị cho bài trình bày hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV dựa vào các kiến thức và kỹ năng đã học và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Xác định các công việc cần thực hiện để trình bày về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

+ Xây dựng đề cương cho bài trình bày về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và xác định.

c) Báo cáo, thảo luận: GV mời 1 số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá, chốt kiến thức*: GV chốt công việc cần thực hiện và nội dung cần trình bày.

+ Các bước thực hiện: xác định vấn đề -> xây dựng đề cương -> thu thập và xử lý tư liệu -> thiết kế bài trình bày -> trình bày.

+ Đề cương bài trình bày:

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA NHẬT BẢN

1. Khái quát về hoạt động kinh tế đối ngoại

2. Một số hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản

a) Tình hình hoạt động ngoại thương (hoạt động xuất, nhập khẩu)

- Hoạt động xuất khẩu: trị giá xuất khẩu, mặt hàng xuất khẩu, thị trường xuất khẩu,...

- Hoạt động nhập khẩu: trị giá nhập khẩu, cán cân xuất nhập khẩu, mặt hàng nhập khẩu, thị trường nhập khẩu,...

- Cán cân xuất, nhập khẩu

b) Tình hình đầu tư của Nhật Bản:

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): tổng vốn đầu tư, đối tác đầu tư, lĩnh vực đầu tư,...

- Nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản

c) Chuyển giao công nghệ

3. Liên hệ với Việt Nam.

+ Nguồn tư liệu: thông tin sưu tầm từ internet, sách giáo khoa, sách, báo, tạp chí,....

+ Hình thức bài trình bày: bài viết, bài trình chiếu powerpoint, tập san hình ảnh, video,...
HV lựa chọn theo sở thích và năng lực.

Lưu ý: hoạt động này GV thực hiện ở tiết học trước để HV có thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

Hoạt động 2.2. Thực hiện thu thập tư liệu và trình bày về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản

1. Mục tiêu

- Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Nhật Bản.

- Trình bày được những nét nổi bật về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV chia nhóm nhỏ, tổ chức dạy học dự án và giao nhiệm vụ cho HV:

+ Thu thập, sưu tầm và xử lý các tư liệu thu thập được về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản theo đề cương.

+ Thiết kế bài trình bày về hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản theo đề cương.

b) Thực hiện nhiệm vụ:

HV các nhóm phân công nhiệm vụ, trao đổi và thống nhất, hoàn thành bài trình bày (thực hiện ngoài giờ lên lớp).

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện nhóm HV trình bày. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, đánh giá sản phẩm của HV và kết luận.

Gợi ý:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Tiêu chí		Điểm tuyệt đối	Điểm chấm
Nội dung	Nội dung đầy đủ theo đề cương	4	
	Nội dung chính xác, rõ ràng	2	
	Các nguồn thông tin đáng tin cậy	2	
	Có nhiều dạng thông tin: hình ảnh, số liệu,...	2	
Hình thức bài trình bày	Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, khoa học	1	
	Các mục, tiêu đề rõ ràng, mạch lạc.	1	
	Kết hợp hài hòa kênh chữ với kênh hình (tranh ảnh, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu...)	1	
	Có trích nguồn thông tin đầy đủ	1	
	Có tính thẩm mỹ, sáng tạo	1	
Trình bày	Trình bày rõ ràng, đúng thời gian quy định	1	
	Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lí	1	
	Sử dụng ánh mắt, cử chỉ để tăng tương tác với người tham dự	1	
	Thể hiện được cảm hứng, sự tự tin, nhiệt tình khi trình bày.	1	
	Trả lời câu hỏi chính xác, dễ hiểu	1	
Tổng điểm		20	

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

(Thời gian thực hiện: 6 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không quan, Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học.

- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

Nhân ái (tôn trọng sự khác biệt về sự đa dạng văn hóa của Trung Quốc); Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ địa lí tự nhiên Trung Quốc.

- Video, tranh ảnh về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội của Trung Quốc (nếu có).

- Đường link một số trang web để HV tìm và cập nhật dữ liệu, thông tin về Trung Quốc.

Ví dụ: <https://cacnuoc.vn/> <https://data.worldbank.org/> <http://vnics.org.vn/>

2. Chuẩn bị của HV

- Suru tâm tài liệu liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội của Trung Quốc để phục vụ cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề này có thể thực hiện với thời lượng khoảng 3 tiết. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học trong chủ đề mang ý nghĩa gợi ý. Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học; khai thác tối đa kênh

chữ trong SGK và hệ thống đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học nhằm đáp ứng một số yêu cầu cần đạt của chương trình, đồng thời tạo cơ hội cho HV chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập, tạo hứng thú học tập cho HV.

GV phát huy vốn hiểu biết đã có của HV về quốc gia láng giềng để trình bày vấn đề theo yêu cầu trong từng hoạt động; thực hiện phương pháp dạy học dự án nếu có điều kiện. Suu tầm, thu thập tư liệu (tranh ảnh, video, cập nhật số liệu,...) từ các nguồn tin cậy, chính thống và sử dụng phù hợp trong mỗi hoạt động nhằm mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho HV. GV cần cập nhật hoặc yêu cầu HV thường xuyên số liệu, thông tin về dân cư, xã hội.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV huy động được những hiểu biết của mình về tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV sử dụng kỹ thuật KWLH và yêu cầu HV: Hãy chia sẻ hiểu biết và mong muốn của bản thân về đất nước Trung Quốc theo bảng gợi ý sau:

K (Know) – điều đã biết	W (Want) – điều muốn biết	L (Learn) – điều đã học	H (How) – cách thức
Những điều đã biết của bản thân về Trung Quốc.	Những điều muốn biết về Trung Quốc	Những điều học được qua bài học	Tiếp tục tìm hiểu thông tin về Trung Quốc bằng cách nào?

GV yêu cầu HV hoàn thành cột K và W (còn cột L và H sẽ thực hiện vào cuối bài học/chủ đề) và lưu ý HV liệt kê hiểu biết và mong muốn của mình về tất cả các vấn đề: tự nhiên, dân cư, xã hội, kinh tế,... của Trung Quốc. (tùy vào đối tượng HV, GV có thể có hoặc không có cột H).

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

Cặp đôi HV kẻ bảng KWLH vào giấy nháp, hoàn thành cột K và W trong khoảng 3 phút. Sau đó, các cặp dán lên bảng.

c) Kết nối vào bài học mới: GV mời 1 số HV đọc ý kiến của cặp, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng phương án trong SGK hoặc phương án khác theo gợi ý:

Phương án 2: GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Chia sẻ hiểu biết của bản thân về đất nước Trung Quốc.

Phương án 3: GV cho HV xem một số hình ảnh hoặc video về tự nhiên, dân cư và xã hội Nhật Bản (nếu có) kết hợp với hiểu biết của bản thân, yêu cầu HV: Hãy chia sẻ những thông tin đã thu thập được về đất nước Trung Quốc.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Xác định vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và ảnh hưởng

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Trung Quốc, hãy:

+ Trình bày vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Trung Quốc.

+ Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo kĩ thuật Think – Pair – Share: HV làm việc cá nhân xác định trên bản đồ và trả lời trong giấy note/giấy nháp: 2 phút; trao đổi với bạn bên cạnh và chuẩn bị báo cáo: 2 phút.

c) Báo cáo, thảo luận:

GV mời một số HV lên trình bày (có xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ trên bản đồ); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Trung Quốc, hãy:

- Trình bày đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Trung Quốc.

- Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Gợi ý: HV hoàn thành nội dung theo bảng sau:

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Sông, hồ		
Sinh vật		
Biển		
Khoáng sản		

+ Hình thức trình bày sản phẩm do HV lựa chọn và sáng tạo (bảng thông tin như gợi ý, hoặc sơ đồ tư duy hoặc powerpoint (nếu có máy tính),...). Tùy theo điều kiện học tập, HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ; hoặc giấy A0 của nhóm hoặc trên máy tính để trình chiếu.

+ GV yêu cầu HV sử dụng bản đồ địa lí tự nhiên Trung Quốc xác định một số đồng bằng, dãy núi; một số sông, hồ; một số đặc điểm về biển, sinh vật và khoáng sản của Trung Quốc để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

+ HV làm việc theo nhóm:

- Nhóm chẵn: tìm hiểu địa hình, đất, khí hậu, khoáng sản.

- Nhóm lẻ: tìm hiểu sông, hồ, sinh vật, biển.

+ Thời gian làm việc 15 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời 02 HV đại diện nhóm lần lượt báo cáo kết quả. Dựa trên kết quả báo cáo, GV cho các HV khác bổ sung và trao đổi thảo luận toàn lớp.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV. Đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Lưu ý: Tùy thuộc vào năng lực của HV và cơ sở vật chất lớp học, GV có thể sử dụng sử dụng phương pháp dạy học dự án, giao nhiệm vụ cho các nhóm ở tiết học trước: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Trung Quốc và tìm hiểu thêm tư liệu, hãy: Trình bày đặc điểm

và ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc. Hình thức sản phẩm các nhóm HV lựa chọn theo sở thích: dưới dạng một bài viết, sơ đồ tư duy, bài trình chiếu powerpoint, infographic hoặc video,... GV và HV thiết kế bảng tiêu chí Rubric, tổ chức đánh giá sản phẩm dựa án của các nhóm.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu dân cư và xã hội

1. Mục tiêu

- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc thông tin, bảng số liệu hoặc biểu đồ, bản đồ phân bố dân cư Trung Quốc trong SGK, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của Trung Quốc.
- Trình bày tác động của các đặc điểm dân cư và xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc.

Hình thức: sơ đồ tư duy trên giấy A0.

+ GV phổ biến cách thức làm việc nhóm theo kĩ thuật phòng tranh cho HV và yêu cầu HV:

- Nhận xét bảng số liệu/biểu đồ về dân cư Trung Quốc (số dân, tỉ lệ gia tăng dân số, cơ cấu dân số) để minh chứng khi trình bày đặc điểm dân cư Trung Quốc.
- Xác định trên bản đồ các khu vực tập trung dân cư đông đúc, các khu vực thưa dân, các đô thị đông dân và nhận xét đặc điểm phân bố dân cư và đô thị hóa Trung Quốc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV trao đổi, thảo luận, hoàn thành sản phẩm trong khoảng 15 phút. GV có thể hướng dẫn HV nhận xét, xử lí số liệu hoặc biểu đồ, đọc bản đồ để minh họa cho phần trình bày.

c) Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HV dán sản phẩm trên bảng hoặc xung quanh lớp. Tổ chức HV đi xem sản phẩm các nhóm, nhận xét, bổ sung. Sau đó, đại diện 1 nhóm trình bày, các HV khác nghe và trao đổi, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, tổ chức HV các nhóm chấm chéo sản phẩm và GV đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV có thể lựa chọn và tổ chức cho HV thực hiện một trong các nhiệm vụ sau:

- (1) Lập bảng so sánh đặc điểm tự nhiên miền Đông và miền Tây Trung Quốc.
- (2) GV cung cấp bảng số liệu và yêu cầu HV:

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy: nhận xét và so sánh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc với một số quốc gia khác và bình quân thế giới. Nêu nguyên nhân chính và tác động của nguyên nhân đó đối với xã hội Trung Quốc.

Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia trên thế giới, giai đoạn 2000 – 2022

(Đơn vị: %)

Quốc gia	2000	2010	2020	2022
Thế giới	1,4	1,2	1,2	0,9
Đức	-0,1	-0,2	-0,2	-0,2
Hoa Kỳ	1,2	0,6	0,3	0,1
Nhật Bản	0,2	0,0	-0,4	-0,5
CH Nam Phi	1,3	0,9	1,1	0,8
Braxin	1,5	1,0	0,8	0,6
Việt Nam	1,42	1,03	1,02	0,91
Trung Quốc	0,9	0,5	0,3	0,1

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê năm 2000, 2010, 2020, 2022)

(3) Dựa vào bảng số liệu hoặc biểu đồ trong SGK, hãy nhận xét số dân và tỉ lệ tăng tự nhiên của dân số Trung Quốc.

(4) Đọc bản đồ phân bố dân cư Trung Quốc, hãy nhận xét về sự phân bố dân cư và đô thị của Trung Quốc.

Lưu ý: tùy thuộc vào thực tế, GV có thể cung cấp bảng số liệu khác liên quan đến dân cư Trung Quốc. GV có thể yêu cầu HV thực hiện một hoặc hai nhiệm vụ trong các nhiệm vụ trên hoặc yêu cầu thực hiện nhiệm vụ luyện tập khác. Nếu trong hoạt động HÌNH THÀNH KIẾN THỨC, GV đã tổ chức cho HV rèn luyện kĩ năng nhận xét bảng số liệu/biểu đồ, đọc bản đồ dân cư thì trong hoạt động Luyện tập có thể không cần thực hiện.

b) *Thực hiện nhiệm vụ*: HV làm việc cá nhân hoặc cặp đôi, chuẩn bị báo cáo. GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV.

c) Báo cáo, thảo luận

HV lên báo cáo, các HV khác cùng thảo luận, bổ sung nội dung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV đánh giá hoạt động của HV và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Trung Quốc. Giúp HV tìm tòi mở rộng thêm kiến thức.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà tìm hiểu, thu thập thông tin về một trong những vấn đề sau:

(1) Chính sách giáo dục của Trung Quốc và mối quan hệ của Việt Nam – Trung Quốc trong lĩnh vực giáo dục.

(2) Viết bài giới thiệu về một di sản thế giới (tự nhiên hoặc văn hóa) của Trung Quốc đã được UNESCO công nhận.

(3) Các đối tượng tự nhiên: sơn nguyên Tây Tạng, hồ Thanh Hải, sông Trường Giang, hoang mạc Tác-la Ma-can,...

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Trung Quốc tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Nam Phi. B. Ô-xtrây-li-a. C. Việt Nam. D. Hoa Kỳ.

1.2. Phần lớn đường biên giới trên đất liền giữa Trung Quốc với các nước là

A. đồng bằng. B. núi thấp. C. hoang mạc. D. núi cao.

1.3. Phần phía đông Trung Quốc tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Nam Đại Dương. B. Thái Bình Dương.
C. Bắc Băng Dương. D. Đại Tây Dương

1.4. Địa hình chủ yếu của miền Đông Trung Quốc là

A. cao nguyên và đồi núi thấp. B. núi cao và sơn nguyên đồ sộ.
C. núi, cao nguyên xen bồn địa. D. đồng bằng và đồi núi thấp.

1.5. Sông ngòi ở Trung Quốc có đặc điểm nào sau đây?

A. Hướng chảy đông – tây. B. Có giá trị nhiệt điện.
C. Có nhiều sông lớn. D. Đóng băng quanh năm.

1.6. Khí hậu Trung Quốc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Trên núi cao có khí hậu nóng ẩm.
- B. Miền Đông có khí hậu khô hạn.
- C. Phía Nam có mùa đông lạnh giá.
- D. Phần lớn lãnh thổ có khí hậu ôn đới.

1.7. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Trung Quốc?

- 1) Có lãnh thổ rộng lớn, thiên nhiên đa dạng.
- 2) Nằm trong “Vành đai lửa Thái Bình Dương”.
- 3) Lãnh thổ kéo dài từ vòng cực Bắc đến xích đạo
- 4) Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai như: bão, lũ lụt, hạn hán,...
- 5) Thiên nhiên phân hoá rõ rệt theo chiều bắc - nam, đông - tây và độ cao.

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

1.8. Dân cư Trung Quốc có đặc điểm nào sau đây?

- A. Dân cư phân bố đồng đều.
- B. Có dân số đông nhất thế giới.
- C. Đô thị hoá chưa phát triển.
- D. Thị trường tiêu thụ nhỏ.

1.9. Trung Quốc là quốc gia có

- A. nền văn hoá lâu đời.
- B. nền giáo dục ít đầu tư.
- C. chất lượng cuộc sống thấp.
- D. ít di sản văn hoá thế giới.

1.10. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1990 - 2020

Năm	1990	2000	2010	2020
Số dân (<i>triệu người</i>)	1176,9	1290,6	1368,8	1439,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,82	0,79	0,57	0,39

(Nguồn: WB, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với số dân và tỉ lệ gia tăng dân số của Trung Quốc giai đoạn 1990 - 2020?

- A. Số dân tăng liên tục.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số giảm không liên tục.
- C. Số dân giảm liên tục.
- D. Tỉ lệ gia tăng dân số tăng liên tục.

Ý	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	1.8	1.9	1.10
Đáp an	C	D	B	D	C	D	C	B	A	A

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho mỗi ý a, b, c, d.

2.1. Cho thông tin sau:

Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới, khu vực phía nam có khí hậu cận nhiệt đới và nhiệt đới. Khí hậu phân hoá rõ rệt. Miền Tây có khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt, lượng mưa ít, nhiệt độ chênh lệch khá lớn giữa ngày đêm và các mùa. Miền Đông có khí hậu gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều vào mùa hạ và lạnh khô vào mùa đông. Từ nam lên bắc, khí hậu

chuyển từ cận nhiệt gió mùa sang ôn đới gió mùa. Trên các núi và sơn nguyên cao có kiểu khí hậu núi cao; mùa đông lạnh, mùa hạ mát.

a) Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu ôn đới.

b) Khí hậu có sự phân hóa đa dạng theo chiều đông – tây, bắc – nam và theo độ cao, là điều kiện thuận lợi để Trung Quốc đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp.

c) Lượng mưa ở miền Tây Trung Quốc cao hơn so với miền Đông.

d) Miền Tây Trung Quốc chủ yếu có khí hậu ôn đới hải dương.

2.2. Cho thông tin sau:

Trung Quốc có tài nguyên khoáng sản đa dạng, phong phú, nhiều loại có trữ lượng lớn. Than chiếm khoảng 13% trữ lượng của thế giới, tập trung nhiều ở Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung. Các quặng kim loại màu như: von-phram, thiếc và đất hiếm có trữ lượng đứng đầu thế giới, tập trung chủ yếu ở phía đông nam. Các quặng kim loại đen như: sắt, man-gan,... phân bố chủ yếu ở phía đông bắc.

a) Trung Quốc có tài nguyên khoáng sản đa dạng, nhiều loại có trữ lượng lớn.

b) Than tập trung nhiều ở phía đông nam của Trung Quốc.

c) Tài nguyên khoáng sản của Trung Quốc phân bố đều khắp cả nước.

d) Tài nguyên khoáng sản là điều kiện quan trọng để Trung Quốc xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng.

2.3. Cho thông tin sau:

Trải qua hơn 5000 năm, văn minh Trung Quốc phát triển lớn mạnh với các thành tựu khoa học kỹ thuật, như: phát minh ra giấy, la bàn, thuốc súng, kỹ thuật in.... Trung Quốc là 1 trong những nền văn minh cổ đại lớn của thế giới. Năm 2020, tỉ lệ biết chữ của người từ 15 tuổi trở lên đạt 96%, chỉ số HDI là 0,764.

a) Quốc gia có nền văn hoá lâu đời.

b) Sở hữu ngũ đại phát minh cổ đại.

c) Rất chú trọng đầu tư cho giáo dục.

d) Chỉ số phát triển con người thuộc nhóm cao.

Đáp án:

Ý	2.1				2.2				2.3			
	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ

KINH TẾ TRUNG QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế, sự phát triển, phân bố của một số ngành kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới.
- Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Video, tranh ảnh về kinh tế Trung Quốc (nếu có).
- Đường link tìm kiếm dữ liệu về kinh tế Trung Quốc (nếu có). Ví dụ: Ví dụ: <https://www.gso.gov.vn/> <https://www.worldbank.org/en/home> <https://www.fao.org/home/en/> ;.....

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tài liệu liên quan đến kinh tế của Trung Quốc để phục vụ cho chủ đề.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý được thực hiện trong chủ đề với thời lượng khoảng 2 tiết. Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học, kết hợp phương pháp dạy học với các kĩ thuật dạy học tích cực để tạo hứng thú học tập cho HV, tổ chức cho HV thực hiện nhiệm vụ học tập tích cực, chủ động.

GV có thể sưu tầm, sử dụng và cập nhật các thông tin, số liệu từ các nguồn chính thống về kinh tế Trung Quốc làm ngữ liệu cho các hoạt động. Trong quá trình khám phá, GV khuyến khích HV khai thác kênh hình, số liệu để làm minh chứng và phát huy vốn hiểu biết thực tiễn để trình bày vấn đề theo yêu cầu trong từng hoạt động. Để phù hợp với điều kiện dạy học và đặc điểm của HV, trong hoạt động luyện tập và vận dụng, GV có thể linh hoạt điều chỉnh các nhiệm vụ cho phù hợp.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động được những hiểu biết của mình về kinh tế Trung Quốc để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV trò chơi ô chữ về ảnh hưởng của tự nhiên, dân cư và xã hội đến phát triển kinh tế của Trung Quốc. HV lần lượt trả lời các câu hỏi ở ô chữ hàng ngang sau mỗi gợi ý để tìm từ khóa chính ở hàng dọc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân, tìm từ khóa (hàng dọc) bằng cách trả lời các câu hỏi ở hàng ngang.

c) Kết nối vào bài học mới: GV công bố đáp án và dẫn dắt HV vào bài học mới.

Giải đố ô chữ

	1	K	I	N	H	T	É	B	I	Ê	N
2	N	Ô	N	G	N	G	H	I	Ệ	P	
				3	Đ	Ú	N	G	Đ	À	U
				4		2					
5	T	H	I	Ê	N	T	A	I			
				6	T	H	U	Ý	S	Ả	N
7	C	H	É	B	I	Ê	N	G	Ỗ		
8	C	Ô	N	G	N	G	H	I	Ệ	P	
				9	G	I	Á	O	D	Ụ	C
			10	Ô	N	Đ	Ó	I			
11	T	H	U	Ý	Đ	I	Ệ	N			

Hàng dọc:

Từ khóa gồm có 11 chữ cái, đây là vị thế của Trung Quốc trên thế giới (THỨ 2 THẾ GIỚI)

Hàng ngang:

1. Vị trí giáp biển, có vùng biển rộng, các ngư trường lớn, nhiều vũng, vịnh, bãi biển đẹp,... là điều kiện thuận lợi để Trung Quốc phát triển ngành gì? (KINH TẾ BIỂN)
2. Miền Đông Trung Quốc có các đồng bằng lớn, đất phù sa màu mỡ, khí hậu ôn hòa, nhiều sông lớn,... thuận lợi phát triển ngành gì? (NÔNG NGHIỆP)
3. Quy mô dân số Trung Quốc đứng thứ mấy thế giới? (ĐỨNG ĐẦU)
4. Địa hình Trung Quốc đa dạng, có thể chia thành mấy miền? (2)
5. Vị trí địa lí của Trung Quốc nằm trong khu vực có nhiều(THIÊN TAI)
6. Các sông ở miền Đông Trung Quốc có nhiều giá trị để phát triển ngành gì? (THỦY SẢN)
7. Rừng có diện tích lớn ở miền Đông Trung Quốc cung cấp nguồn nguyên liệu dồi dào cho ngành công nghiệp nào? (CHẾ BIẾN GỖ)
8. Tài nguyên khoáng sản phong phú, có nhiều loại có trữ lượng hàng đầu thế giới, tạo thuận lợi cho Trung Quốc phát triển ngành gì? (CÔNG NGHIỆP)
9. Chất lượng nguồn lao động được cải thiện là do Trung Quốc chú trọng phát triển (GIÁO DỤC)
10. Phần lớn lãnh thổ Trung Quốc có khí hậu nào? (ÔN ĐỚI)
11. Sông ngòi ở miền Tây Trung Quốc có tiềm năng.....(THỦY ĐIỆN)

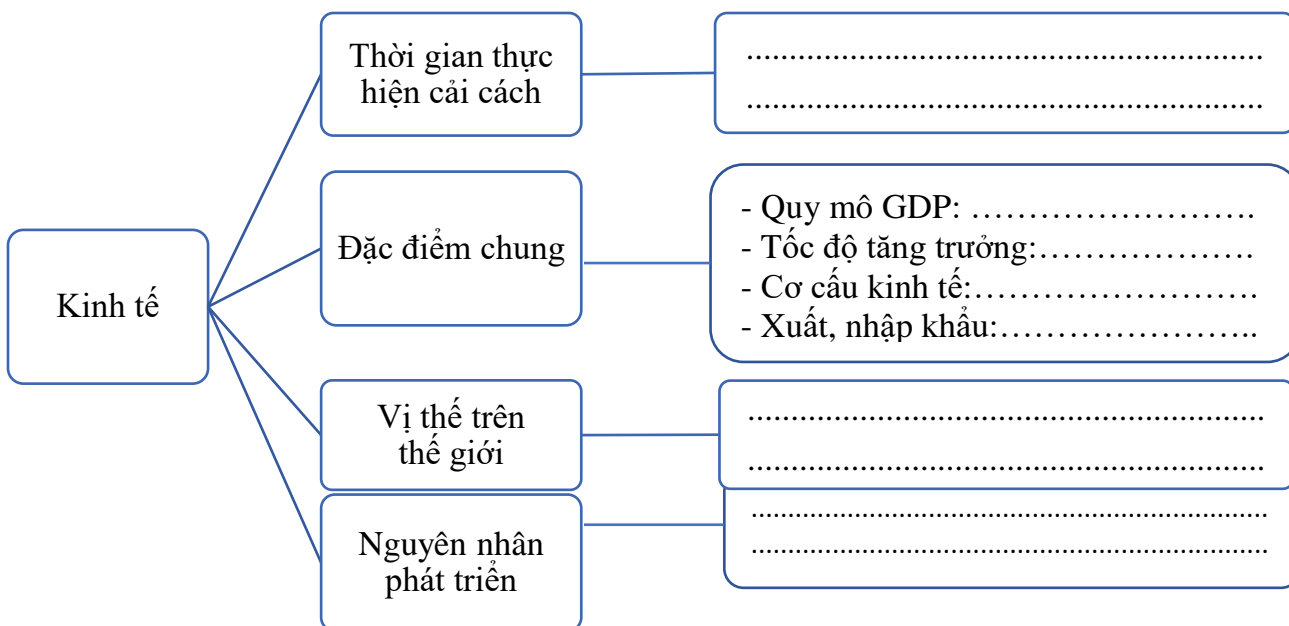
Lưu ý: GV có thể sử dụng phương án trong SGK hoặc phương án khác theo gợi ý:

Phương án 2: GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Kể tên các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp hoặc dịch vụ của Trung Quốc mà em hoặc gia đình em đang sử dụng.

Phương án 3: GV yêu cầu HV chia sẻ lại cột K và W (đã thực hiện ở bài học trước) liên quan đến chủ đề kinh tế.

Phương án 4: GV cho HV xem một số hình ảnh hoặc video về kinh tế Trung Quốc (nếu có) kết hợp với hiểu biết của bản thân, yêu cầu HV: Hãy chia sẻ những thông tin đã thu thập được về nền kinh tế của Trung Quốc.

Phương án 5: GV tổ chức trò chơi “đoán ý đoán từ”. GV đưa ra yêu cầu: có 10 từ khóa nói về kinh tế Trung Quốc, các cặp dự đoán các từ đó và ghi vào giấy note trong vòng 2 phút. Hết thời gian, cặp nào có số từ khóa trùng khớp với GV nhất thì chiến thắng.



Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm chung của nền kinh tế

1. Mục tiêu

- Trình bày đặc điểm chung phát triển kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới.

- Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.

- Phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV làm việc theo cặp và giao nhiệm vụ:

Đọc thông tin, bảng số liệu/biểu đồ trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy:

+ Trình bày được đặc điểm chung phát triển kinh tế và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới.

+ Phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.

GV yêu cầu HV phân tích số liệu để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo cặp, chuẩn bị nội dung báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện một số cặp lên trình bày (có số liệu minh họa); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV nhận xét hoạt động học của HV, chốt kiến thức.

Lưu ý: GV có thể gợi ý cụ thể cho HV như sau:

Hoạt động 2.2. Khám phá các ngành kinh tế

1. Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một số ngành kinh tế.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ phân bố công nghiệp, bản đồ phân bố nông nghiệp Trung Quốc, bảng số liệu/biểu đồ, hãy trình bày sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

- Nhóm 1, 2: tìm hiểu về ngành nông nghiệp hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

<i>Tình hình phát triển chung:</i>		
<i>Các ngành</i>	<i>Tình hình phát triển</i>	<i>Phân bố</i>
Nông nghiệp		
Lâm nghiệp		
Thủy sản		

- Nhóm 3, 4: tìm hiểu ngành công nghiệp hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

<i>Tình hình phát triển chung:</i>		
<i>Cơ cấu ngành</i>	<i>Tình hình phát triển</i>	<i>Phân bố</i>
Các ngành công nghiệp tiêu biểu		
Các trung tâm công nghiệp		

- Nhóm 5, 6: tìm hiểu ngành dịch vụ hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

<i>Tình hình phát triển chung:</i>	
<i>Các ngành</i>	<i>Sự phát triển và phân bố</i>
Thương mại	
Giao thông vận tải	
Tài chính ngân hàng	
Du lịch	

Sản phẩm HV các nhóm lựa chọn, đa dạng, sáng tạo: bảng thông tin, sơ đồ, bài trình bày Powerpoint,....

GV yêu cầu HV phân tích số liệu (bảng số liệu/biểu đồ), đọc bản đồ trong SGK để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm khoảng 15 - 20 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận: HV đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu câu hỏi/ vấn đề còn thắc mắc. Nhóm trình bày trả lời câu hỏi (nếu có).

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, sửa các lỗi sai, bổ sung thêm thông tin (nếu cần thiết); đánh giá, nhận xét hoạt động học.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh để tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho HV trong phương án gợi ý này.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

(1) GV cung cấp bảng số liệu và yêu cầu HV:

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy: Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô GDP và tốc độ tăng GDP của Trung Quốc giai đoạn 1978 – 2020. Nhận xét biểu đồ.

Quy mô GDP và tốc độ tăng GDP của Trung Quốc giai đoạn 1978 – 2020

<i>Chi số \ Năm</i>	1978	1990	2000	2010	2020
GDP (tỉ USD)	149,5	1 211,3	6 087,2	14 280,0	14 688,0
Tốc độ tăng GDP (%)	11,3	8,5	10,6	6,0	2,2

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, năm 2022)

Lưu ý: tùy thuộc vào đối tượng HV, GV có thể yêu cầu HV vẽ biểu đồ thể hiện trị giá hoặc cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Trung Quốc và nhận xét biểu đồ. Hoặc GV yêu cầu HV dựa vào bảng số liệu trong SGK, hãy vẽ biểu đồ thể hiện một trong các nội dung sau: Cơ cấu kinh tế; diện tích và sản lượng một số nông sản hoặc sản lượng một số sản phẩm công nghiệp hoặc lượt khách du lịch, doanh thu du lịch,.....

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ học tập vào vở. GV trợ giúp và hướng dẫn thêm cho các HV. (Tùy thuộc vào thực tế lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động này theo nhiều cách khác nhau).

c) Báo cáo, thảo luận: HV lên bảng vẽ biểu đồ và nhận xét biểu đồ. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV đánh giá hoạt động học của HV và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

(2) GV tổ chức cho HV hoàn thành cột L và H trong bảng KWLH (đã thực hiện ở hoạt động mở đầu của bài học đầu tiên trong chủ đề “Trung Quốc”) và chia sẻ trước lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về Trung Quốc. Tìm tòi mở rộng kiến thức và hiểu sâu hơn nội dung bài học. Liên hệ thực tế.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV:

(1) Lựa chọn và thu thập tư liệu về một vấn đề kinh tế của Trung Quốc mà mình quan tâm (ngành nông nghiệp, hoặc công nghiệp, hoặc dịch vụ, hoạt động kinh tế đối ngoại, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam,...).

(2). Thu thập tư liệu và viết báo cáo về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

Lưu ý: Tùy vào đối tượng HV, GV chỉ yêu cầu HV thực hiện nhiệm vụ số 2 để chuẩn bị cho bài học sau.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Trung Quốc thực hiện cải cách nền kinh tế bắt đầu từ năm

A. 1949. B. 1968. C. 1978. D. 1986.

1.2. Trung Quốc **không** áp dụng chính sách, biện pháp nào trong phát triển nông nghiệp?

A. Áp dụng kỹ thuật mới, phổ biến giống mới.

B. Cải tạo, xây dựng hệ thống thủy lợi.

C. Hạn chế xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

D. Chú trọng phát triển ngành chăn nuôi.

1.3. Ngành trồng trọt của Trung Quốc chiếm vị trí quan trọng và có sản lượng đứng đầu thế giới là

A. cây rau đậu.

B. cây lương thực.

C. cây công nghiệp lâu năm.

D. cây công nghiệp hàng năm.

1.4. Ngành công nghiệp nào dưới đây **không có** sản lượng đứng hàng đầu trên thế giới của Trung Quốc?

A. khai thác than, sản xuất điện.

B. luyện kim màu, sản xuất ô tô.

C. sản xuất máy tính, điện thoại di động.

D. dệt – may, chế biến thực phẩm.

1.5. Các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc tập trung chủ yếu ở

A. miền Đông.

B. miền Tây.

C. miền Bắc.

D. miền Nam.

Ý	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5
Đáp án	C	C	B	D	A

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho mỗi ý a, b, c, d.

2.1. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	2000	2010	2020
Xuất khẩu	253,1	1602,5	2723,3
Nhập khẩu	224,3	1380,1	2357,1

a) Tổng trị giá xuất, nhập khẩu tăng liên tục.

b) Từ năm 2000 đến năm 2020, Trung Quốc là nước nhập siêu.

c) Trị giá nhập khẩu tăng chậm hơn xuất khẩu.

d) Ngành ngoại thương của Trung Quốc phát triển mạnh.

2.1. Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP của Trung Quốc, năm 2010 và năm 2020

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2020
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	9,6	7,7
Công nghiệp, xây dựng	46,7	37,8
Dịch vụ	43,7	54,5

- a) Tỷ trọng ngành công nghiệp năm 2020 tăng so với năm 2010.
 b) Cơ cấu GDP đang thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng; tăng tỷ trọng ngành dịch vụ.
 c) Tỷ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất trong cơ cấu GDP.
 d) Tỷ trọng ngành dịch vụ luôn lớn nhất trong cơ cấu GDP.

Đáp án:

Ý	2.1				2.2			
	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S

THỰC HÀNH

SỰ THAY ĐỔI CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Thu thập được tư liệu (hình ảnh, số liệu, bài viết,...) về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Khai thác Internet phục vụ môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Sưu tầm các tư liệu về nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.
- Đường link tìm kiếm dữ liệu về vùng duyên hải Trung Quốc. Ví dụ: <https://www.gso.gov.vn/>; <https://www.worldbank.org/en/home>; <https://stast.gov.cn/>

2. Chuẩn bị của HV

- Sưu tầm tư liệu về nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành có quỹ thời gian khoảng 01 tiết. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt trong chương trình. Việc tách thành bài thực hành giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn. Thông qua bài thực hành HV sẽ hình thành được nhiều kỹ năng và góp phần hình thành năng lực môn học.

Để thực hiện được bài học GV và HV cùng xác định các nội dung trình bày một cách cụ thể, hướng dẫn HV các nguồn tư liệu có thể tìm kiếm và yêu cầu HV chuẩn bị trước (có thể theo phương pháp dạy học dự án), sau đó tổ chức cho HV trình bày. Việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn HV tìm kiếm tư liệu có thể thực hiện trong hoạt động vận dụng của bài học trước.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Giúp HV kết nối kiến thức, kinh nghiệm của bản thân với chủ đề về kinh tế. Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV tham gia trò chơi “ONG TÌM CHỮ”

GV cung cấp một bảng chữ cái và yêu cầu HV tìm ra được các cụm từ liên quan đến vùng duyên hải: Đây là các trung tâm công nghiệp thuộc các tỉnh nằm ở vùng duyên hải Trung Quốc.

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

HV làm việc theo bàn, mỗi bàn là một đội, tìm chữ và liệt kê hoặc khoanh vào bảng chữ trong thời gian 3 phút. Hết thời gian, HV công bố kết quả.

c) Kết nối vào bài học mới: GV đưa ra đáp án và các đội chơi đối chiếu kết quả, GV công bố đội thắng cuộc, trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

T	H	A	N	H	Đ	Ã	O	B	Ã	C
H	É	U	A	G	Ạ	T	U	N	H	P
Ư	Ồ	N	M	O	I	Â	M	T	Ù	H
Ợ	N	B	A	H	L	N	I	H	N	Ú
N	G	Ã	N	M	I	K	N	I	G	C
G	A	C	M	I	Ê	I	K	Ê	T	C
H	I	K	I	N	N	M	Ư	N	H	H
Ả	K	I	N	H	A	N	H	T	A	Â
I	Ê	N	H	N	I	N	H	Â	N	U
O	T	H	Ã	M	D	Ư	Ồ	N	G	Ô
T	Â	N	M	I	N	H	O	A	H	E
É	N	Q	U	Ả	N	G	C	H	Â	U

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Xác định nội dung và cách thức thu thập tư liệu

Lưu ý: hoạt động này GV thực hiện ở tiết học trước để HV có thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

1. Mục tiêu

Xác định được các nội dung và cách thức thu thập tư liệu về sự thay đổi nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV dựa vào kiến thức, kỹ năng đã học và hiểu biết của bản thân, hãy:

- + Xác định các nội dung thể hiện sự thay đổi nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.
- + Xác định cách thức thu thập tư liệu.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và xác định.

c) Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt công việc cần thực hiện và nội dung cần trình bày.

- + Các nội dung thể hiện sự thay đổi nền kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc:

SỰ THAY ĐỔI CỦA NỀN KINH TẾ TẠI VÙNG DUYN HẢI TRUNG QUỐC

1. Giới thiệu chung về vùng duyên hải của Trung Quốc.
2. Những thay đổi về kinh tế của một số tỉnh, thành phố tại vùng duyên hải
 - GDP
 - Trị giá xuất, nhập khẩu
3. Liệt kê một số trung tâm kinh tế và một số ngành kinh tế chính của vùng duyên hải.

+ Cách thức thu thập tư liệu: xác định nội dung cụ thể -> Xác định nguồn tư liệu để thu thập -> thu thập tư liệu -> xử lý tư liệu theo nội dung

+ Nguồn tư liệu: thông tin sưu tầm từ internet, sách giáo khoa, sách, báo, tạp chí,....

+ Hình thức bài trình bày: bài viết, bài trình chiếu powerpoint, tập san hình ảnh, video,...

HV lựa chọn theo sở thích và năng lực.

Hoạt động 2.2. Thực hiện thu thập tư liệu và trình bày về sự thay đổi kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

1. Mục tiêu

- Thu thập được tư liệu (hình ảnh, số liệu, bài viết,...) về những thay đổi trong GDP, giá trị xuất, nhập khẩu và sự phát triển kinh tế tại vùng duyên hải.

- Trình bày được kết quả thu thập tư liệu về sự thay đổi kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho HV:

+ Thu thập, sưu tầm và xử lí các tư liệu thu thập được về sự thay đổi kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

+ Chia sẻ về sự thay đổi kinh tế tại vùng duyên hải Trung Quốc.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV các nhóm phân công nhiệm vụ, trao đổi và thống nhất, chuẩn bị báo cáo (thực hiện ngoài giờ lên lớp).

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện nhóm HV báo cáo. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, đánh giá sản phẩm của HV và kết luận.

THỰC HÀNH

TÌM HIỂU VỀ KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ.

- Khai thác chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Ô-xtrây-li-a.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Sử dụng các công cụ địa lí học, Khai thác Internet phục vụ môn học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Suu tầm các tư liệu về nền kinh tế Ô-xtrây-li-a.

- Đường link tìm kiếm dữ liệu về kinh tế Ô-xtrây-li-a. Ví dụ: Cục thống kê Ô-xtrây-li-a: <https://www.abs.gov.au/>; Tổng cục thống kê Việt Nam: <https://www.gso.gov.vn/>; Ngân hàng Thế giới: <https://www.worldbank.org/en/home>; Tổ chức Du lịch Thế giới: <https://www.unwto.org/>; Tổ chức Thương mại Thế giới: <https://www.wto.org/> ...

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tư liệu về kinh tế Ô-xtrây-li-a.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Chủ đề thực hành dự kiến thời gian thực hiện khoảng 02 tiết. Bài thực hành giải quyết một số yêu cầu cần đạt trong chương trình. Đây là dạng bài tìm hiểu kiến thức thông qua thực hành nhằm hình thành được nhiều kĩ năng, rèn luyện những kĩ năng HV đã được hình thành từ các bài học trước như: kĩ năng đọc bản đồ, thu thập tư liệu, từ đó góp phần hình thành năng lực môn học. Đồng thời, bài thực hành này giúp GV và HV có điều kiện chuẩn bị tốt hơn.

Để thực hiện được bài học GV và HV cùng xác định các nội dung cần tìm hiểu một cách cụ thể, hướng dẫn HV các nguồn tư liệu có thể tìm kiếm và yêu cầu HV chuẩn bị trước (có thể theo phương pháp dạy học dự án), sau đó tổ chức cho HV trình bày.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ






GV chia HV làm 4 đội, tổ chức trò chơi “Khám phá Ô-x-trây-li-a”. GV yêu cầu HV: Chuẩn bị giấy note/bảng con cá nhân -> Lắng nghe câu hỏi và viết nhanh đáp án -> Hết giờ, đồng loạt giơ bảng (tham gia trả lời trong 10 giây).






b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

HV nghe câu hỏi và trả lời. HV xác nhận đáp án và tự chấm điểm.

c) *Kết nối vào bài học mới*: GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt HV vào bài học mới.

Gợi ý 5 câu hỏi như sau:

1. Hình nào là Quốc kì Ô-x-trây-li-a?		2. Đây là thành phố nào của Ô-x-trây-li-a	
			
A	B		
			
D	C		

3. Đây là công trình nổi tiếng nào của Ô-x-trây-li-a?		5. Những con vật nào là biểu tượng của Ô-x-trây-li-a?	
			
4. Ô-x-trây-li-a phát triển mạnh ngành chăn nuôi	A	B	
A. Lợn, gà. B. Trâu, bò. C. Gia cầm, cừu. D. Cừu, bò.			
	D	C	

Lưu ý: Tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất và đối tượng HV, GV có thể thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm không cần trình chiếu hình ảnh và tăng số lượng câu hỏi cho trò chơi.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Đọc bản đồ kinh tế Ô-x-trây-li-a

1. Mục tiêu

- Xác định được sự phân bố kinh tế trên bản đồ.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Dựa vào bản đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a, hãy xác định sự phân bố kinh tế của Ô-xtrây-li-a theo gợi ý cụ thể như sau:

Nhóm 1, 4: Xác định trên bản đồ sự phân bố của các sản phẩm chính của ngành nông nghiệp Ô-xtrây-li-a (theo gợi ý phiếu học tập 1)

PHIẾU HỌC TẬP số 1		
Dựa vào bản đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a, hãy:		
1. Hoàn thành thông tin vào bảng sau:		
	<i>Sản phẩm chính</i>	<i>Phân bố</i>
Trồng trọt		
Chăn nuôi		
2. Nhận xét sự phân bố ngành đánh bắt hải sản của Ô-xtrây-li-a		

Nhóm 2, 5: Xác định trên bản đồ sự phân bố của các trung tâm công nghiệp và ngành công nghiệp chính của Ô-xtrây-li-a (theo gợi ý phiếu học tập 2)

PHIẾU HỌC TẬP số 2	
Dựa vào bản đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a, hãy:	
1. Hoàn thành bảng thông tin sau:	
<i>Tên trung tâm công nghiệp</i>	<i>Các ngành công nghiệp chính</i>
2. Nhận xét sự phân bố các trung tâm công nghiệp của Ô-xtrây-li-a	

Nhóm 3, 6: Xác định trên bản đồ sự phân bố của các sân bay, cảng biển, điểm du lịch của Ô-xtrây-li-a (theo gợi ý phiếu học tập 3)

PHIẾU HỌC TẬP số 3

Dựa vào bản đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a, hãy hoàn thành thông tin vào bảng sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Kẻ tên</i>
Sân bay	
Cảng biển	
Điểm du lịch	

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc theo nhóm, trao đổi và xác định trên bản đồ các thông tin theo phiếu học tập.

c) *Báo cáo, thảo luận:* Một số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV chốt các công việc HV cần thực hiện và nội dung cần trình bày.

Hoạt động 2.2. Xác định nội dung và cách thức thu thập tư liệu

Lưu ý: hoạt động này GV thực hiện ở tiết học trước để HV có thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

1. Mục tiêu

Xác định được các nội dung và cách thức thu thập tư liệu về kinh tế Ô-xtrây-li-a.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HV dựa vào kiến thức, kỹ năng đã học và hiểu biết của bản thân, hãy:

- + Xác định các nội dung thể hiện tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a.
- + Xác định cách thức thu thập tư liệu.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc theo cặp đôi, trao đổi và xác định.

c) *Báo cáo, thảo luận*

Một số HV chia sẻ, HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV chốt các công việc HV cần thực hiện và nội dung cần trình bày.

- + Các nội dung thể hiện tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ô-XTRÂY-LI-A

1. Tình hình phát triển kinh tế chung

- Quy mô GDP

- Tốc độ tăng GDP
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2. Các ngành kinh tế

Xác định sự phân bố một số ngành kinh tế của

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
- Công nghiệp
- Dịch vụ

+ Cách thức thu thập tư liệu: xác định nội dung cụ thể -> Xác định nguồn tư liệu để thu thập -> thu thập tư liệu -> xử lý tư liệu theo nội dung

+ Nguồn tư liệu: thông tin sưu tầm từ internet, sách giáo khoa, sách, báo, tạp chí,....

+ Hình thức bài trình bày: bài viết, bài trình chiếu powerpoint, tập san hình ảnh, video,...

HV lựa chọn theo sở thích và năng lực. Bài trình bày có hình ảnh, lược đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ để minh họa.

Hoạt động 2.2. Thực hiện thu thập tư liệu và chia sẻ về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a

1. Mục tiêu

- Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Ô-xtrây-li-a.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho HV:

+ Thu thập, sưu tầm và xử lý các tư liệu thu thập được về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a

+ Chia sẻ về tình hình phát triển kinh tế Ô-xtrây-li-a.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV các nhóm phân công nhiệm vụ, trao đổi và thống nhất, chuẩn bị báo cáo (thực hiện ngoài giờ lên lớp).

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện nhóm HV báo cáo. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động của HV, đánh giá sản phẩm của HV và kết luận.

CỘNG HÒA NAM PHI

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA NAM PHI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế.

- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không quan, Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học, Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Nhân ái (tôn trọng sự khác biệt về sự đa dạng văn hóa của Cộng hòa Nam Phi); Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Bản đồ địa lí tự nhiên Nam Phi.

- Video, tranh ảnh về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, xã hội của Nam Phi (nếu có).

- Đường link một số trang web để HV tìm và cập nhật dữ liệu, thông tin về Nam Phi. Ví dụ: <https://cacnuoc.vn/> <https://data.worldbank.org/>

2. Chuẩn bị của HV

- Suu tầm tài liệu liên quan đến tự nhiên, dân cư, xã hội Nam Phi để phục vụ cho bài học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Bài học này được thực hiện với thời lượng khoảng 2 tiết. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học được sử dụng trong bài mang ý nghĩa gợi ý. GV có thể linh hoạt và sáng tạo theo các phương án khác để phù hợp với đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học

đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê, biểu đồ...; sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập; tạo hứng thú học tập cho HV.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, GV khuyến khích HV khai thác kênh hình, số liệu/lược đồ/bản đồ để làm minh chứng cho báo cáo. Đồng thời, GV tạo điều kiện cho HV phát huy vốn hiểu biết thực tiễn sẵn có của bản thân nhằm khuyến khích HV tích cực hơn trong thực hiện nhiệm vụ học tập. GV có thể sử dụng các tư liệu thu thập được như video, hình ảnh,... liên quan đến tự nhiên, dân cư và xã hội Cộng hòa Nam Phi (nếu có) để làm phong phú thông tin, làm cho bài học thú vị hơn.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động được những hiểu biết của mình về tự nhiên, dân cư và xã hội Nam Phi để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV trò chơi “Thử tài ghi nhớ”, yêu cầu HV: Hãy ghi ra những điều thú vị về Cộng hòa Nam Phi được đề cập trong video này. Sau khi video đến 2p45s, HV đưa mảnh giấy ghi kết quả lên. HV nào ghi được nhiều thông tin chính xác nhất sẽ chiến thắng.

GV cho HV xem video: Khám phá Cộng hòa Nam Phi (chiều từ 0 đến 2p45s): <https://youtu.be/QeMCzhecJSE>

b) Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo: HV tham gia trò chơi.

c) Kết nối vào bài học mới: GV mời 1 số HV đọc kết quả của mình, HV khác bổ sung (nếu có), trên cơ sở đó dẫn dắt HV vào bài học mới.

Lưu ý: GV có thể sử dụng phương án trong SGK hoặc phương án: GV sử dụng kỹ thuật tia chớp và yêu cầu HV: Chia sẻ hiểu biết của bản thân về Cộng hòa Nam Phi. GV có thể sử dụng video khác, ví dụ: <https://www.youtube.com/watch?v=7GXks0bVKFs>

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Xác định vị trí địa lí và ảnh hưởng của vị trí địa lí

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV: Đọc thông tin trong SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Cộng hòa Nam Phi, hãy:

+ Trình bày vị trí địa lí của Nam Phi.

+ Trình bày ảnh hưởng của vị trí địa lí đến phát triển kinh tế Cộng hòa Nam Phi.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc cá nhân hoặc theo cặp đôi và chuẩn bị báo cáo.

c) *Báo cáo, thảo luận*

Một số HV lên trình bày (có xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ trên bản đồ); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV nhận xét hoạt động học của HV, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1. Mục tiêu

- Trình bày được ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế.

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

+ GV yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ địa lí tự nhiên Nam Phi, hãy:

- Trình bày đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nam Phi.

- Trình bày ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế Nam Phi.

+ GV chia lớp thành 6 nhóm, tổ chức theo kĩ thuật mảnh ghép.

Nhóm chuyên gia:

Nhóm 1: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của địa hình và đất đến phát triển kinh tế.

Nhóm 2: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của khí hậu đến phát triển kinh tế.

Nhóm 3: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của sông, hồ đến phát triển kinh tế.

Nhóm 4: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của biển đến phát triển kinh tế.

Nhóm 5: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của sinh vật đến phát triển kinh tế.

Nhóm 6: trình bày đặc điểm và ảnh hưởng của khoáng sản đến phát triển kinh tế.

Nhóm mảnh ghép hoàn thành nội dung theo gợi ý sau:

<i>Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</i>	<i>Đặc điểm</i>	<i>Ảnh hưởng</i>
Địa hình, đất		
Khí hậu		

Sông, hồ		
Sinh vật		
Biển		
Khoáng sản		

+ GV yêu cầu HV sử dụng bản đồ địa lí tự nhiên Cộng hòa Nam Phi xác định một số đồng bằng, dãy núi; một số sông, hồ; một số đặc điểm về biển, sinh vật và khoáng sản của Nam Phi để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm chuyên gia trong 3 phút. Sau đó hình thành nhóm mảnh ghép và trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ trong khoảng 10 phút. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

Tùy theo điều kiện học tập, HV có thể trình bày sản phẩm thảo luận nhóm trực tiếp vào vở ghi của mỗi HV hoặc bảng phụ hoặc giấy A0 của nhóm hoặc trên máy tính để trình chiếu.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện nhóm lần lượt báo cáo kết quả. HV khác bổ sung và trao đổi, thảo luận cả lớp.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV. Đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Lưu ý: Để mở rộng kiến thức, GV có thể cho HV xem thêm một số hình ảnh, video về thiên nhiên Cộng hòa Nam Phi. Ví dụ: <https://youtu.be/q4HNyS7zifU> (tự nhiên Cộng hòa Nam Phi).

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu dân cư và xã hội

1. Mục tiêu

- Phân tích được tác động của đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

+ GV yêu cầu HV: Đọc thông tin, bảng số liệu hoặc biểu đồ, bản đồ phân bố dân cư Nam Phi trong SGK, hãy:

- Trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của Nam Phi.
- Trình bày tác động của đặc điểm dân cư và xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội Nam Phi.

+ GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm 4 và đóng vai thành các nhân vật: “chuyên gia” trả lời các câu hỏi của “phóng viên” về các vấn đề dân cư và xã hội Nam Phi.

+ GV yêu cầu HV:

- Nhận xét bảng số liệu/biểu đồ về dân cư Nam Phi (số dân, tỉ lệ gia tăng dân số,...) để minh chứng khi trình bày đặc điểm dân cư Nam Phi.

- Xác định trên bản đồ các khu vực tập trung dân cư đông đúc, các khu vực thưa dân, các đô thị đông dân và nhận xét đặc điểm phân bố dân cư và đô thị hóa Nam Phi.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV trao đổi, thảo luận, xây dựng kịch bản đơn giản bằng cách: đặt ra các câu hỏi cụ thể về đặc điểm và ảnh hưởng của dân cư, xã hội; các câu trả lời tương ứng; lựa chọn nhân vật (có thể có cả vai quần chúng có thể hỏi hoặc trả lời bổ sung). GV có thể hướng dẫn HV nhận xét, xử lí số liệu hoặc biểu đồ, đọc bản đồ để minh họa cho câu trả lời.

c) Báo cáo, thảo luận: Một số nhóm HV lên trình diễn. HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Lưu ý: GV yêu cầu nhân vật “phóng viên” cần có những câu hỏi/yêu cầu phân tích bảng số liệu/biểu đồ, đọc bản đồ để rút ra đặc điểm, làm minh chứng cho câu trả lời cho nhân vật “chuyên gia”.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Củng cố kiến thức đã học cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

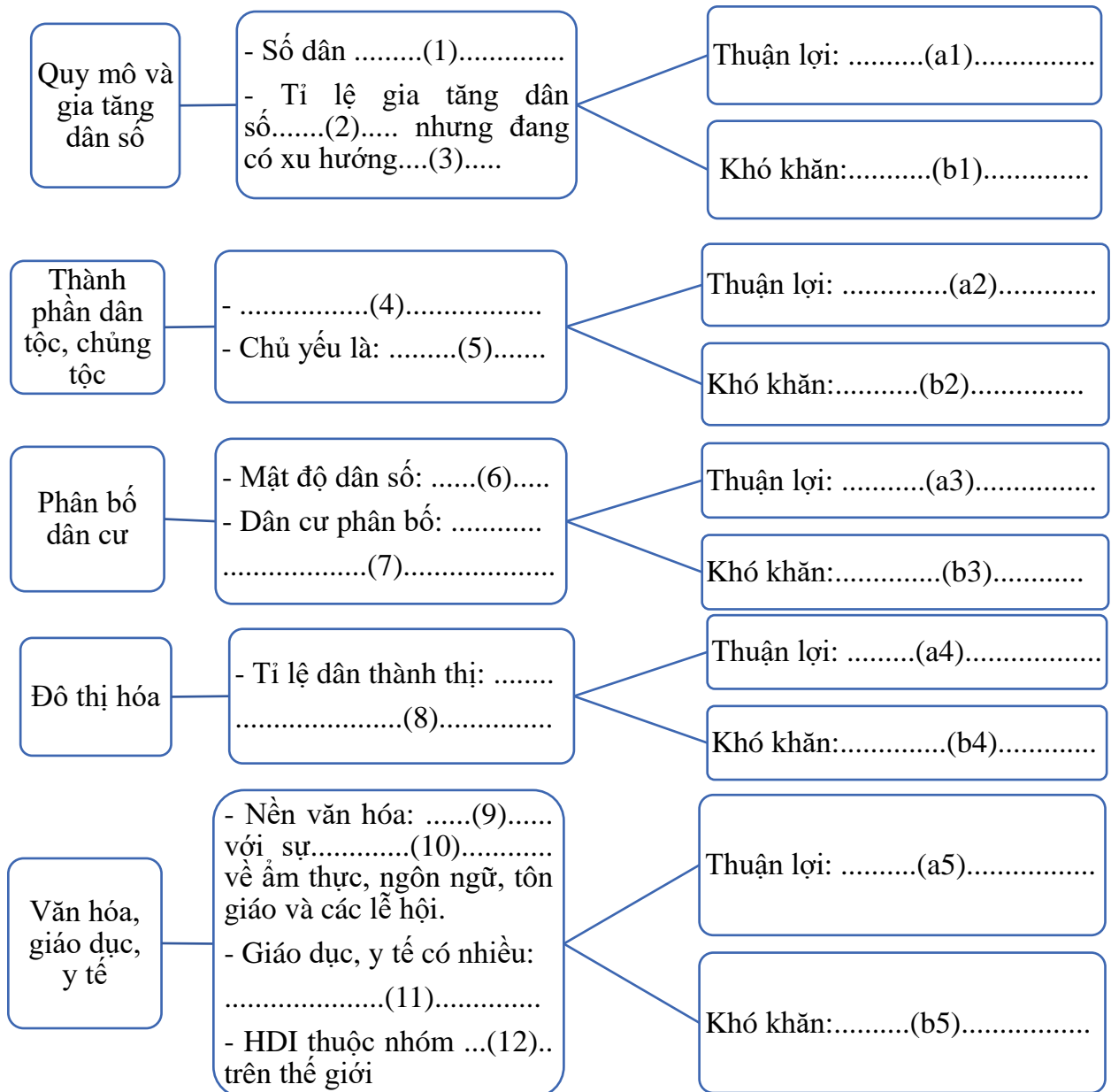
a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 đội, tổ chức cuộc thi “Ai giỏi ai nhanh”. GV đưa ra phiếu học tập và yêu cầu các đội thi điền từ (trong bảng) vào chỗ (.....) từ 1 đến 12 và sắp xếp các ô thông tin vào sơ đồ từ a1, b1 đến a5, b5. Đội chiến thắng là đội đạt nhiều kết quả đúng nhất và nhanh nhất.

đông	đa dạng	cao và tăng nhanh	khá cao	không đều	thấp
cao	tiền bộ	người gốc Phi	đặc sắc	phong phú	giảm

thị trường tiêu thụ lớn và nguồn lao động dồi dào	văn hóa đa dạng, đặc sắc; phát triển du lịch	phát triển một số đô thị lớn và hiện đại
các thành phố lớn đối mặt với nhiều vấn đề: giải quyết việc làm, nhà ở, giáo dục, môi trường,...	vùng đông dân có nguồn lao động dồi dào, kinh tế phát triển	
vùng thưa dân thiếu lao động, kinh tế kém phát triển	sức ép về việc làm, giáo dục, y tế, môi trường,....	tiềm ẩn các vấn đề về an ninh, xã hội

b) Thực hiện nhiệm vụ



HV trao đổi theo nhóm, tìm đáp án trong 2 phút. Sau đó thực hiện cuộc thi.

c) Báo cáo, thảo luận

GV có thể mời HV đại diện cho 4 đội thi đối chiếu kết quả và chấm điểm.

d) Đánh giá và chốt kiến thức, GV công bố kết quả cuộc thi và nhận xét hoạt động của HV

Lưu ý: GV có thể rèn luyện kỹ năng Địa lí cho HV bằng cách yêu cầu HV nhận xét biểu đồ/bảng số liệu hoặc đọc bản đồ để rút ra nhận xét về dân cư.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hoà Nam Phi. Tìm tòi mở rộng thêm kiến thức và hiểu sâu hơn nội dung bài học. Liên hệ thực tế.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HV về nhà thu thập tư liệu một vấn đề về tự nhiên, dân cư, xã hội của Cộng hòa Nam Phi.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây.

1.1. Vị trí địa lí của Cộng hòa Nam Phi thuận lợi nhất cho các hoạt động nào sau đây?

- A. Nông nghiệp. B. Công nghiệp khai khoáng.
C. Hàng không. D. Giao thông hàng hải.

1.2. Phát biểu nào sau đây không đúng với tự nhiên Cộng hòa Nam Phi?

- A. Khí hậu khác nhau rõ rệt giữa các vùng.
B. Chủ yếu là sông ngắn và dốc.
C. Địa hình đồng bằng chiếm diện tích lớn.
D. Giàu khoáng sản kim loại quý.

1.3. Phần lớn lãnh thổ Cộng hòa Nam Phi có khí hậu

- A. nhiệt đới. B. xích đạo. C. cận cực. D. ôn đới.

1.4. Phát biểu nào sau đây đúng với dải đồng bằng ven biển của Cộng hòa Nam Phi?

- A. Chủ yếu là đất phèn, mặn và chua.
B. Nằm ở phía tây nam và đông nam.
C. Diện tích lớn, đất phù sa màu mỡ.
D. Độ cao trung bình khoảng 2 000m.

1.5. Đặc điểm nổi bật của dân cư Cộng hòa Nam Phi là

- A. gia tăng tự nhiên thấp. B. tỉ lệ dân thành thị thấp.
C. tập trung ở miền núi. D. phân bố không đều.

1.6. Phát biểu nào sau đây *không đúng* về xã hội Cộng hòa Nam Phi?

- A. Y tế, giáo dục được chú trọng. B. Nền văn hóa đa dạng, đặc sắc.
C. Chỉ số HDI còn thấp. D. Tỉ lệ thất nghiệp còn cao.

Ý	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6
Đáp án	D	C	A	B	D	C

Câu 2. Hãy chọn Đúng, Sai cho các ý a, b, c, d

2.1. Đọc thông tin sau:

Cộng hòa Nam Phi có diện tích khoảng 1,2 triệu km², nằm ở phía nam châu Phi. Phần đất liền trải dài từ vĩ độ 22⁰N đến khoảng vĩ độ 35⁰N và từ khoảng kinh độ 17⁰Đ đến 35⁰Đ.

- a) Có chung đường biên giới trên đất liền với nhiều nước châu Phi.
- b) Nằm hoàn toàn ở bán cầu Nam.
- c) Lãnh thổ hẹp ngang, trải dài theo chiều Bắc Nam.
- d) Diện tích lãnh thổ của Cộng hòa Nam Phi lớn hơn Việt Nam.

2.2. Dựa vào bảng số liệu sau:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA CỘNG HÒA NAM PHI, GIAI ĐOẠN 2000-2020

Năm	2000	2010	2015	2020
Số dân (triệu người)	44,9	51,2	55,4	59,3
Tỉ lệ gia tăng dân số (%)	1,4	1,5	1,5	1,2

Nguồn: WB, 2022

- a) Giai đoạn 2000-2020, số dân và tỉ lệ gia tăng dân số Cộng hòa Nam Phi không thay đổi.
- b) Tỉ lệ gia tăng dân còn ở mức khá cao
- c) Tỉ lệ gia tăng dân số giảm liên tục qua các năm.
- d) Hiện nay, Cộng hòa Nam Phi không còn là nước đông dân.

Đáp án:

Ý	a	b	c	d
2.1	Đ	Đ	S	Đ
2.2	S	Đ	S	S

Câu 3. Hãy trả lời ngắn các yêu cầu sau:

3.1. Cho bảng số liệu:

TRỮ LƯỢNG CRÔM CỦA CỘNG HÒA NAM PHI VÀ THẾ GIỚI NĂM 2020

(Đơn vị: Tỉ tấn)

Khoáng sản	Cộng hòa Nam Phi	Thế giới
Crôm	200	278

(Nguồn: Hội đồng Khoáng sản Nam Phi, năm 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ trọng trữ lượng khoáng sản Crôm của Cộng hòa Nam Phi so với thế giới, năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %).

3.2. Số dân của Cộng hòa Nam Phi năm 2020 là 59,3 triệu người, tỉ lệ người trong nhóm dưới 15 tuổi chiếm 29%. Hãy cho biết số dân trong nhóm dưới 15 tuổi của Cộng hòa Nam Phi năm 2020 có bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người).

KINH TẾ CỘNG HÒA NAM PHI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế, các điểm nổi bật của các ngành kinh tế Cộng hòa Nam Phi

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí Cộng hòa Nam Phi.

2. Năng lực: Góp phần hình thành và phát triển các năng lực sau:

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí, Sử dụng các công cụ địa lí học, Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ (tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Video, tranh ảnh về kinh tế Cộng hòa Nam Phi (nếu có).

- Đường link một số trang web về Cộng hòa Nam Phi. <https://data.worldbank.org/>, <https://www.mineralscouncil.org.za/>, <https://www.vinacomin.vn/>,....

2. Chuẩn bị của HV

- Sưu tầm tài liệu liên quan đến kinh tế Cộng hòa Nam Phi để phục vụ cho chủ đề.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Dưới đây là các phương pháp, kĩ thuật dạy học và hình thức tổ chức dạy học mang ý nghĩa gợi ý được thực hiện trong bài học “Kinh tế Cộng hòa Nam Phi” với thời lượng khoảng 2 tiết. Tùy theo đặc điểm giáo dục của địa phương, trình độ HV và điều kiện dạy học, GV vận dụng phù hợp và linh hoạt. GV cần chú trọng đến các phương pháp và kĩ thuật dạy học đặc thù của môn học như: phương pháp phân tích và xử lí số liệu thống kê, biểu đồ...; sử dụng các phương pháp dạy học kết hợp với các kĩ thuật dạy học tích cực nhằm đảm bảo HV được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, tạo hứng thú học tập cho HV.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, GV khuyến khích HV khai thác kênh hình, số liệu để làm minh chứng và phát huy vốn hiểu biết thực tiễn để trình bày vấn đề theo yêu cầu trong từng hoạt động. GV có thể sử dụng các tư liệu khác như video, hình ảnh, thông tin,...(nếu có) về kinh tế để làm phong phú thông tin cho bài học. GV cần cập nhật số liệu về kinh tế để đảm bảo tính hiện đại của thông tin bài học.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động 1. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Giúp HV huy động được những hiểu biết, kiến thức đã học của mình liên quan đến kinh tế Cộng hòa Nam Phi để kết nối với nội dung bài học. Tạo hứng thú học tập cho HV.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HV trò chơi “nhanh như tia chớp” về chủ đề: ảnh hưởng của tự nhiên, dân cư và xã hội đến phát triển kinh tế của Cộng hòa Nam Phi. GV phổ biến luật chơi: GV lần lượt đưa ra các câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, sau khi đọc xong từng câu, trong vòng 10s, HV ghi phương án trả lời lên giấy nháp và giơ lên. Những HV trả lời sai sẽ bị loại, những HV trả lời đến câu cuối cùng sẽ chiến thắng.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

c) Kết nối vào bài học mới: GV công bố người chiến thắng và dẫn dắt HV vào bài học mới.

Câu 1. Cộng hòa Nam Phi có chung biên giới với mấy quốc gia?

A. 3. B. 4. C. 5 D. 6

Câu 2. Cộng hòa Nam Phi án ngữ con đường biển quan trọng giữa

A. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

B. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

D. Ấn Độ Dương và Nam Đại Dương.

Câu 3. Vùng có khí hậu cận nhiệt địa trung hải thuận lợi trồng các loại cây ăn quả cận nhiệt như nho, cam, chanh, ... là

A. vùng nội địa.

B. vùng duyên hải phía tây.

C. vùng duyên hải đông nam.

D. vùng ven biển phía nam.

Câu 4. Các sông ở Cộng hòa Nam Phi ít có giá trị về

A. phát triển giao thông.

B. cung cấp nước cho canh tác nông nghiệp.

C. phát triển thủy điện.

D. cung cấp nước cho công nghiệp khai thác khoáng sản.

Câu 5. Khu vực ven biển ở phía đông và nam thuận lợi cho cư trú và phát triển nông nghiệp vì có địa hình là

A. cao nguyên.

B. đồi núi.

C. đồng bằng.

C. xa van.

Câu 6. Cộng hòa Nam Phi có nguồn lao động dồi dào cho phát triển kinh tế là do

A. dân số đông, tăng nhanh.

B. thành phần dân tộc, chủng tộc đa dạng.

C. giáo dục, y tế tiến bộ.

D. tỉ lệ dân thành thị cao, tăng nhanh.

Lưu ý: GV có thể sử dụng phương án trong SGK hoặc phương án khác theo gợi ý:

Phương án 2: GV tổ chức cho HV chơi trò chơi: “Hái quả”. GV phổ biến luật chơi như sau: HV chọn 1 quả mình thích trên màn hình và trả lời câu hỏi tương ứng “Đây là sản phẩm/hoạt động của ngành gì? Em biết gì về ngành này của Cộng hòa Nam Phi?” (6 hình về sản phẩm/hoạt động của nông-lâm- thủy sản, công nghiệp và dịch vụ).

Phương án 3: GV cho HV xem một số hình ảnh hoặc video về kinh tế Cộng hòa Nam Phi (nếu có) kết hợp với hiểu biết của bản thân, yêu cầu HV: Hãy chia sẻ những thông tin đã thu thập được về nền kinh tế của Cộng hòa Nam Phi.

Hoạt động 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái quát sự phát triển nền kinh tế.
- Phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HV làm việc theo cặp và giao nhiệm vụ: Đọc thông tin và bảng số liệu/biểu đồ trong SGK và hiểu biết của bản thân, hãy: trình bày khái quát sự phát triển nền kinh tế Cộng hòa Nam Phi.

GV yêu cầu HV phân tích số liệu để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ: HV làm việc theo cặp, chuẩn bị nội dung báo cáo.

c) Báo cáo, thảo luận: HV lên trình bày (có số liệu minh họa); HV khác nhận xét, bổ sung.

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV nhận xét hoạt động học của HV, chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Khám phá các ngành kinh tế

1. Mục tiêu

- Trình bày được các điểm nổi bật của các ngành kinh tế.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HV: Đọc nội dung SGK, đọc bản đồ phân bố công nghiệp, bản đồ phân bố nông nghiệp Cộng hòa Nam Phi, bảng số liệu/biểu đồ, hãy trình bày các đặc điểm nổi bật của các ngành kinh tế.

- Nhóm 1,4: Tìm hiểu ngành nông nghiệp.
- Nhóm 2, 5: Tìm hiểu ngành công nghiệp.
- Nhóm 3, 6: Tìm hiểu ngành dịch vụ.

Sản phẩm HV các nhóm lựa chọn, đa dạng, sáng tạo: bảng thông tin, sơ đồ,....

GV yêu cầu HV phân tích số liệu (bảng số liệu/biểu đồ), đọc bản đồ trong SGK để minh họa cho phần trình bày.

b) Thực hiện nhiệm vụ

HV làm việc theo nhóm khoảng 15 - 20 phút. HV trao đổi, hoàn thành nhiệm vụ và chuẩn bị báo cáo. GV theo dõi và hỗ trợ các nhóm.

c) Báo cáo, thảo luận

HV đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HV nhóm khác nhận xét, bổ sung, nêu câu hỏi/ vấn đề còn thắc mắc. Nhóm trình bày trả lời câu hỏi (nếu có).

d) Đánh giá và chốt kiến thức: GV chốt kiến thức cho HV, đánh giá, nhận xét hoạt động học của HV.

Lưu ý: GV có thể sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, kỹ thuật phòng tranh để tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho HV. GV có thể thiết kế phiếu học tập với các yêu cầu cụ thể để gợi ý cho HV tìm hiểu.

Hoạt động 3. LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức đã học cho HV, rèn luyện kỹ năng Địa lí.

2. Tổ chức hoạt động

a) Chuyển giao nhiệm vụ

GV cung cấp bảng số liệu và yêu cầu HV: Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy: so sánh quy mô GDP của Nam Phi với các quốc gia khác ở châu Phi năm 2021.

Một số quốc gia có quy mô GDP lớn nhất châu Phi năm 2021

(đơn vị: tỉ USD)

<i>Quốc gia</i>	<i>GDP</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>GDP</i>
An-giê-ri	163,04	Tan-da-ni-a	67,84
Ai Cập	404,14	Nam Phi	419,06
Ma-rốc	142,87	Gha-na	77,59
Tuy-ni-di	46,69	Ni-giê-ri-a	440,83
Kê-ni-a	110,35	Ăng-gô-la	67,40

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2022)

Lưu ý: tùy thuộc vào đối tượng HV, GV có thể yêu cầu HV vẽ biểu đồ và nhận xét quy mô, tăng trưởng GDP; trị giá hoặc cơ cấu trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ; cơ cấu kinh tế; diện tích và sản lượng một số nông sản hoặc sản lượng một số sản phẩm công nghiệp hoặc lượt khách du lịch, doanh thu du lịch,.....Hoặc GV cung cấp số liệu về kinh tế khác và yêu cầu HV phân tích.

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một số HV báo cáo. Các HV khác nhận xét, bổ sung.

d) *Đánh giá và chốt kiến thức:* GV nhận xét hoạt động của HV và chốt kiến thức, tiếp tục giao cho HV hoàn thiện nhiệm vụ học tập ở nhà nếu không đủ thời gian trên lớp.

Hoạt động 4. VẬN DỤNG

1. Mục tiêu:

Thu thập được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về Cộng hòa Nam Phi. Tìm tòi mở rộng thêm kiến thức và hiểu sâu hơn nội dung bài học. Liên hệ thực tế.

2. Tổ chức hoạt động

a) *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu HV: Lựa chọn và thu thập tư liệu về một vấn đề kinh tế của Cộng hòa Nam Phi mà mình quan tâm (sản phẩm nông nghiệp hoặc công nghiệp đặc trưng, ngành công nghiệp thế mạnh, điểm du lịch nổi tiếng,...).

b) *Thực hiện nhiệm vụ:* HV làm việc cá nhân ở nhà; báo cáo hoặc nộp sản phẩm theo yêu cầu của GV.

V. GỢI Ý CÂU HỎI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Câu 1. Hãy lựa chọn phương án đúng cho các câu dưới đây

1.1. Ngành nào dưới đây **không phải** là ngành công nghiệp quan trọng ở Cộng hòa Nam Phi?

A. Chế tạo máy bay.

B. Chế biến thực phẩm.

C. Sản xuất ô tô.

D. Khai thác khoáng sản.

1.2. Hoạt động khai thác khoáng sản ở Cộng hòa Nam Phi diễn ra chủ yếu ở

A. ven biển.

B. phía bắc.

C. phía nam.

D. nội địa.

1.3. Ngành nông, lâm, thủy sản chỉ đóng góp tỉ trọng nhỏ nhưng có ý nghĩa quan trọng đối với cộng hòa Nam Phi chủ yếu là do

A. góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước.

B. sản lượng nông lâm, thủy sản rất lớn.

C. điều kiện sản xuất thuận lợi

D. thị trường tiêu thụ lớn, nguồn lao động dồi dào.

1.4. Sản phẩm xuất khẩu chính của Cộng hòa Nam Phi là

A. ô tô, máy móc thiết bị.

B. khoáng sản, nông sản.

C. dược phẩm, dệt may.

D. hóa chất, khoáng sản.

1.5. Cây trồng quan trọng hàng đầu của Cộng hòa Nam Phi là

A. lúa gạo.

B. lúa mì.

C. ngô.

D. lạc

1.6. Dựa vào bảng số liệu hãy cho biết: nhận định nào dưới đây không đúng về cơ cấu GDP của Cộng hòa Nam Phi trong giai đoạn 2000 – 2020?

Cơ cấu GDP của Cộng hòa Nam Phi, giai đoạn 2000 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

<i>GDP</i> \ <i>Năm</i>	<i>2000</i>	<i>2010</i>	<i>2015</i>	<i>2020</i>
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	2,6	2,1	2,2	2,5
Công nghiệp, xây dựng	28,2	25,3	23,7	23,4
Dịch vụ	61,2	64,3	64,1	64,6
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,0	8,3	10,0	9,5

(Nguồn: WB, năm 2022)

A. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tỉ trọng nhỏ nhất; ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng khá cao nhưng giảm liên tục.

B. Cơ cấu GDP đang thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và công nghiệp, xây dựng; tăng tỉ trọng ngành dịch vụ.

C. Tỉ trọng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản luôn thấp nhất; tỉ trọng ngành dịch vụ luôn cao nhất trong cơ cấu GDP.

D. Cơ cấu GDP đang chuyển dịch theo hướng tích cực: tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng giảm; tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ tăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT* ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT*, ngày 30 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học chương trình Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 2: Sử dụng PPDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Địa lí*, Trường ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Chương trình ETEP.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng GV phổ thông cốt cán, Mô đun 4: Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông môn Địa lí*, Trường ĐH Sư phạm Đà Nẵng, Chương trình ETEP.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Địa lí*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Địa lí*.
8. Sách giáo khoa môn Địa lí lớp 11 bộ Cánh Diều, bộ Kết nối tri thức và bộ Chân trời sáng tạo.